

TỊNH ĐỘ VẤN ĐÁP

(Sưu Tập Tỳ Kheo Thích Giác Nhàn)

NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT

Chư Phật ra đời là vì một đại sự nhân duyên là “khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến”. Nghĩa là: Ngài muốn chỉ cho tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng vì vô thi do một niệm vô minh bất giác khởi lên che mờ thể tánh thanh tịnh, nên chúng sanh trôi lăn trong ba cõi sáu đường, ra vào nơi sông mê biển nghiệp, mà không tự trở về với nguồn tâm Chân Như của chính mình. Vì vậy, Đức Phật tùy theo căn cơ sai biệt của mỗi chúng sanh mà Ngài nói ra nhiều pháp môn phương tiện khác nhau. Về sau chư Tổ y cứ trên lời Phật dạy lập ra nhiều tông chỉ như: Thiền Tông, Duy Thức Tông, Mật Tông, Luật Tông, Tịnh Độ Tông... Các Tông này đều thiết lập trên nền tảng của “giới, định, huệ” và cứu cánh cũng gặp nhau tại nơi suối nguồn Chân Như.

Hơn nữa, chư Tổ dạy: Muốn tiến vào địa hạt của các Tông Chỉ không phải đi bằng con đường “kiến, văn, giác tri”, thiết lập trên phạm trù “tư duy hữu ngã” mà phải bước vào bằng con đường niềm tin, đi trên tiến trình “tín, tấn, niệm, định và huệ” để “khai minh tâm địa” để thành tựu trí huệ vô ngã. Không những các hành giả đi vào Tông Chỉ bằng niềm tin, mà các vị A La Hán và các vị Bồ Tát cũng đi qua cửa ngõ của niềm tin. Cũng như muốn bước vào quả vị A La Hán phải đoạn trừ “tham, sân, si mạn, nghi”. Và chư vị Bồ Tát muốn bước lên ngôi Đẳng Giác cũng phải đi qua lộ trình Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác.

Sở dĩ người con Phật không tin lời Phật dạy là do lòng nghi, chính “nghi” là một thứ phiền não căn bản ngăn cản các hành giả đi vào con đường đạo, vì “nghi mình” và “nghi pháp” thì thử hỏi làm sao thực hành để thành tựu tâm pháp được. Vì lẽ đó chúng tôi góp nhặt các nghi vấn về Tịnh Độ Tông để công hiến cho các vị liên hữu làm tư lương trên bước đường hành trì pháp môn Tịnh Độ. Dĩ nhiên, những nghi vấn này không thể nào giải quyết hết những mối nghi ngờ của các vị. Tuy nhiên, những giải đáp này cũng là một yếu tố giúp cho hành giả có được niềm tin vững chắc để đi vào tâm pháp Phật.

Muốn chuyển hóa hết các nghi vấn, điều cần yếu là tự mỗi người phải thực nghiệm pháp tu. Duy chỉ có thực hành mới có thể đánh tan các mối nghi. Khi nghi không còn, thì tin hay không tin không đặt thành vấn đề nữa, vì vạn pháp đều là “Nhu Thị”.

Chúng tôi chỉ làm công việc biên soạn thuật lại những lời vấn đáp của chư Tổ liên tông Tịnh Độ. Tuyệt nhiên, chúng tôi không dám xen một ý nghĩ riêng tư nào, vì lời dạy của chư Tổ quá là đầy đủ. Chắc rằng, việc làm của chúng tôi không sao tránh khỏi những lỗi vụng về. Ngưỡng mong các bậc cao minh từ bi chỉ giáo cho.

Viết dưới đèn, ngày 01 tháng 01 năm 2001.

Tỳ kheo Thích Giác Nhiên.

TỔ SƯ AN QUANG DẠY PHẢI CHÚ TRỌNG CHÍ THÀNH CUNG KÍNH

Pháp thế gian hay xuất thế gian đều lấy lòng Thành làm gốc. Hễ có lòng thành thì cảm được Thánh ứng; không có lòng Thành thì do không cảm, Thánh sẽ không ứng. Ví như Mặt trăng rạng rỡ giữa bầu trời, hiện bóng trong muôn sông. Nếu nước đục ngầu, xao động, bóng trăng khó thể hiện hiện được. Do nước gây nên như thế, đâu phải lỗi của trăng!

Vì thế nói: *“Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, ắt phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính, tiêu được một phần tội nghiệp, tặng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, tặng mười phần phước huệ”*. Nếu không cung kính thì chỉ kết được cái duyên xa, khó được lợi ích thật sự. Nếu còn khinh nhờn sẽ mắc tội vô lượng.

TỔ SƯ AN QUANG DẠY MƯỜI ĐIỀU CUNG KÍNH KHI ĐỌC SÁCH

1) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết phải nên phát tâm cung kính như gặp được khách quý, như đối trước bậc hiền triết, ngó hầu luôn luôn ngộ nhập được dụng ý sâu xa của tác giả.

2) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm chí thành, thốt lời khản thiết, khen ngợi tác giả vận tâm cứu thế, vui mừng mình đã hữu duyên được đọc.

3) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên rửa tay, súc miệng, đặt sách lên bàn sạch trong gian phòng sạch sẽ, rồi mới mở ra xem.

4) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết chỉnh đốn quần áo, ngồi ngay ngắn một lát, sám hối hết thảy những ác niệm, ác ngữ, ác hạnh như: ganh ghét, khinh mạn, kiêu cuồng v.v...

5) Lúc đọc, hễ ngộ nhập được một câu một chữ, đều nên khởi lòng hoan hỷ lớn lao và tùy thời ghi chép những điều tâm đắc, đừng bỏ mặc cho quên mất!

6) Lúc đọc, hãy nên nghĩ rộng rãi về ý nghĩa, thoát đầu dùng sách để nhiếp tâm, tiếp đó dùng tâm để chuyển nghiệp, cuối cùng tiến tới tâm niệm không ngừng nghỉ thực hành, khuyên dạy rộng rãi để chuyển thế giới Ngũ Trược thành thế giới Cực Lạc.

7) Lúc tâm khởi vọng niệm, hãy nên cung kính đặt sách xuống, tạm ngừng đọc.

8) Đọc xong hoan hỷ, theo đúng pháp vâng làm, hãy nên thường khởi lòng hâm mộ tâm hoằng pháp, tận lực bắt chước làm theo.

9) Đọc hết bộ sách xong, hãy nên nghĩ kỹ rộng rãi xu hướng trong xã hội hiện tại để nhiếp hóa rộng lớn, ngõ hầu điều lành được lưu truyền.

10) Đọc hết bộ sách xong, thấy được những chỗ có thể tuyên thuyết phù hợp căn cơ, liền vì người không biết chữ mà phương tiện diễn nói rộng rãi để tạo lợi ích lớn.

KỆ TU TRÌ

Giữ vẹn luân thường

Trọn hết bốn phận

Ngăn dứt lòng tà

Giữ gìn lòng thành.

Đừng làm các ác

Vâng làm các thiện

Kiên giết cứu mạng

Ăn chay niệm Phật

Hồi hướng vãng sanh

Thế giới Cực Lạc.

Dùng để tự hành

Lại còn dạy người

Ấy gọi Phật tử

Hành giả hãy nên

Làm như thế ấy

Công đức vô lượng.

KỆ VIẾT TRÊN VÁCH QUAN PHÒNG CHÙA BÁO QUỐC Ở TÔ CHÂU

Sống uổng bảy mươi năm,

Tháng ngày chẳng còn mấy,

**Như tù dẫn ra chợ,
Mỗi ngày gần cái chết,
Tạ tuyệt hết thấy sự,
Để chuyên tu Tịnh Nghiệp,
Nếu hiểu lòng ngu thành, Mới là chân Liên Hữu.
(Năm Dân Quốc thứ 24 -1935)**

QUY TẮC TU HỌC LỜI CHỈ DẠY CỦA ĐẠI SƯ ÁN QUANG

Bất luận là người tu tại gia hay xuất gia, cần phải trên kính dưới hòa, nhẫn nhục điều người khác khó nhẫn được, làm những việc mà người khác khó làm được, thay người làm những việc cực nhọc, thành toàn việc tốt đẹp cho người.

Khi tĩnh tọa thường nghĩ tới điều lỗi của mình, lúc nhàn đàm đừng bàn đến điều sai trái của người, lúc đi đứng, nằm ngồi, ăn mặc từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, chỉ niệm Phật hiệu không để gián đoạn: hoặc niệm nho nhỏ, hoặc niệm thầm. Ngoài việc niệm Phật, đừng dấy khởi một niệm nào khác. Nếu khởi vọng niệm phải tức thời bỏ ngay. Thường có lòng hổ thẹn và tâm sám hối. Nếu đã tu trì, phải tự hiểu là công phu của ta hãy còn nông cạn, chẳng nên tự kiêu căng khoa trương, chỉ nên chăm sóc việc nhà mình, đừng nên dính vào việc nhà người. Chỉ nên nhìn những hình ảnh tốt đẹp, đừng nên nhìn những hình ảnh xấu xa bại hoại. Hãy coi mọi người đều là Bồ Tát, mà ta chỉ là kẻ phàm phu.

Nếu quả có thể tu hành được như những điều kể trên, thì nhất định được sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

TỔ SƯ ÁN QUANG KHAI THỊ

“Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp, Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm”.

“Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,

Kỳ chết sắp đến, tận lực tạ từ mọi thù tạc”.

“Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh

Núi khe nẻo khách, từ nay thôi quyến luyến.

Tự mình chẳng về, về liền được

Gió trăng quê cũ, toàn thể hãy tự vâng”.

“Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành”.

Giáo - Lý - Hạnh - Quả là cương tông của Phật pháp. Nhớ Phật, niệm Phật thực là đường tắt để đắc đạo. Thời xưa, cứ tu một pháp thì cả bốn (Giáo - Lý - Hạnh - Quả) đều đủ. Còn đời này nếu bỏ Tịnh Độ thì hoàn toàn chẳng chứng được đạo quả. Ấy là vì cách biệt thánh đã xa, căn tánh con người hèn kém, nếu chẳng cậy vào Phật lực, quyết khó được giải thoát.

Như đã nói: *“Pháp môn Tịnh Độ nhiếp khắp căn cơ thượng, trung, hạ; cao trội hơn Luật, Giáo, Thiên Tông, thực là lòng từ bi triệt để của chư Phật, chỉ bày thể tánh sẵn có của chúng sanh, dẫn tam thừa ngũ tánh đồng quy cõi tịnh, đưa thượng thánh hạ phàm cùng chứng Chân Thường. Cứu giới chúng sanh lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”*.

Thế nên, vãng thánh tiền hiền (thánh hiền đời trước) ai nấy đều hướng về. Ngàn kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Từ sau hội Hoa Nghiêm dẫn khởi quy hướng, các đại Bồ Tát tận khắp mười phương thế giới không vị nào chẳng cầu sanh Tịnh Độ; kể từ khi diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, cuối hết thầy các trước thuật của Tây Thiên, Đông Độ đều quy kết Liên Bang. (Trích *Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

I - TỔ SƯ ẨM QUANG THỊ TỊCH BIẾT TRƯỚC LÚC MẮT

Sư Thị Tịch Biết Trước Lúc Mất. Mùa Xuân năm Dân Quốc 29 (1940), trong thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh có viết: *“Nay đã tám mươi, sáng chẳng đảm bảo được tới”*. Lại nói: *“Quang là kẻ sắp chết, đâu có thể lưu lại quy củ ấy?”* Đến mùa Đông, nhằm ngày Hai Mươi Bảy tháng Mười, Sư thị hiện bệnh nhẹ, đến Một giờ chiều ngày Hai Mươi Tám, liền triệu tập toàn thể các chức sự trong núi và các cư sĩ đến quan phòng hội đàm, bảo đại chúng rằng: *“Chức vụ Trụ Trì Linh Nham không thể bỏ trống lâu hơn nữa, liền sai Diệu Chân đảm nhiệm”*. Đại chúng tán đồng, bèn định lấy ngày mồng Chín tháng Mười Một là kỳ hạn nhậm chức, Sư bảo “trễ quá!” liền đổi thành ngày mồng Bốn, vẫn nói “Trễ rồi!” Sau đây chọn ngày mồng Một, Sư gật đầu nói: *“Được đấy!”*, liền khai thị cho đại chúng về đường lối của bổn tự hơn hai tiếng đồng hồ. Về sau, tuy tinh thần đã suy dần, vẫn an nhiên cùng với các vị như Chân Đạt v.v... bàn bạc mọi chuyện điềm nhiên, thư thái như thường, chẳng có dáng vẻ bệnh tật gì.

Tối ngày mồng Ba, Sư dùng được một chén cháo loãng. Ăn xong, Sư bảo bọn Chân Đạt: *“Pháp môn Tịnh Độ trọn chẳng có gì lạ lùng, đặc biệt chi khác, chỉ cốt sao khẩn thiết chí thành không ai chẳng được Phật tiếp dẫn, đời nghiệp vãng sanh”*. Sau đấy, Sư tỏ vẻ mệt nhọc, nhiệt độ thân thể giảm xuống. Một giờ rưỡi sáng ngày mồng Bốn, Sư từ

giường ngồi dậy nói: “Niệm Phật thấy Phật, quyết định sanh Tây”. Nói xong liền lớn tiếng niệm Phật. Hai giờ mười lăm phút, bảo đem nước rửa tay xong, đứng dậy nói: “Được A Di Đà Phật tiếp dẫn, ta phải đi rồi. Mọi người phải niệm Phật, phải phát nguyện, phải sanh Tây Phương”. Nói xong, liền chuyển sang ngồi trên ghế, mặt hướng về Tây, thân ngồi ngay ngắn. Hơn ba giờ, thầy Diệu Chân đến, được Sư dặn dò: “Người phải duy trì đạo tràng, hoằng dương Tịnh Độ, đừng học thói kẻ cả”, rồi sau đó không nói gì nữa, môi chỉ mấp máy niệm Phật, đến gần năm giờ, trong tiếng niệm Phật của đại chúng, Sư an tường về Tây.

Dựa theo sự việc trong mấy ngày ấy, hết thấy sự xếp đặt như gấp rút cử Diệu Chân thật sự giữ chức Trụ Trì v.v... tuy chẳng nói rõ nguyên do, nhưng đích thực là bản lãnh đã biết trước lúc mất. Thân không có hết thấy bệnh khổ, ách nạn, tâm không có hết thấy tham luyến, mê hoặc, các căn vui vẻ, thư thái, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiền Định. Xét ra, Sư suốt đời tự hành, dạy người và tướng lành lúc lâm chung, phẩm sen vãng sanh quyết chẳng thể là Trung, Hạ được!

Sư sanh vào giờ Thìn ngày Mười Hai tháng Chạp năm Hàm Phong 11 (1861), tức năm Tân Dậu, tịch vào giờ Mão ngày mồng Bốn tháng Mười Một năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 (1940), thọ tám mươi tuổi, Tăng lạp sáu mươi năm. Linh Nham nhờ Sư mà được trung hưng, lại được Sư thị hiện khuôn mẫu sanh Tây, thời tiết nhân duyên, có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn được! Do vậy, cung kính chọn trong năm sau, tức năm Tân Ty, nhằm ngày Rằm tháng Hai, đúng ngày Phật nhập Niết Bàn, đúng dịp Sư về Tây được một trăm ngày, liền nổi lửa trà-tỳ¹, kính đưa linh cốt về lập tháp thờ tại vách Đông Nam của rừng Thạch Cỏ trong núi này.

Sư lá rụng về cội, ngộ chứng như thế nào, bọn phàm phu sát đất chúng ta đều chẳng có Tha Tâm Đạo Nhân không dám bình luận xằng bậy! Chỉ đọc bộ Văn Sao của Sư mấy lượt được ấn hành và bộ Tục Biên mới được in trong năm nay và các sách do Sư đích thân lưu thông cũng như hạnh chân thật “đề xướng niệm Phật, phát huy những chỗ nhiệm mầu trong lẽ đạo, tự hành, dạy người, chuyên dốc thiết tha tu trì” đủ chứng tỏ Sư là bậc thừa nguyện tái lai không còn ngờ chi nữa. Phàm ai tín nguyện niệm Phật, thấu hiểu tông chỉ đích xác của Tịnh tông, sẽ chẳng đến nỗi còn có những bàn bạc, nghi ngờ chi cả! Bọn Chân Đạt được theo hầu Sư lâu nhất, biết khá cặn kẽ, nay lược thuật đại khái hạnh nghiệp của Sư, ghi thành bài ký.

Mồng Tám tháng Chạp năm Canh Thìn, Trung Hoa Dân Quốc năm 29 (1940), Chân Đạt, Diệu Chân, Liễu Nhiên, Đức Sâm v.v... đánh lễ kính thuật. (Trích Trung Hưng Tịnh Tông Ấn Quang Đại Sư Hạnh Nghiệp ký – Tam Biên Q.4)

¹. Trà-tỳ (Jhāpeti), còn phiên âm là Xà Ty, Xà Ty, Da Duy, có nghĩa là hỏa thiêu.

II - CUỘC ĐÒI CỦA ÔNG CHU AN SĨ

Chu Mộng Nhan, còn gọi Tư Nhân, tự An Sĩ, nho sinh Côn Sơn. Bác thông kinh tạng, tin sâu pháp môn Tịnh độ, tự hiệu Hoài Tây cư sĩ. Chúng sanh tạo vô lượng tội, nhất là hai nghiệp dâm sát, vì đó viết hai cuốn giới sát giới dâm. Cuốn giới sát đặt tên “Vạn Thiện Tiên Tu”, lời lẽ khẩn thiết. Tự bảo mỗi khi đi qua tất cả miếu thần, đều chú nguyện rằng: “Mong chư tôn thần, phát tâm xuất thế, không nhận rượu thịt, một lòng thường niệm A-di-đà Phật, cầu sanh Tịnh độ. Tư Nhân từ nay (24 tuổi) cho đến mạng chung, nếu có giết một con vật nhỏ, cho đến quỳn thuộc trong nhà, nếu có một người giết trùng kiến, mong tôn thần cải chánh, trừng phạt, nổi sấm đánh nát sách tôi trước tác. Tư Nhân từ nay (24 tuổi) cho đến mạng chung, xuống nước thấy cá, ngưỡng mặt thấy chim, không nghĩ đến cứu độ, mà ngược lại nghĩ đến sát hại, thì cũng sẽ bị phạt giống như thế này. Tư Nhân từ nay (24 tuổi) cho đến mạng chung, nếu trong mộng, thấy người sát sanh, mà không thể chí tâm xưng danh hiệu Phật, phát tâm cứu độ, mà ngược lại còn vui theo, thì cũng sẽ bị phạt giống như thế này”. Cuốn giới dâm đặt tên “Dục Hải Hồi Cuồng”, khuyên người dâm dục, trước quán thai ngục, rõ đủ các khổ, đó là phương tiện dứt dâm đầu tiên; kể đến quán thân này, là ổ vi trùng, ăn tuỷ não người, đó là phương tiện bất tịnh ban đầu; kể nữa quán nam nữ, máu mủ mũi giải, những chất bất tịnh, giống như hầm xí, đó là phương tiện đối trị dứt dâm; kể nữa quán tướng người chết nằm ngửa, băng lạnh thấu xương, nước vàng chảy ra, thúi không chịu nổi, khắp thân thể đầy giòi bọ chui rúc, da thịt vữa ra, gân cốt lòi ra, thân ta, rớt cuộc cũng thế; kể nữa quán niệm tướng sanh, tướng diệt và tướng bất sanh bất diệt mà kinh “Pháp Hoa” nói, đó là phương tiện đoạn dâm tận gốc; kể nữa quán tự thân, trong hoa sen ở ao thất bảo, nước Cực Lạc, hoa sen nở ra, thấy Phật A-di-đà, ngồi hoa sen báu, đủ các thuy tướng trang nghiêm, cũng thấy tự thân, lễ bái cúng dường Phật, quán như thế xong, phát nguyện vãng sanh thế giới Cực lạc, vĩnh viễn ra khỏi lưới dâm, đó là phương tiện giải thoát rốt ráo. Lại viết “Âm Trắc Văn Quảng Nghĩa” 3 quyển, “Tây Quy Trục Chi” 4 quyển. Tháng giêng năm thứ 4 niên hiệu Càn Long, từ biệt mọi người, nói sẽ về Tây Phương, người nhà xin tắm nước thơm, đưa tay ngăn bảo: “Ta tắm nước thơm lâu rồi!” Rồi cười nhẹ mà đi, hương lạ thơm khắp cả phòng, thọ 84 tuổi.

- Tây phương có các loại thù thắng:

- + Hoá sanh trong hoa sen – khác với sanh trong bào thai.
- + Tướng hảo đoan nghiêm – khác với thân thịt xấu xí.
- + Trái vàng làm đất – khác với đất cát dơ uế (dơ sạch khác nhau trời vực).

- + Ăn uống áo quần tự nhiên – khác với đói lạnh.
- + Cung điện tùy ý – khác với xây dựng vất vả.
- + Phi hành tự tại – khác với túi da nhiều bệnh (khổ vui khác nhau trời vực).
- + Thiện hữu ái kinh – khác với oan gia hội tụ.
- + Thọ mạng vô lượng – khác với thoát sanh thoát tử vĩnh viễn không còn thoái chuyển – khác với nghiệp duyên chướng đạo (khó dễ như trời với đất)
- + Thọ ký thành Phật – khác với liên tiếp sanh vào tam đồ.

III - TỊNH ĐỘ VẤN ĐÁP – TỔ SƯ ÁN QUANG

(Trích dẫn ba bộ Văn Sao “Tam Biên, Chánh Biên, Tục Biên”)

Câu hỏi 1: Niệm Phật có 10 thứ lợi ích thù thắng như trên đây đã nói, thờ phụng, niệm tụng kinh và danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát có 28 thứ lợi ích như trong Địa Tạng Bản Nguyên Kinh đã nói. Chẳng biết thờ phụng, niệm tụng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát có lợi ích giống như những kinh văn vừa được nêu trên đây hay không, thầy có từng thấy kinh nào, quyển mấy, kinh văn như thế hay không? (Ngoại trừ phần kệ trong quyển thứ mười sáu của Lục Thập Hoa Nghiêm và kinh Đại Bi Đà La Ni) **Lá thư 290. Thư trả lời cư sĩ Tiên Hiếu Trầm (Trích Văn Sao Tam Biên)**

Trả Lời:

Ông đúng là người si nói chuyện đại. Ông đã từng đọc phẩm Phổ Môn hay chưa? Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lia dục. Sân hận, ngu si cũng thế. Tam Độc (Tham - Sân - Si) đã diệt, Tam Học (Giới - Định - Huệ) viên minh, lợi ích ấy há hạn cuộc trong số lượng ư? Do hai mươi tám điều lợi ích của ngài Địa Tạng mà ông nghi đức Quán Âm, chẳng biết hai mươi tám điều ấy là đối với tâm lượng của phàm phu mà nói. Còn đối với đức Quán Âm, hễ trọn trần sát cảm liền khắp trần sát ứng, nếu [đem sánh ví hai mươi tám điều lợi ích ấy] với hai mươi tám hạt bụi trong số những vi trần của tam thiên đại thiên thế giới thì vẫn chẳng thể diễn tả hết được! Vì sao vậy? Do Bồ Tát không tâm không cảnh, Ngài lấy tâm, lấy cảnh của chúng sanh làm tâm làm cảnh [của chính mình].

Vì thế, nơi phần nói về điều chẳng thể nghĩ bàn thứ tư [của đức Quán Âm] trong chương Quán Âm Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, kinh dạy: *“Ta đấng Phật tâm, chúng đến rớt ráo. Có thể dùng đủ mọi thứ trân bảo để cúng dường mười phương Như Lai kiêm thêm mười phương pháp giới lục đạo chúng sanh, cầu vợ được vợ (Cầu người vợ hiền lương, trí huệ, Bồ Tát gia bị liền được người vợ hiền lương, trí huệ. Chớ nên hiểu lầm “Bồ Tát liền ban cho vợ!” Cầu con cũng thế), cầu con được con, cầu tam-muội*

đắc tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ. Như thế cho đến cầu đại Niết Bàn đắc đại Niết Bàn”. Đại Niết Bàn chính là Phật quả rốt ráo mà Ngài còn khiến cho chúng sanh đạt được, huống là tất cả những phước lạc thế gian xuất thế gian của hết thầy trời người và quả chứng trong tam thừa ư?

Ông đọc kinh mà không có con mắt chọn pháp; do hai mươi tám điều [lợi ích] của ngài Địa Tạng mà ngờ đức Quán Âm! Không phải là người khác chẳng thể đáp được, mà là người ta khinh ông chẳng đáng cho họ đáp đó thôi! Quang sợ ông tưởng đó là bản lãnh của chính mình, thường tìm những người chẳng chú ý đến chuyện ấy để hỏi người ta hòng tự khoe khoang, nhưng chẳng biết là đã tự khinh! Từ đáy sanh lòng đại ngã mạn, cho là ta có thể bắt bí được hết thầy mọi người, ắt sau này chắc phải có ngày bị ma dựa phát cuồng! Sao không dùng tâm tư ấy để nhất tâm niệm Phật ngõ hầu tâm tương ứng Phật, sống làm đệ tử chân thật của Phật, mất làm bạn lành chốn Liên Trì?

Ông hãy buông cuồng tâm xuống, đọc lá thư tôi gửi cho cư sĩ Cố Hiển Vi trong Văn Sao ắt sẽ được lợi ích, gốc bệnh sẽ hết sạch. Lá thư ấy thật ra là để nói với bạn ông Cố là Phan Thừa Ngạc, chứ chưa từng gặp gỡ ông ta. Ông Cố xin Quang trị bệnh tà chấp cho ông Phan. Vì vậy, tôi chẳng kị húy, nói thẳng thừng không úp mở. Ông Phan đọc xong, liền quy y pháp sư Đệ Nhàn, từ đầu đến cuối chẳng dám gửi thư cho Quang. Đức Quán Âm do đắc Phật tâm nên ứng trọn khắp tâm của hết thầy thánh - phàm thế gian lẫn xuất thế gian, khiến cho ai nấy đều được mãn nguyện, há có thể nói được số lượng ư? **Địa Tạng và Quán Âm đều là cổ Phật thị hiện.** Những điều được nêu trong kinh là muốn cho kẻ phàm phu sanh lòng chánh tín. Nếu nói rộng thì ai nấy sẽ khó thể lãnh hội được. Ông khéo hiểu oai thần, công đức của Địa Tạng và Quán Âm, sẽ đáng gọi là “*người có trí huệ sáng suốt*”. Nếu không, sẽ theo lối mòn của kẻ si, rốt cuộc không có cách chi thoát được. Xin hãy sáng suốt soi xét!

Câu Hỏi 2: Thêm nữa, giữa đọc và tụng² thì công đức nào lớn hơn? *Đáp lời hỏi của cư sĩ Niệm Phật (Tức cư sĩ Châu Mạnh Do)*

Đáp: Không Tử đọc kinh Dịch, ba lượt đứt lẽ sách. Đọc sẽ có ích hơn tụng nhiều. Nếu không, sao Không Tử lại nhọc nhằn mở sách ra đọc như thế. Trong câu “*đứt lẽ sách ba lượt*” thì chữ “*lẽ sách*” chỉ cho sợi dây bằng da để buộc các phiến gỗ hay các thẻ tre³. Dây đã bị đứt ba lần tức là số lần mở sách ra đọc chẳng thể đếm được số!

². Xin đừng hiểu lầm chữ Tụng ở đây. Cổ nhân gọi mở kinh văn ra, đọc thành tiếng là “phúng” (誦) hoặc “đọc” (讀: đọc), còn chỉ đọc kinh văn theo ký ức, đọc thuộc lòng là Tụng (誦). Về sau, hai chữ này thường bị dùng đồng nhất. Xuyên suốt trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Văn Sao Tục Biên lẫn một số lá thư trong Tam Biên, **Tổ Ân Quang luôn khuyên hành nhân khi tụng đọc nên mở kinh văn ra đọc theo, dẫu có thuộc lòng cũng đừng ý vào trí nhớ.**

³. Do thời Không Tử chưa có giấy, sách phải viết trên các mảnh gỗ hay thẻ tre, rồi dùng dây da khâu lại thành sách cho khỏi thất lạc.

Câu Hỏi 3: Pháp môn Tịnh Độ đã có thể thích hợp khắp ba căn, thâm tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Trong thời đức Phật tại thế, sao không chuyên nói về Tịnh Độ để vạn pháp quy nhất, cùng về theo một đường, mà lại giảng bàn các tông, đâm ra khơi gợi lấm mối sai lầm đi vào ngõ rẽ khiến người đời sau bị mất lợi ích thật sự nơi Tịnh Độ vậy? *(Trong lời hỏi, bên cạnh câu “sao không chuyên nói về Tịnh Độ”, Sư đã phê: “Nói nhăng, nói càn!”)* *(Trích Văn Sao Tam Biên Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập)*

Đáp: Nuôi người chẳng phải chỉ một thứ gạo, trị bệnh chẳng phải chỉ có một thứ thuốc. Do có các môn thì mới tỏ rõ sự hay tuyệt của pháp môn này. Nếu chỉ có một pháp Tịnh Độ thì làm sao có thể dẫn hết thầy những cơ nghi cùng vào trong Phật pháp được?

Câu hỏi 4: Thế tục chuyên coi niệm Phật là để tiễn người chết, còn niệm Quán Âm nhằm giữ lại mạng sống. Vì thế, kẻ tu Tịnh Độ chưa tinh ròng và người chưa già khi lâm chung phần nhiều do luyến tiếc cõi đời liền niệm Quán Âm. Người trợ niệm phần nhiều ngả theo ý này hoặc thuận theo ý muốn của gia quyến cũng niệm Quán Âm để trợ niệm, chứ không niệm Phật. Nếu lành bệnh thì cố nhiên không áy náy gì. Chứ nếu không, đã gây trở ngại cho sự linh cảm do xung danh, mà còn làm lỡ làng cơ duyên sanh Tây. Con chẳng biết nếu gặp phải hạng căn tánh ấy phải nên dùng biện pháp ra sao thì mới viên thông? Có phải là trước hết niệm Quán Âm để giữ tánh mạng cho họ rồi đến khi họ đã chết bèn chuyển sang niệm Phật để tiễn đi hay chẳng? Hoặc là từ đầu đến cuối chuyên niệm Quán Âm cũng có thể khiến cho người chưa hết tuổi thọ sẽ được lành, tuổi thọ đã hết sẽ sanh về Tây Phương ư? *(Trích Văn Sao Tam Biên Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập)*

Đáp: Con người bị bệnh nặng liền hãy nên có ý tưởng vãng sanh, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ do niệm Phật mà được chóng lành *(A Di Đà Phật chính là Vô Lượng Thọ, nghĩa là tiêu tai, kéo dài tuổi thọ)*. Còn như vì người khác trợ niệm, há nên vì họ niệm Quán Âm, lại còn cầu thọ cho người ấy? Cứ niệm Phật, chưa hết tuổi thọ cũng có thể kéo dài mạng sống. Niệm Quán Âm thì không có tâm cầu được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết sẽ làm hỏng chuyện.

Không phải là niệm Phật sẽ nhất định chết, niệm Quán Âm nhất định chẳng thể vãng sanh. Chỉ vì kẻ si không có tâm niệm cầu được vãng sanh nên cũng chỉ tạo thành một thứ nghiệp cảm gây hỏng chuyện mà thôi!

Vô Lượng Quang là tiêu tai, Vô Lượng Thọ là diên thọ (kéo dài tuổi thọ). Niệm A Di Đà Phật công sức đến cùng cực còn được thành Phật, há lẽ nào niệm Phật chẳng thể kéo dài tuổi thọ, khiến cho chóng chết ư? *(Trong lời đáp, bên cạnh hai chữ “si*

nhân”, *Sư gạch dưới ba vạch để nhắc nhở, những người sẽ chết sau này chớ đừng tự làm*)

Câu hỏi 5: Đáp lời hỏi của Huyền Tu Học Nhân (*Trích Văn Sao Tam Biên*)

Hỏi: Chuyên tu trì danh, nguyện được Niệm Phật tam-muội, cầu sanh Tịnh Độ thì dụng công ra sao?

Đáp: Dùng tín nguyện sâu để niệm Phật. Niệm Phật tam-muội cũng chẳng dễ gì đạt được, nhưng phải thường nên phát cái tâm ấy. Đây gọi là “*noi theo pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung*”.

Hỏi: Có kẻ nói niệm ra tiếng, trì danh theo lối Truy Đánh⁴, có người bảo niệm Kim Cang trì, có người nói niệm thầm, có người bảo nhớ số, có người nói “*tùy tức*” v.v... Muốn đắc nhất tâm bất loạn thì có nên chuyên trì một pháp hay không?

Đáp: Truy Đánh dễ bị bệnh. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hay thầm niệm, đều tùy theo tinh thần của chính mình mà điều chỉnh để dùng. Há nên chấp chết cứng một pháp đến nỗi bị bệnh ư? “*Tùy Tức*” chẳng bằng Tịnh Thính (lặng lẽ lắng nghe), bởi lẽ Tùy Tức không khéo thì cũng bị bệnh, còn Tịnh Thính thì chẳng bị bệnh.

Hỏi: Có lúc Kim Cang trì, có lúc niệm thầm, có lúc nhớ số, có lúc niệm theo lối Tùy Tức v.v... chẳng biết [niệm như vậy] có gây trở ngại cho nhất tâm hay không?

Đáp: Nhất tâm là do niệm, chứ không phải do âm thanh niệm Phật, sao lại bảo là trở ngại? Nhớ số cũng chỉ là nhớ khi động, chứ khi ngồi tịnh tọa chỉ nên niệm thầm, đừng nên lần chuỗi. Nếu lần chuỗi ắt bị tổn thương.

Hỏi: Hiện thời trong khi tịnh tọa, học nhân niệm ra tiếng bốn chữ hồng danh, nhiếp tâm niệm thiết tha, áp dụng phương pháp “*tâm - miệng niệm Phật phân minh, rõ ràng để chấp trì, dùng tai lắng nghe*”, hơi cảm thấy khinh an (nhẹ nhàng, dễ chịu). Con muốn tu sao cho đạt đến nhất tâm bất loạn thì có thể chuyên hành pháp ấy hòng đạt được hay không?

Đáp: Pháp ấy rất hay! Lúc tịnh tọa nên niệm thầm, niệm ra tiếng cũng được. Nhất tâm bất loạn là do tâm chuyên chú và khẩn thiết vậy!

Hỏi: Trong bộ Văn Sao cao quý của thầy, pháp Tùy Tức được cực lực đề xướng, nhưng chưa nói rõ cách niệm như thế nào?

Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận ghi: “*Có thể nương cây lớn lao vào pháp này*”, nhưng cũng chỉ nói: “*Xưng danh hiệu Phật theo hơi thở*”, con vẫn chưa hiểu rõ cách niệm như thế nào?

⁴. Truy Đánh là một cách niệm Phật nhằm đối trị tâm tán loạn, câu nọ gồi lên câu kia không xen hở chút nào. Cách này chỉ có thể áp dụng để đối trị loạn tâm chứ không nên áp dụng thường xuyên vì sẽ bị tổn khí, sanh bệnh.

Chỉ có sách Sức Chung Tân Lương ghi: “*Tùy Tức Niệm Phật dùng khi thở ra chứ không dùng khi hít vào. Cứ mỗi một hơi thở ra là một câu, hoặc hai chữ đều được*” Học nhân nghi rằng: Khi hít vào chẳng niệm, há chẳng phải là gián đoạn ư? Con thường thử luyện mỗi hơi thở ra là một câu, cảm thấy rất phí sức, mà niệm cũng chẳng rõ ràng cho lắm! Chỉ có khi hít vào niệm A Di, thở ra niệm Đà Phật thì đã không gián đoạn, mà còn được rõ ràng, lại chẳng tốn sức. Chẳng biết cách niệm như vậy có được hay chẳng? Hay là lúc hít vào thì chẳng được niệm?

Đáp: Khi hít vào chẳng niệm, trong khi ấy sao lại nói là gián đoạn? Thở ra niệm một câu, hít vô bèn chẳng niệm; chứ khi hít vô lần thở ra đều niệm ắt sẽ bị tổn khí. Nếu chỉ niệm hai chữ thì trong một hơi hít vô thở ra niệm một câu Phật hiệu sẽ chẳng trở ngại chi!

Hỏi: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, hành trì như thế nào?

Đáp: Tông chỉ của Niệm Phật là sanh lòng tin chân thật (tức Tín), phát nguyện thiết tha (tức Nguyện), chuyên trì Phật hiệu (tức Hạnh). Ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh là tông chỉ của Niệm Phật. Phương pháp dụng công Niệm Phật hay nhất là “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. “*Nhiếp trọn sáu căn*” là cái tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật, tức là nhiếp Ý Căn. Miệng phải niệm sao cho rõ ràng rành rẽ, tức là nhiếp Thiệt Căn. Tai nghe cho rõ ràng rành rẽ tức là nhiếp Nhĩ Căn. Ba căn ấy được nhiếp trong Phật hiệu thì mắt quyết chẳng thể nhìn ngó loạn xạ. Khi niệm Phật nên buông rèm mắt xuống, tức là hạ thấp mí mắt xuống, chớ nên mở banh mắt. Mắt đã nhiếp rồi thì mũi cũng chẳng thể ngửi loạn được, tức là mũi cũng được nhiếp! Thân phải cung kính tức là thân cũng bị nhiếp. Sáu căn đã nhiếp, chẳng tán loạn thì tâm không vọng niệm, chỉ nghĩ đến Phật; đây mới là tịnh niệm.

Hễ sáu căn không nhiếp thì tuy niệm Phật trong tâm vẫn có vọng tưởng toi bời, khó đạt được lợi ích thật sự. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn để niệm thì gọi là “*tịnh niệm tiếp nối*”. Tịnh niệm đã có thể thường tiếp nối thì nhất tâm bất loạn và Niệm Phật tam-muội sẽ đều có thể dần dần đạt được. Xin chú ý chỉ mong đạt được “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” thì nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, tâm địa sẽ khai thông, lo gì chẳng hiểu rõ nghĩa kinh nữa! Xin hãy gắng sức!

Câu hỏi 6: Đáp lời hỏi của cư sĩ Châu Văn San (Trích Văn Sao Tam Biên)

Con có những điều thưa hỏi kê ra như sau, kính xin thầy chỉ bày. Công đức vô lượng!

Hỏi: Lão pháp sư niệm Phật phát chí nguyện lớn lao như thế nào?

Đáp: Nguyện sanh Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn, trở vào Ta Bà phổ độ chúng sanh.

Hỏi: Thân người cầu liễu thoát đến nơi đâu?

Đáp: Đền Cự Lạc thế giới.

Hỏi: Phật nói: “*Chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai*” là đã gộp cả Tín - Nguyễn - Hạnh vào trong ấy hay chẳng?

Đáp: Trí huệ của Như Lai không pháp nào chẳng bao gồm, nói trên phương diện chúng sanh thì chỉ là Lý Tánh mà thôi, chớ nên hiểu lầm.

Hỏi: Chúng sanh cõi Ta Bà sanh vọng tưởng thì là Ngã Kiến hay không phải Ngã Kiến?

Đáp: Vọng tưởng bao gồm hết thầy phạm tình, Ngã Kiến là phạm tình nặng nề nhất.

Câu hỏi 7. Đáp lời hỏi của cư sĩ Du Đại Tích (Trích Văn Sao Tam Biên)

Kính đem những nghĩa con thường nghi chia thành 14 điều như sau, cúi xin thầy chỉ dạy uôn nắn.

Hỏi: Người tu hành dứt ác làm lành là chuyện thuộc về bổn phận, đáng nên gắng công, nhưng có điều ngoài công khóa và 12 thời ra, ba tâm “quá khứ, hiện tại, vị lai” qua lại loang loáng, nói chung là chưa thể trừ. Tâm nghiệp chưa trừ cho sạch được thì có gây trở ngại cho sự vãng sanh hay chẳng?

Đáp: Công khóa hãy nên chuyên, đừng nên xen tạp. Hễ chuyên sẽ dễ nhiếp tâm, còn tạp sẽ khó thể quy nhất được! Vãng sanh là do tín nguyện chân thiết. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dầu cho tâm thanh tịnh cũng khó được vãng sanh. Chớ nên không biết!

Hỏi: Cổ đức nói: “*Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà*”. Phải nên trừ ái là lẽ đương nhiên! Nhưng trong vòng con cháu, giữa lẽ lợi - hại, nói chung chẳng thể mặc kệ, quên bằng tình cảm thì làm như thế nào để chế ngự được?

Đáp: Yêu thương con cháu thì phải yêu thương theo đúng lẽ đạo: Dạy cho chúng nó đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật thì lòng yêu thương ấy liền trở thành Trợ Hạnh cho tịnh nghiệp. Đây chính là căn cứ lớn lao để ngừa hại đạt lợi vậy!

Hỏi: Tử Bách lão nhân nói: “*Làm chủ được giấc mộng thì khi lâm chung sẽ tự chủ được*”. Như vậy là cảnh trong mộng hết sức quan yếu! Khi lên giường sắp ngủ, con cũng từng niệm thầm, nhưng đến khi mộng vẫn là toi bời tán loạn, chẳng dính dáng gì đến Niệm Phật hết. Thậm chí có lúc nằm mộng thấy ăn mặn, có khi biết ngay, hoặc chẳng biết liền, thật đáng hận, đáng thẹn! Con nên dùng cách nào để vãng hồi?

Đáp: Muốn mộng cảnh tương ứng hãy nên cật lực cầu tương ứng trong khi ban ngày. Nếu lúc tỉnh thường tương ứng thì trong mộng sẽ tự được tương ứng.

Hỏi: Người tu hành có cảnh giới tốt đẹp thì hoặc mộng đến Tây Phương, hoặc gặp mặt Di Đà, hoặc ngửi thấy mùi hương lạ, hoặc thấy hoa sen. Cư sĩ Vương Quý Quả ở tỉnh Tương (Hồ Nam) thường được thấy như thế. Con niệm Phật suốt 10 năm không có tướng lành nào phát hiện, lỗ lăm chung vẫn như thế thì có phải sẽ khó đến được Cực Lạc hay chăng? Rốt cuộc có nên cứ để xuôi theo tự nhiên, đừng sanh lòng mong mỏi gì hết ư?

Đáp: Chỉ cầu tâm hợp với Phật, chẳng cần phải dốc sức để thấy được cảnh giới. Tâm đã tương ứng với Phật mà có tín nguyện chân thật sẽ chắc chắn vắng sanh. Nếu tâm mong cầu cảnh giới mà chưa tương ứng thì hẳn có cảnh hiện ra, có thể sẽ bị ma dựa.

Hỏi: Tuổi tác già suy, chẳng thể thức dậy ngay trong đêm. Con có nên suốt cả một ngày tận hết tâm lực để dụng công “tụng niệm, tu tập”, đến chỗ nào cần phải thể hiện lòng thành kính nhưng tâm không thấy được thì lạy nhiều để biểu lộ. Trong 10 đại nguyện vương, điều đầu tiên là lễ kính, lợi ích như thế nào?

Đáp: Tuổi già thân thể vẫn mạnh thì cố nhiên lễ nhiều là tốt. Chứ nếu không thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thường giữ lòng kiên nhẫn thì cũng là ý nghiệp lễ kính.

Hỏi: Khi niệm Phật, ngồi xếp bằng trước tượng Phật, miệng niệm, tai nghe, tay lần chuỗi, tâm tưởng Vô Lượng Quang Phật để mong Tam Mật Tương Ứng, nhưng vẫn không thể tránh khỏi “hôn trầm, tán loạn” thì nên thông dong để đợi khi thuận thực hay là có pháp nào để giúp đạt được “*nhiep trọn sáu căn*” hay chăng?

Đáp: Ngồi xếp bằng niệm thì chớ nên lần chuỗi. Hễ lần chuỗi, tâm sẽ khó lắng bật suy tư, có thể bị bệnh.

Hãy nên dựa theo đồng hồ để tính số câu niệm, một khắc niệm được bao nhiêu câu Phật hiệu sẽ giống hệt như lần chuỗi.

“Nhiep trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” chính là pháp chế ngự cái tâm hay nhất.

Hỏi: Ưa điều lành dường như phát xuất từ tánh mà thành. Chỉ vì lực bất tòng tâm nên chẳng thể tài thí, cũng không thể pháp thí được. Chỉ đành hễ gặp ai thì đều khuyên bảo niệm Phật, ăn chay. Cũng như năm năm trước đây, buổi sáng con tụng công khóa, buổi chiều ra khỏi cửa thu nhật giấy có viết chữ bị người ta quăng bỏ; gần đây tinh lực suy nhược hơn, công khóa cũng tăng, chẳng thể chuyên chú, thành kính đi ra ngoài thu nhật giấy có viết chữ được nữa. Chỉ trong lúc đi đường thì vẫn chú ý thu nhật; xét ra có trở ngại gì cho việc niệm Phật hay không?

Đáp: Người niệm Phật nên tu hết thảy thiện hạnh, nhưng cần phải chia ra thành Chủ - Bạn, Chánh - Trợ. Nếu đảo lộn vị trí của Chủ và Bạn sẽ được lợi rất nhỏ. Nếu có thể dùng Bạn để giúp cho Chủ thì sẽ như một người khoanh tay, trăm quan lo liệu việc cai trị, nào còn có trở ngại gì để nói nữa đây?

Hỏi: Tam phước, tam tâm trong Quán Kinh phải giữ gìn cẩn thận, hễ hơi dễ duôi liền mất ngay, chưa khỏi có chỗ không thực hiện được! Con thường tự oán, tự thẹn, do vậy thường niệm Sám Hối Văn, rốt cuộc có tiêu trừ được tội khiên hay không?

Đáp: Tiêu trừ tội khiên chẳng thể nói lơ mơ được. Chẳng viên thành Phật đạo sẽ chẳng thể nào hết sạch tội khiên! Chúng ta tiêu trừ được bao nhiêu chỉ là do lòng Thành cạn hay sâu mà định.

Hỏi: Người già dẫu khỏe mạnh cũng chẳng đáng tin cậy, phải chuẩn bị sẵn biện pháp cho cái chết. Con tính không nhận lễ phúng điếu, lúc liệm hoàn toàn dùng vải, chỉ mặc một cái áo hải thanh, y năm điều, ngọa cụ xếp bên cạnh. Nếu dựa theo cấm chế của Phật thì những thứ ấy chẳng dùng để liệm theo, nhưng nay người ta thường liệm theo người chết. Có nên chẳng cầu nệ đội mũ Tăng, đi hài Tăng, hết thấy cỗ bàn cúng bái đều dùng món chay, cúng thất, thỉnh Tăng niệm kinh?

Đáp: Nên lấy những lời khuyên răn nhắc nhở trong Văn Sao của Quang để dặn sẵn con cháu, bảo họ ắt phải chiếu theo đó để hành, ngõ hầu ông chẳng đến nỗi bị con cháu phá hoại chánh niệm.

Hỏi: Niệm Phật tự biết chẳng đắc lực, muốn tăng thêm công khóa nhưng chỉ vì không có sức, lại không có thời gian, nếu cứ để như vậy mãi, sợ ít có cơ hội nắm chắc vãng sanh, nhưng chí lại quyết muốn vãng sanh, rốt cuộc con nên dùng cách nào để có thể muôn phần trông cậy?

Đáp: Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không? Sao lại nói bừa, tán gẫu, chẳng lấy lời cổ nhân đã nói để làm kim chỉ nam vậy?

Hỏi: Ở nơi đây hai thứ Long Hoa Giáo⁵ và Tiên Thiên Giáo⁶ rất thịnh hành. Khuyên can, ngăn trở thì chúng nó cứng chắc không thể phá, khoe hai giáo ấy cũng sanh về Tây phương được. Rốt cuộc [tu tập hai giáo ấy] có thể làm trợ nhân [cho sự nghiệp vãng sanh] hay chẳng? Nếu có thể làm như vậy được thì con sẽ học theo để “tắt lại càng thêm tắt!”

⁵. Long Hoa Giáo vốn là một chi phái của La Giáo do La Nhân (tức La Thanh, còn gọi là La Tổ) sáng lập, lấy Ngũ Bộ Lục San làm kinh điển chính, thờ đủ các vị thần thánh lẫn nhân vật trong cổ sử hoặc truyện thần thoại như Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Hứa Do, Đường Nghiêu, vua Thuấn, Quảng Thành Tử, cũng như các vị Phật như Nhiên Đăng, Thích Ca, Quán Âm, các vị tôn giả hoặc tổ sư như Ca Diếp, Huệ Năng... Cách tu tập của họ bao gồm bùa chú, luyện khí, bói toán, đồng cốt, phong thủy v.v... Họ tự xưng là tại gia hóa Phật giáo, thậm chí một số nhà “nghiên cứu Phật giáo” của Hoa Lục còn cố tình lập lờ coi Long Hoa Giáo như là một chi phái chấn hưng của tông Lâm Tế!

⁶. Tiên Thiên Giáo (còn gọi là Tiên Thiên Đạo, Thanh Liên Giáo, Kim Đan Đạo v.v...) do Hoàng Đức Huy sáng lập, lấy Vô Cực Lão Mẫu làm đối tượng sùng bái chánh yếu, coi Đạt Ma là sơ tổ, lục tổ là Huệ Năng, thất tổ là hai vị Nam Nhạc Hoài Nhượng và Mã Tổ Đạo Nhất, bát tổ là La Úy Quán, Hoàng Đức Huy là cửu tổ (hai gã này là tà sư ngoại đạo mạo danh đắc chân truyền nhà Phật). Giáo thuyết của họ cũng pha trộn lung tung những tín ngưỡng dân gian, giải thích cong vạy những danh từ Thiên học Phật giáo, diễn giải xuyên tạc kinh điển nhà Phật để dễ tuyên truyền đồng thời biện minh cho cách tu của bọn chúng. Từ giáo phái này lại nảy sinh ra nhiều chi phái mà nổi tiếng nhất là Nhất Quán Đạo đã được truyền sang tận Hoa Kỳ.

Đáp: Ông đã quy y Phật pháp, tu trì Tịnh nghiệp, mà còn nghe theo lời ma mị của ngoại đạo, muốn học theo. Sao chẳng biết tốt - xấu đến mức như thế?

Hỏi: Khi niệm Phật tâm thường hay tán loạn, có kẻ nói là bị ảnh hưởng bởi tuổi tác. Nếu như tuổi già tâm tán loạn, chẳng thể thâm tóm được, thì người già quyết chẳng thể vãng sanh ư? Rốt cuộc có phải là vì tuổi tác hay là do công phu chưa đến mức đúng đắn?

Đáp: Ông không nhất tâm là do trong tâm không có chánh kiến; do không có chánh kiến nên không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hễ có tín nguyện chân thật, thiết tha, dầu chưa thể nhất tâm vẫn được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện chân thật, thiết tha, dù có thể nhất tâm, cũng khó thể vãng sanh bởi vãng sanh là do nương vào Phật lực vậy.

Hỏi: Trong số các đạo hữu ở đây, có một người rất chịu dụng công, thọ giới, ăn chay trường, chỉ có điều nhà ông ta giàu nứt đổ đổ vách nhưng đối với chuyện công đức chẳng chịu bỏ tiền ra, như vậy thì có trở ngại cho sự niệm Phật sanh về Tây phương hay không?

Đáp: Gã thân giữ của ấy tâm địa ô trược, hèn tẻ, vẫn muốn cho con cháu phú quý lâu dài. Sợ rằng do cái tâm tham tài sẽ chuyển thành quả báo sanh trong loài ngạ quỷ cho nên trong kiếp vị lai hẳn mới được thọ dụng thiện căn niệm Phật.

Hỏi: Một người suốt ngày niệm Phật và cùng với mọi người niệm Phật nửa ngày thì so ra lợi ích nào lớn hơn? (*Hội niệm Phật ở nơi đây cứ vào ngày thứ Tư liền nhóm chúng niệm Phật nửa ngày*).

Đáp: Cùng nhau niệm Phật là chuyện đề xướng. Tùy phận tùy lực tu trì cố nhiên chẳng ăn nhập gì tới niệm chung với đại chúng hay hành riêng một mình; **nhưng muốn tu hành thật sự hãy nên bớt phô trương ngõ hầu có lợi ích thật sự.**

Mười bốn điều trên đây phần nhiều là đại bệnh sát sao của Đại Tích, nên con chẳng ngại mạo muội thưa hỏi từ nơi xa xăm, thiết tha cầu xin thầy chia thành từng điều để chỉ dạy. Thầy liền phê ngay vào lá thư gốc, chẳng khác nào lò rèn nung luyện vậy. Đệ Tử Du Đại Tích dập đầu lần nữa.

[Sur phê]: *Xin hãy đọc kỹ Văn Sao thì mọi mối nghi sẽ tự cởi gỡ. Ở đất Hồ do lắm việc bận bịu nên tôi chẳng thể viết cặn kẽ được!*

Câu hỏi 8: Đáp lời hỏi của cư sĩ Duyên Tịnh (Trích Văn Sao Tam Biên)

Hỏi: Đứa con gái nhỏ của con hiện thời 22 tuổi, lập chí không lấy chồng, ăn chay niệm Phật tính ra đã được mấy năm. Mùa Xuân năm nay mẹ nó mất, nó buồn thương, càng thêm chuyên dốc, thiết tha, mấy ngày không ăn uống. Về sau đệ tử bảo nó niệm Phật cho mẹ để mong mẹ được tăng cao phẩm sen; từ đấy nó đối trước linh vị mẹ niệm Phật, nóng - lạnh không gián đoạn. Nhưng khi nó niệm Phật đến lúc thuần

nhất, thường thấy mười phương tỏa quang minh, trong ấy hiện ra tượng Phật. Từng nhớ trong mùa Hạ năm nay, vào dịp lễ Thích Ca Văn Phật đản sanh, có một bữa nó đóng kín cửa, ngồi trong Phật đường niệm Phật, tự mình cảm thấy thần thức dạo chơi cõi Tịnh Độ, chân đạp lên mặt đất mềm mại như đạp lên vải nỉ, hoa trời theo đúng thời khắc trút xuống, thấy Phật và hai vị Đại Sĩ lướt qua trên hư không. Quán Âm Bồ Tát nhìn nó mỉm cười, tay cầm cành liễu rưới nước cam lộ lên trán nó, và thấy vô số vị tu hành hoặc ngồi hoặc đứng, dáng vẻ đều xinh đẹp, có quang minh. Sau đấy, do có người đưa cơm đến cho nó ăn, cảnh tượng ấy liền biến mất. Đệ tử nghĩ cảnh nó được thấy tuy phần nhiều hợp với kinh luận, nhưng trước đấy nó đã từng tu theo cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã hai năm (*hiện nay đã ngưng tu theo cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã mấy năm*), ngay trong thưở ấy cũng thấy có cảnh giới, quang minh. Nay chẳng biết cảnh tượng nó được thấy trong khi niệm Phật ấy có phải là cảnh tượng của Tịnh Độ hay không? Hay chỉ là huyền ảnh của công phu tịnh tọa trước kia? Vì thế, đặc biệt xin thầy hãy phán định, chỉ dạy.

Thêm nữa, đưa con gái ấy vào ngày Phật Đản, hoặc khánh đản đức Quán Âm và sinh nhật của ông bà nội, cha mẹ cũng như sinh nhật của chính mình, phần nhiều thường giữ thanh trai suốt một ngày một đêm không ăn. Nhân đấy đệ tử đọc các kinh luận, trọn chẳng thấy có đoạn kinh văn nào khen ngợi chuyện không ăn. Ngay cả trong pháp Bát Quan Trai đã lập cũng chỉ chế định không ăn quá Ngọ. Do vậy, đệ tử yêu cầu nó đổi sang trì Bát Quan Trai, không biết là vào hôm trì [Bát Quan Trai Giới] có nhất định phải theo đúng pháp đối trước tượng Phật thọ giới hay chẳng? Hơn nữa, đệ tử xem kinh không nhiều, chẳng biết rốt cuộc suốt một ngày đêm không ăn và không ăn quá Ngọ có hơn - kém chi chẳng? Lại nữa, mẹ của con trường trai niệm Phật cũng đã được mấy năm, trong khi yên tịnh cũng thường thấy hình tượng có quang minh, nếu chẳng chấp vào đấy thì cũng được cảnh giới tốt lành, đúng chẳng? Lại cầu xin thầy phán định, chỉ dạy cho trọn vẹn một bề!

Đáp: Lệnh ái túc căn khá sâu, lập chí nguyện ấy thật đáng khâm phục, kính ngưỡng. Cảnh giới được nói đó có lẽ là thánh cảnh, nhưng chớ nên cho đó là đúng. Chỉ nên giữ nhất tâm, đừng hâm mộ thấy cảnh. Nếu đạt đến nhất tâm thì không thấy cảnh cũng chẳng trở ngại gì. Nếu chưa đạt đến nhất tâm mà cảnh được thấy chẳng thật, hoặc thấy rồi sanh lòng hoan hỷ đều đủ để làm hỏng chuyện. Gần đây, con người đa số hễ vừa dụng công liền thấy có cảnh giới; những cảnh ấy thật ra quá nửa là cảnh ma! Dầu là cảnh thánh đi nữa mà nếu như không hiểu rõ tâm địa, chẳng hiểu tường tận nghĩa lý, hễ sanh chấp trước liền đến nỗi bị hỏng chuyện; chớ nên không biết!

Nói tới chuyện Thanh Trai thì trong kinh chưa hề nhắc đến, nhưng do Phó Đại Sĩ đời Lương (*do Di Lặc Bồ Tát thị hiện thân cư sĩ*) thường hành [Thanh Trai] nên cũng không

phải là chớ nên hành. Nếu miễn cưỡng nhìn đời thì cố nhiên chẳng nên hành, chứ nếu an nhiên không bị tổn hại, tự tại như pháp thì cũng chẳng phải là không được. Hơn nữa, người đời nay chỉ nên chiếu theo đường lối hành đạo thông thường để tu, chớ nên lập riêng tướng trạng khác lạ nhằm ngăn lấp những thói tệ hám danh phô trương chuyện lạ để mê hoặc mọi người v.v...

Hỏi: Đệ tử nghiên cứu Phật học, tự xem Lăng Nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín v.v... các kinh luận Đại Thừa xong, hơi biết thiên địa vạn vật và hết thấy cõi nước tịnh - uế đều y theo Nhất Chân mà huyễn hiện. Đối với những nghĩa như “*tâm tịnh cảm cõi tịnh, tâm như cảm cõi như*” v.v... con khá tin tưởng sâu chắc, đích xác, thiết tha. Vì thế, tuy đọc các ngữ lục nhà Thiên chẳng những con không đến nỗi sanh lòng nghi ngờ Tịnh Độ mà tín nguyện càng thêm kiên cố. Từ đây dường như chẳng đến nỗi bị những lời lẽ đề cao hay chèn ép Thiên - Tịnh, Tánh - Tướng mê hoặc. Chỉ đối với những câu “*Phật giới chẳng tăng, chẳng giảm; chúng sanh giới cũng chẳng tăng, chẳng giảm*” như trong kinh luận đã nói thì có lúc dấy lên nghi tình. Ấy là vì luận theo tánh thể thì chư Phật lẫn chúng sanh xét về Thể vốn tương tức⁷, thật có thể nói là chẳng có sai biệt, tăng - giảm. Còn xét về phía chúng sanh giới, tuy chúng sanh đông đảo nhưng đều thấy là huyễn hình, tựa hồ chẳng thể bảo là vô số được! Đã có số lượng thì chư Phật ứng thế sẽ đều độ bấy nhiêu chúng sanh thành Phật. Phật tánh ví như nước biển, chúng sanh ví như bọt sóng. Bọt sóng vỡ lại trở về với biển cả. Nói nước không tăng giảm thì được, nhưng tướng bọt sóng ấy rõ ràng có số lượng, sao lại nói là không tăng - giảm? Hoặc nói không tăng - giảm là vì một bọt sóng vừa tan thì một bọt sóng khác lại trôi lên ư?

Như thế thì chư Phật phát nguyện độ sanh tựa hồ nhọc nhằn uổng công, mà lý “*chúng sanh đã thành Phật sẽ chẳng còn mê nữa*” cũng bị mâu thuẫn! Nếu nói bọt sóng tan chẳng còn dấy lên nữa thì chúng sanh trong biển tánh ấy, bọt tuy nhiều, nhưng một đức Phật đã độ được chúng sanh không lường nổi số; huống chi sau đây lại còn có nhiều vị Phật giáng sanh trong thế gian. Như vậy thì tất cả chúng sanh sẽ chẳng những ngày một ít đi mà còn rốt cuộc sẽ có ngày độ hết. Nếu như vậy thì chẳng khác gì mâu thuẫn với chuyện không tăng - giảm được nói trong kinh luận, mà cũng không thấu hiểu được ý chỉ “*rốt cuộc chúng sanh giới lúc ban đầu là do đâu mà có*” (*Kinh dạy: “Vô minh không có khởi đầu”. Nếu chúng sanh giới có hết thì vô minh liền có khởi đầu vậy*).

Ở chỗ này, trong kinh Viên Giác, Kim Cang Tạng Bồ Tát đã từng thưa hỏi. Để trả lời, đối với Phật giới thì đức Phật dẫn thí dụ “*quặng đã thành vàng, chẳng trọng nơi quặng*” để giảng rõ lý “*Phật chẳng còn mê*”. Đối với chúng sanh vốn khởi vô minh thì

⁷. Tương tức: Xét về lý, Phật tánh của Phật và chúng sanh giống hệt nhau, nên nói “chúng sanh tức là Phật, Phật tức là chúng sanh”.

Ngài nói: Do tâm luân hồi sanh ra cái thấy luân hồi, có nghĩa là “*chưa đích thân chứng được Viên Giác thì chẳng thể suy lường!*” Chuyện này được phân biệt như thế cũng không phải là lời hỏi nhằm đúng ngay vấn đề, nhưng sách Khởi Tín Nghĩa Ký cũng dẫn thí dụ “*chim bay trên hư không*” để chỉ rõ “chúng sanh vô lượng”.

Vì thế, chẳng thể nói là có tăng - giảm, rốt cuộc cũng khó khiến cho con người quyết định chẳng ngờ vực! (*Rõ ràng chúng sanh vốn có số lượng, sao lại nói là vô lượng? Nếu thật sự vô lượng, trừ phi một chúng sanh có thể hóa thành nhiều chúng sanh. Nếu thật sự như thế thì cũng tránh được mối nghi “trong Phật giới lại khởi lên chúng sanh giới”. Nhưng mỗi một chúng sanh là một linh thức, lý này lại nói chẳng xuôi được*). Nghĩa này sâu xa, do chúng sanh còn mê nên đức Phật khó thể nói thông suốt. Dầu có nói thì chúng sanh vẫn không biết y như cũ.

Đệ tử là hạng người nào, há dám dùng tri kiến phàm phu để suy lường chuyện này. Chỉ vì bậc thân sĩ học Phật ở tề xứ, do thấy đệ tử học Phật sớm hơn họ, tưởng đệ tử đã hiểu được lý này, phần nhiều [đem lý này] đến chất vấn. Đệ tử tuy viện dẫn kinh luận để đáp, nhưng bọn họ nói chung vẫn chưa thỏa ý, lại còn nghi ngờ những lý đã được nói trong Phật học. Cũng có những kẻ do chẳng hiểu trọn vẹn bèn ngã lòng tin tưởng! Do vậy, con đặc biệt chép lại đoạn này, kính xin thầy chỉ dạy về lý ấy. Thầy có thể dùng thí dụ khác để xiển minh đại lược hay chẳng? Một là tránh cho đệ tử khởi lên sự sai lầm ấy nữa, hai là giúp cho con có cái để đáp lời chất vấn của bọn họ thì may mắn lắm thay!

Đáp: Phật giới, chúng sanh giới, cả hai đều chẳng tăng, chẳng giảm. Đây chính là luận theo Lý; sao ông lại dựa trên hình tướng huyễn vọng để luận? Chẳng thấy kinh Kim Cang dạy: “*Độ sạch hết thấy chúng sanh nhưng chẳng thấy một chúng sanh nào được diệt độ*” ư? Nếu luận theo hình tích thì lời Phật nói sẽ trở thành mâu thuẫn! Nếu biết [lời nói ấy nhằm] dạy thẳng vào Lý Thể thì [sẽ thấy] giống như dạy cho kẻ say, người mê đang tưởng “*nhà quay, phương vị đổi dời*” biết rằng “*nhà vốn chẳng quay, phương vị vốn chẳng đổi dời*”.

Hơn nữa, há có nên cho rằng [quan niệm] nhà xoay của kẻ say, phương vị đổi dời của người mê là đúng, coi lời lẽ của người không say, không mê là sai hay sao? Những điều như ông đã nói đều thuộc về hý luận! Kẻ say, kẻ mê ấy trước khi chưa ngộ, trọn chẳng thể chết lòng tin tưởng vào sự “*không xoay chuyển, không đổi dời*” vì kẻ ấy đích thân thấy như vậy. Đến khi đã ngộ, mới biết [những sự thấy biết trước kia] là vọng, không phải là chân. Há ông lấy điều đó (tức những sự thấy biết trước khi ngộ) làm chuẩn hay sao? Hay là lấy điều này (tức sự thấy biết sau khi đã ngộ) làm chuẩn? Hiểu rõ rồi thì cần gì phải biện luận nữa đây?

Ông nói đến chuyện bọt sóng trong biển đều là chấp trước trên mặt hình tích. Do đức Phật muốn cho con người biết “*chính mình toàn thể là Phật, vì đang mê nên có tướng chúng sanh*”, nhưng ngay cả cái tướng chúng sanh ấy toàn thể đều là vọng! [Do mê, do say nên thấy] nhà xoay, phương hướng đổi dời, ông liền chấp trước vào sự xoay chuyển, đổi dời; đáng gọi là “*bỏ gốc chạy theo ngọn*”, sẽ thấy thường xoay, thường dời chẳng ngót vậy!

Phật là vàng đã tách khỏi quặng, Phật tánh của chúng sanh là vàng vẫn còn nằm trong quặng. Vàng ở trong quặng trọn chưa thành vàng! Chẳng qua người sáng suốt biết trong quặng có vàng thì họ mới đổ công nung luyện, tách vàng ra [khỏi quặng], hòng được thọ dụng. Đức Phật sợ chúng sanh chẳng chịu gánh vác nên chú trọng nói rõ về bản thể. Bởi lẽ, [nếu chúng sanh] đã biết bản thể thì sẽ trọn chẳng chịu tự khinh, không tu tập. Nếu biết luận định từ bản thể thì không cần phải nghi! Nếu bỏ Thể để luận theo hình tích thì xin các hạ hãy thỉnh vị đại thông gia khác phán đoán, luận định. Quang là một ông Tăng tầm thường không có trí huệ biện tài ấy đâu!

Câu hỏi 9: Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường (22 câu) (Năm Dân Quốc 21 - 1932) (Trích Văn Sao Tục Biên)

Hỏi: Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, [vậy thì] đức Phật được tướng ấy có giống như [đức Phật được tướng trong] phép Quán thứ tám⁸ của Quán Kinh hay không?

Đáp: Quán tướng phải bắt đầu tu tập từ phép Quán thứ mười ba⁹. Nếu không, cảnh tế tâm thô, khó thể thành tựu, hoặc nếu như dụng tâm không thích đáng sẽ dấy lên ma sự.

Hỏi: Như khi gặp nguy hiểm, lâm vào tình thế chẳng thể cùng một lúc kiêm tụng các chú thì hãy nên ứng dụng như thế nào?

Đáp: Gặp phải tai nạn cực nguy hiểm, chỉ nên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát là đỡ tổn tâm lực nhất, lại có cảm ứng nhiều nhất.

Hỏi: Nếu chuyên tụng Phật hiệu, hiệu lực so với thần chú như thế nào?

⁸. Phép Quán thứ tám là tổng quán Tây Phương Tam Thánh cùng với cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, kinh dạy: “*Muốn quán Phật Vô Lượng Thọ trước phải tưởng hình tượng làm sao cho khi nhắm mắt, mở mắt đều thấy một tượng báu như sắc vàng Diêm Phù Đề, ngồi trên tòa sen kia. Lúc thấy Phật tượng rồi, tâm nhãn tự được mở mang rõ ràng sáng suốt. Bấy giờ hành giả thấy cõi Cực Lạc bày báu trang nghiêm, như: đất báu, ao báu, hàng cây báu, trên cây có幔 báu của chư thiên che phủ, các lưới báu giăng khắp giữa hư không. Khi đã thấy được cảnh tượng rất rõ ràng như nhìn vào bàn tay rồi, lại tưởng hai hoa sen lớn, một ở bên trái, một ở bên phải của Phật, cả hai đều giống như tòa sen trước. Xong lại tưởng hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi tòa sen bên trái, tượng Đại Thế Chí Bồ Tát ngồi tòa sen bên phải, thân tướng đều rực rỡ như sắc vàng Diêm Phù Đề...*”

⁹. Phép Quán thứ mười ba chỉ quán thân Phật cao một trượng sáu đứng bên ao thất bảo, thân của hai vị Bồ Tát cũng đồng phân lượng, đồng thời giảm bớt rất nhiều chi tiết cho phàm phu dễ quán, chẳng hạn chỉ quán hai vị Bồ Tát khác nhau ở chỗ đức Quán Âm có hóa Phật đứng trên đánh đàn, còn Đại Thế Chí là bảo bình trên nhục kế.

Đáp: Phật hiệu và thần chú có công đức giống hệt như nhau, chỉ do lòng chí thành thì mới có cảm ứng. Nếu trong tâm trước hết đã khởi lên ý niệm coi thường Phật hiệu thì sẽ chẳng có lợi ích gì, vì đã không chí thành lại còn ngờ vực nên chẳng được lợi ích chân thật.

Hỏi: “Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà” với “Tịnh Độ và đức Phật ở Tây Phương” là một nhưng mà hai, là hai nhưng mà một phải không?

Đáp: Có duy tâm Tịnh Độ thì mới sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Nếu tự tâm chẳng tịnh, làm sao vãng sanh được? Dẫu là kẻ tội nhân nghịch ác nhưng do niệm Phật mười tiếng bèn được vãng sanh là vì tịnh tâm niệm Phật mà cảm được [quả báo] vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong đời lắm kẻ tưởng “*duy tâm là không có cõi nước*”, trở thành tri kiến của tà ma, ngoại đạo! Loại tà kiến tựa hồ là đúng nhưng thật ra là sai ấy chiếm hơn quá nửa đến nỗi người niệm Phật chẳng được lợi ích thật sự, mà vẫn tưởng mình là cao minh, chẳng biết đây là tà kiến “*chấp lý phế sự, tự làm, làm người!*” Do tự tánh Di Đà nên phải niệm đức Di Đà ở Tây Phương để cầu vãng sanh hồng tấn tu dần dần để có đích thân chứng được Di Đà nơi tự tánh. Nếu chỉ chấp vào tự tánh Di Đà, chẳng niệm đức Di Đà ở Tây Phương, dẫu có ngộ thật sự vẫn không thể liễu sanh tử được! Huống chi những kẻ nói lời ấy toàn là bọn chấp chặt một bề, toàn là phường nói xuông! “*Là một nhưng hai*” là chuyện trước khi thành Phật, “*tuy hai nhưng một*” là chuyện sau khi đã thành Phật.

Hỏi: “*Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật sự đi*”, sanh và đi đều chỉ cho điều gì?

Đáp: “*Sanh thì quyết định sanh*” là nói theo mặt Sự. “*Đi chẳng thật sự đi*” là nói theo mặt Lý. Chẳng biết cội nguồn của Sự - Lý thì tốt hơn là hãy chất phác niệm Phật theo sự tướng. Nếu không, ắt sẽ trở thành bọn tà ma, ngoại đạo chấp lý phế sự.

Hỏi: Người tên X... nọ khi mạng chung chợt nói: “Tịnh Độ ngay trong góc sân”, vậy cõi đất này là Tịnh Độ ư?

Đáp: Đây chính là nghĩa lý “duy tâm Tịnh Độ” phát hiện. “Duy tâm Tịnh Độ” chính là cảnh của một mình người đó, ngoài ra đều là duy tâm uế độ. Há có nên dựa theo cái thấy của người ấy để phán đoán ư?

Hỏi: Tụng kinh có phải là để làm cho chính mình sanh tâm hoan hỷ, chán lìa, hay là còn có tác dụng chi khác?

Đáp: Ông tụng kinh chỉ biết cầu hoan hỷ cho chính mình, đáng tiếc là vô biên diệu nghĩa bị ông xem chẳng đáng một đồng!

Hỏi: Hiểu Đệ Nhất Nghĩa là như thế nào?

Đáp: Hiểu Đệ Nhất Nghĩa tức là triệt ngộ diệu lý Thật Tướng, duy tâm tự tánh.

Hỏi: Cái tánh còn lại sau khi chết, [cái tánh đi] vãng sanh, và Phật tánh có những điểm giống nhau, khác nhau như thế nào?

Đáp: Cái tánh của hết thầy chúng sanh trước khi sanh ra sau khi chết đi, cái tánh vãng sanh và Phật tánh [ba tánh ấy] đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng. Gọi là đồng vì bản thể của tâm tánh không hai. Nói là bất đồng vì do mê hay ngộ nên sai khác vời vợi một trời, một vực! Do có nghĩa này nên dạy người đoạn Hoặc chúng Chân để mong đích thân chúng được tâm tánh vốn đồng ấy. Chỉ có Thể là đồng, nhưng do mê chưa chúng nên bày ra đủ mọi pháp khiến cho họ bỏ vọng về với chân, trái trăn hiệp giác hòng đích thân chúng được. Cách tu rất nhiều, chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương là dễ thực hiện nhất, dễ thành tựu nhất!

Hỏi: Tu Quán có phải là cậy vào Phật lực hay không? Trong phép Quán thứ 13 [của Quán Kinh] có nói: “*Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, tâm lực của phàm phu chẳng thể thấu hiểu được, nhưng do sức tức nguyện của đức Như Lai ấy nên có kể ức tướng ắt được thành tựu*”. Điểm khác biệt giữa phép Quán này và tham Thiền là gì? So với tham Thiền có dễ hơn hay không?

Đáp: Tham Thiền chỉ cốt suy cứu tự tâm, niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Hai pháp đạt đến rốt ráo viên thành thì hoàn toàn giống như nhau, nhưng dụng công trong lúc tu trì thì rất khác biệt. Ví như đi đường ngồi thuyền hay ngồi xe khác nhau, nhưng về đến nhà thì giống như nhau.

Hỏi: Tu Quán là tướng hay là quán, hay dùng cả quán lẫn tướng? Lấy gần hay lấy xa?

Đáp: Hai chữ “*quán tướng*” há nên chia ra làm đôi! Nhiếp tâm để tướng chính là quán. Ông nghĩ là hai tức là trở thành chỉ biết [mười bằng] một nhân với mười, chẳng biết [con số mười ấy] nó cũng là hai lần năm. Hơn nữa, quán tướng sao có thể chia ra thành gần hay xa cho được!

Hỏi: Mỗi phép Quán phải cần [tu tập] tối thiểu bao nhiêu ngày?

Đáp: Ông cho rằng tu một phép Quán này mấy ngày, rồi sẽ tu pháp Quán khác đó ư? Chẳng biết đức Phật tuy nói mười sáu phép Quán nhưng thoát đầu hãy nên thực hành phép Quán thứ mười ba thì mới là tu khế lý khế cơ.

Hỏi: Phép Quán đầu tiên là nhất tâm tưởng mặt trời, hay là phải ngẫm trì danh hiệu?

Đáp: Quán và Trì Danh vốn là một chuyện, ông cho rằng khi quán thì chẳng thể trì danh, chẳng được trì danh hay sao?

Hỏi: Khi ngồi thì tu Quán, những lúc khác thì trì danh, so với chuyên trì một thứ thì là hơn hay kém?

Đáp: Có cái tâm trầm tĩnh, kín đáo, thuần túy thì tu Quán cũng tốt mà trì danh cũng hay. Nếu không, so ra trì danh ổn thỏa hơn, bởi tâm chí sôi động, hời hợt, vọng động mà tu Quán thì sẽ bị nhiễu ma sự.

Hỏi: Quán thấy cõi nước Cực Lạc thì đây có phải là Tịnh Độ thật sự hay là tướng giả hiện?

Đáp: Quán thấy Cực Lạc chính là do duy tâm biến hiện, bảo đó là giả thì trở thành gã đứng ngoài cửa mắt rồi!

Hỏi: Quán thấy cõi Cực Lạc và được nghe pháp thì có phải là Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông hay không?

Đáp: Đây chính là do sức Quán tạo nên. Nếu là Thiên Nhân, Thiên Nhĩ thì không cần quán cũng vẫn thấy nghe được.

Hỏi: Có người nói thấy Phật chính là [thấy] vị Phật ở trong tâm chứ không phải là [thấy] vị Phật ở Tây Phương. Nếu đúng như vậy thì khi vãng sanh, vị Phật trong tâm có hiện ra hay không? Hay là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn?

Đáp: Lâm chung thấy Phật chính là đức Phật do tự tâm cảm thành, chớ nên quy hết về tự tâm rồi nói rằng “*không có chuyện Phật đến đón!*”

Hỏi: Còn như khi tu phép Quán thứ mười ba, lúc ấy có thể tùy ý vãng sanh hay không? Hay phải đợi đến khi lâm chung mới có thể vãng sanh?

Đáp: Nghiệp báo chưa tận, làm sao vãng sanh ngay được? Xưa kia cũng có người [làm được như vậy], nhưng không thể áp dụng cho hết thảy mọi người được!

Hỏi: Quán đến khi thấy Phật nghe pháp rồi, mỗi ngày lại quán có cần phải bắt đầu quán từ phép Quán đầu tiên hay không?

Đáp: Quán tưởng thì chỉ cần quán sao cho đắc lực, cần gì phải từ đầu đến đuôi, hằng ngày tập đi tập lại! Phật nói ra mười sáu phép Quán thì những phép Quán đầu nhằm khiến cho con người biết đến sự trang nghiêm của Cực Lạc, [các phép Quán] về chín phẩm vãng sanh ở phần sau nhằm làm cho con người biết nhân quả của phép được

tu. Mỗi phép Quán đã biết thì qua một phép quán Phật sẽ có thể quán trọn vẹn các phép Quán kia.

Hỏi: Từ phép Quán thứ mười bốn trở đi chính là [quán] các phẩm vãng sanh. Đã không có cảnh để hiện mà dạy quán, nghĩa là làm sao?

Đáp: Nghĩa này đã nói rồi. Hãy xem những điều đã nói ở phần trên.

Hỏi: Những người vãng sanh trên đây dường như chẳng phải là những vị do tu Quán mà vãng sanh, chẳng biết nên tưởng sự vãng sanh của người tu Quán như thế nào?

Đáp: Phẩm vị của người vãng sanh muôn sai ngàn khác, trong kinh chỉ dùng chín phẩm để nói tóm gọn, sao ông biết những người vãng sanh trên đây chẳng do tu Quán mà được vãng sanh? Phải biết: Căn tánh con người bất đồng, dầu chỉ [cùng là] một pháp mà vẫn có cao - thấp rất khác nhau, há nên câu nệ nơi pháp được tu ư? Ấy là do khả năng trong tâm địa của mỗi người, ông cho rằng các vị như Văn Thù, Phổ Hiền... chẳng tu Quán ư?

Hỏi: Nhớ số niệm Phật: Hít vào niệm sáu câu, thở ra niệm bốn câu là như thế nào? Tâm đã nhớ số lại niệm Phật, rồi lại phải tưởng Phật nữa ư?

Đáp: Niệm Phật nhớ số là từ một đến ba, từ bốn đến sáu, từ bảy đến mười, sao lại hạn định trong hơi thở? Ông là kẻ học luyện đan vận khí nên mới thấy một hai chữ hơi tương tự, liền nói đó là công phu của họ.

Cách niệm Phật nhớ số là vì kẻ vọng tâm khó chế ngự mà đặt ra. Niệm được như thế, ghi nhớ như thế, lắng nghe như thế, chắc chắn tâm sẽ dần dần điều phục. Ở đây có ai dạy ông thêm vào hai chữ “*tưởng Phật*” đâu? Ở đây là tùy tiện niệm, nào phải bận tâm thở ra hay hít vào? Nếu hít thở như thế lâu ngày sẽ bị tổn khí mắc bệnh, chẳng thể không biết [điều này]!

Câu hỏi 10: *Nay con có một nghi vấn, thỉnh cầu lão pháp sư từ bi khai thị.*

Đệ tử ăn chay niệm Phật đã nhiều năm. Nhân vì người tin Phật, được mười phương tam thế chư Phật hộ niệm, thiên long bát bộ, đại lực thần vương thường theo ủng hộ, ác nghiệp những đời trước cũng dần dần được tiêu diệt, dù có oán đối cũng chẳng thể hại được. Đây chính là điều kinh Phật đã nói, quyết chẳng phải là lời nói dối. Vậy mà trong tháng Ba, con nhận được tin từ mẹ con ở Thượng Hải gửi đến, cho biết có bà Trương hết sức tin Phật, ăn chay đã hơn hai mươi năm, thường đến Cư Sĩ Lâm nghe kinh, gặp ai cũng khuyên niệm Phật ăn chay, tâm hết sức từ

bi làm lành. Nào ngờ một bữa kia, mang đồ chay đến cho một vị sư huynh nọ, đi đường bị xe hơi tông chết. Sau đó, sở cảnh sát giao thông đem xác về, đến ba bữa sau con cháu trong nhà mới biết chuyện, đến lãnh về táng liệm. Con nghe chuyện này xong, trong tâm hết sức kinh hãi, đến nay ngờ vực không giải quyết được! Hơn nữa, những người trong Phật hội nghe như vậy cũng đều bất an. Vì thế, con mới đặc biệt dâng thư này, khẩn cầu lão pháp sư chỉ bày nguyên do vì sao bà ta lâm chung lại khổ sở đến thế? Rốt cuộc bà ta có được vãng sanh Tây Phương hay chẳng? Xin hãy giảng minh bạch điều này khiến cho mọi người an tâm niệm Phật, cảm tạ ân đức khôn cùng. *Trả lời thư cư sĩ Châu Tụng Nghiêu (Đính kèm nguyên văn thư hỏi, năm Dân Quốc 20 - 1931)*

Trả Lời:

Nhận được thư, biết các hạ đối với đạo lý Phật pháp còn chưa thật sự hiểu rõ. Chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. **Kinh Hoa Nghiêm dạy:** “Giả sử ác nghiệp hữu thể tướng giả, thập phương hư không bất năng dung thọ” (Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không cũng chẳng thể chứa đựng được). Phải biết: Người tu trì nếu chân thành, không dối trá thì có thể chuyển được nghiệp, chuyển quả báo nặng nề ở đời sau thành quả báo nhẹ trong đời này. Phạm phu mắt thịt chỉ thấy được những sự thực cát - hung hiện thời, chẳng thể biết nhân quả quá khứ và vị lai như thế nào!

Như bà cụ ấy tu tập tinh ròng nhiều năm, một bữa kia chết thảm, có thể là do khổ báo ấy sẽ tiêu diệt được quả báo trong tam đồ ác đạo đã tạo, được sanh trong thiện đạo. Nếu lúc sống có tín nguyện chân thật thì cũng có thể vãng sanh Tây Phương. Nhưng chúng ta đã không có Tha Tâm đạo nhãn, chẳng dám ức đoán là quyết định vãng sanh hoặc quyết định chẳng vãng sanh. Chỉ có thể nói quyết định: “*Làm lành ắt được báo lành, làm ác quyết mắc báo ác*”.

Làm lành mà mắc ác báo thì chính là quả báo của ác nghiệp đời trước, chứ không phải là quả báo của thiện nghiệp trong đời hiện tại. Các ông trông thấy cụ già đó bị quả báo ấy, trong lòng chắc là có tà kiến “*làm lành vô phước, điều thiện chẳng đáng làm*”, cho nên mới kinh hoảng ngờ vực. Tri kiến như vậy thì có khác gì người chưa được nghe Phật pháp đâu? Nếu tin sâu lời Phật, quyết chẳng vì chuyện này mà có thái độ kinh hoảng ngờ vực ấy; bởi lẽ chuyện nhân quả trùng điệp vô tận. Nhân này chưa [kết thành] quả báo, quả kia đã chín trước. Giống như trồng lúa vậy, thứ lúa chín sớm thu hoạch trước; giống như thiếu nợ, kẻ có sức mạnh lôi đi trước.

Thời xưa có kẻ suốt đời làm lành, khi lâm chung chết thảm để tiêu túc nghiệp, đời sau lại được phú quý tôn vinh. Như một vị Tăng ở chùa Dục Vương (chùa A Dục Vương) đời Tống, muốn tu bổ điện thờ xá-lợi, nghĩ Nghi Thân Vương có thể lực, bèn

đến quyên mộ, quyên chẳng được mấy, phát phần quá mức, bèn dùng búa chặt tay trước điện thờ xá-lợi, chảy máu đến chết. Ngay khi đó, vương gia sanh được một đứa con cứ khóc mãi không ngừng. Vú em bồng đi chơi, đến bên chỗ có treo hình tháp xá-lợi liền nín, đi khỏi lại khóc, [bà vú] bèn lấy bức hình ấy xuống. Bà vú thường cầm bức hình ấy giơ ra trước mặt thì vĩnh viễn không khóc. Vương nghe vậy, lấy làm lạ, bèn sai người qua chùa Dục Vương hỏi tin vị Tăng ấy thì ngày sanh của đứa con đó đúng vào ngày [ông Sư ấy] chặt tay chảy máu đến chết. Vương bèn một mình tu bỏ điện xá-lợi. Đến năm [đứa con ấy tròn] hai mươi tuổi, Ninh Tông băng, không có con, bèn cho chàng trai ấy nối ngôi, làm hoàng đế bốn mươi một năm, tức là Tống Lý Tông (1225-1265) vậy! Cái chết của ông Tăng ấy cũng là thảm tử. Nếu chẳng thường khóc không ngừng, thấy bức vẽ xá-lợi bèn nín, ai biết được đứa bé ấy chính là hậu thân của vị Tăng đã chặt tay chết thảm? Chuyện này chép trong A Dục Vương Sơn Chí. Năm Quang Tự 21 (1895), Quang đến lễ xá-lợi mấy chục ngày, đọc được [chuyện này].

Người hiểu lý gặp bất cứ hoàn cảnh như thế nào, quyết chẳng nghi nhân quả có sai lầm, hoặc lời Phật có dối! Người không rõ lý chấp chết cứng vào quy củ, chẳng biết nhân quả phức tạp đến nỗi lầm lạc nảy sanh nghi ngờ, bàn bạc; nói chung là do tâm không có chánh kiến. Như nói người niệm Phật có Tam Bảo gia bị, long thiên che chở, đây là lý nhất định, hoàn toàn chẳng hư vọng. Chỉ vì chưa hiểu rõ lý “*chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ đời này*” nên chẳng khỏi bàn bạc nghi ngờ không hợp lẽ như thế. Xưa kia, Giới Hiền luận sư¹⁰ ở Tây Vực, đức cao khắp đời, đạo lẫy lừng Tứ Trúc (bốn xứ Thiên Trúc²⁷). Do túc nghiệp nên thân mắc ác bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muốn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giáng xuống, bảo: “*Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương nỡ hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu. Ông nên gắng chịu đựng, xứ Đại Đường có một vị Tăng tên là Huyền Trang, ba năm nữa sẽ đến đây học pháp*”. Giới Hiền luận sư nghe xong, ráng chịu đau sám hối, lâu ngày lành bệnh. Đến ba năm sau, ngài Huyền Trang đến đó, ngài Giới Hiền bảo đệ tử thuật lại tình trạng đau khổ của căn bệnh. Người kể lại nỗi khổ nghẹn ngào, ứa lệ, đủ thấy sự khổ ấy rất lớn. Nếu chẳng hiểu rõ nhân trong đời trước, người ta sẽ nói Giới Hiền chẳng phải là vị cao

¹⁰ . Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị Luận Sư nổi tiếng của Đại Thừa Phật Giáo Du Già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na Lan Đà ở tại nước Ma Kiệt Đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng gia Samatata ở Đông Ấn, hiểu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na Lan Đà, Sư gặp được Hộ Pháp Bồ Tát, nghe ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, Sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na Lan Đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du Già Sư Địa Luận v.v... chia Phật giáo thành ba thời là Hữu, Không, Trung, lập ra thuyết Ngũ Chung Tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, Sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của Sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi Sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng.

tăng đắc đạo, hoặc sẽ nói bậc đại tu hành như vậy mà vẫn bị bệnh thảm như thế, Phật pháp linh cảm lợi ích ở chỗ nào? Những gì trong tâm các ông biết nhỏ nhoi quá, nên thấy chút tướng lạ liền sanh kinh nghi. Người không có thiện căn bèn thoái thất đạo tâm. Nếu [thấy] người tạo ác hiện tại được phước báo thì cũng sẽ khởi tâm tà kiến như thế; chẳng biết đều là tiền nhân hậu quả và chuyển quả báo nặng nề trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời, cũng như chuyển quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời thành quả báo nặng nề trong đời sau v.v... đủ mọi lẽ phức tạp khác nhau!

Câu hỏi 11: Nếu như nói: “*Dầu táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh nóng giận*”, thì giả sử như có người ác đến hại mình cũng chẳng bận tâm, mặc cho họ giết chóc ư? (Trích Văn Sao Chánh Biên - Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận)

Đáp: Phàm người tu hành có người là phàm phu, có vị là Bồ Tát đã chứng Pháp Thân. Lại có người lấy việc duy trì thế đạo làm chủ, có người lấy liễu giải tự tâm làm chủ. Nếu chỉ nhằm liễu giải tự tâm và là bậc Bồ Tát đã chứng Pháp Thân thì giống như trên đã nói: Coi muôn vật và ta như nhau, sống - chết hết như nhau. Nếu là kẻ phàm phu, lại muốn duy trì thế đạo thì suy nghĩ nên giống như Bồ Tát từ bi lớn lao, sâu xa, không gì chẳng dung nạp, nhưng xử sự thì vẫn phải y theo lẽ thường của thế gian, hoặc làm chuyện ngăn cản, chế ngự để nhiếp phục, hoặc dùng nhân từ để cảm hóa. Sự việc chẳng nhất loạt giống nhau, nhưng tâm nhất quyết chẳng được có lòng sân độc, kết thành oán hận! Những điều chỉ dạy trong đoạn văn phía trước chính là để dạy người “*dùng chuyện giả dụ nhằm tiêu diệt tập khí nóng giận*”. Nếu pháp quán này thành thực thì tập khí nóng giận tự diệt. Dầu gặp phải cảnh hại thân thật sự cũng vẫn giữ được tâm lòng thản nhiên, hành đại bố thí. Nhờ vào công đức ấy liền sanh về Tịnh Độ. So với chuyện giết chóc lẫn nhau, bao kiếp dài lâu báo đền thì chẳng phải là cách biệt như trời với đất ư?

Câu hỏi 12: Ghi lại lời sớ voi (nói mò) về Niệm Phật Tam Muội (Trích Văn Sao Chánh Biên)

Năm Bính Ngọ tôi yểm quan tại chùa Bảo Khánh ở Từ Khê¹¹, tạ tuyệt duyên đời, tu tập Tịnh nghiệp. Gặp đúng dịp vị chủ giảng trong chùa là pháp sư Đệ Nhàn giảng Di Đà Sớ Sao gần chỗ bế quan. Tôi bèn bắt chước chuyện Khuông Xung khoét vách¹² khi xưa,

¹¹ . Từ Khê là một huyện thuộc phủ Khánh Nguyên tỉnh Chiết Giang.

¹² . Theo sách Tây Kinh Tạp Ký (không rõ tác giả là ai, có thuyết nói là Lưu Hâm đời Hán, có thuyết lại nói là Cát Hồng đời Tấn), Khuông Xung tự Trĩ Khuê, người xứ Đông Hải (nay là Tam Lăng Trấn, Thương Sơn), nhà rất nghèo, chăm học nhưng không có đèn đuốc, bèn khoét một lỗ nhỏ trên vách để đọc nhờ đèn hàng xóm. Trong xóm có một nhà giàu sở hữu rất nhiều sách, Khuông Xung bèn đi làm thuê cho nhà ấy không lấy tiền công để được đọc sách. Sau này đỗ đạt, giữ chức Bác Sĩ Cấp Sự Trung chuyên giảng kinh sách cho hoàng tộc và bá quan, cũng như từng giữ chức Thái Tử Thiệu Bảo chuyên dạy hoàng tử. Có lúc ông từng làm quan đến chức Thừa Tướng đời Hán Nguyên Đế. Điền cổ “*Khuông Xung tạc bích thấu quang*” (Khuông Xung khoét vách trộm ánh sáng) được dùng để chỉ gương hiếu học.

đục một lỗ nhỏ nơi vách phòng bế quan, chẳng lia đương xứ thường dự giảng tòa. Từ đây niệm Phật càng cảm thấy thân thiết. **Phật hiệu vừa khởi lên vọng niệm hoàn toàn tiêu, khắp thân mát mẻ, trong lòng cảm thấy vui sướng, khác nào cam lộ rưới đảnh, đề hồ thấm tâm. Sự vui sướng ấy không gì sánh ví được!**

Một ngày nọ có khách đến quan phòng hỏi: Tôi đã tu trì pháp Niệm Phật hơn 20 năm, đối với việc sanh lòng tin phát nguyện tu trì, không gì không chân thành, thiết tha, nhưng nghiệp sâu chướng nặng, rốt cuộc vẫn chưa thể đạt đến cảnh giới **nhất tâm bất loạn**. Trộm xét căn tánh tôi chỉ đáng “đói nghiệp vãng sanh”, tuy trong đời này pháp Niệm Phật Tam Muội tôi không dám mong mỏi, nhưng pháp nào có thể đạt được, tướng nào sẽ đạt được [nơi tam muội ấy] xin thầy hãy vì tôi mà dạy cho?

Tôi nói:

- Cảnh tướng của Tam Muội chỉ có chứng mới hiểu rõ ráo được, “như người uống nước, nóng - lạnh tự biết”. Tôi đã chưa chứng làm sao tuyên nói được?

Khách cố kèo nài chẳng thôi, tôi nói:

- Nếu luận về pháp thì phải trong lúc đang niệm Phật, liền xoay trở lại quán niệm ấy, chuyên chú một cảnh, đừng để rong ruổi theo bên ngoài. Niệm niệm chiếu soi nguồn tâm, tâm tâm khế hợp Phật thể. Quay trở lại niệm nơi cái niệm của chính mình, quay trở lại quán chính sự quán của mình. Hễ niệm liền quán, hễ quán liền niệm, sao cho toàn bộ Niệm chính là Quán, ngoài Niệm không có Quán; toàn bộ Quán chính là Niệm, ngoài Quán không có Niệm. Quán và Niệm tuy giống như nước với sữa, vẫn chưa đạt đến cội nguồn. Phải hướng về một niệm “**Nam Mô A Di Đà Phật**” mà thể cứu (suy xét cho thấu hiểu) từng tầng một, khăng khăng chăm chú hướng đến. Càng thể cứu càng tha thiết, càng hướng đến càng thân thiết, cho đến khi lực cực công thuần, đột nhiên niệm rớt mất, chứng nhập cảnh giới “*không niệm - không chẳng niệm*”. Như câu nói: “*Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần, thể lộ chân thường, chẳng chấp vào văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lia vọng niệm chính là Như Như Phật*” chính là nói về ý này vậy!

Công phu đến mức này là đắc pháp Niệm Phật, cảm ứng đạo giao rất dễ đắc lực. Tướng ấy giống như mây tan giữa hư không, bầu trời xanh lộ ra hoàn toàn, đích thân thấy được bản lai vốn không có gì để thấy được. Vô kiến chính là chân kiến, hữu kiến là đọa vào trần. Đến mức độ này thì sắc núi, tiếng suối đều là Đệ Nhất Nghĩa Đế, quạ kêu sẻ hót không gì chẳng phải tối thượng chân thừa, sống động hoạt bát nơi các pháp, chẳng trụ một pháp nào. Ánh sáng rực rỡ chiếu ngời các cảnh, nhưng trọn chẳng có một vật nào. Nói đến Dụng của nó thì như mặt trời buổi mai mọc lên từ phía Đông, tròn trịa chiếu sáng ngời. Nói đến Thể thì như vàng trắng rạng rỡ lặn bên phía Tây, thanh tịnh tịch diệt, vừa chiếu vừa tịch, vừa tịch vừa chiếu, cùng tồn tại, cùng biến mất, dứt bật đôi đũa một cách viên dung. Ví như tuyết phủ ngàn quả núi, biển dung nạp muôn mạch nước, chỉ là một sắc, trọn chẳng có vị gì khác. Không vướng mắc, tự tại, tự như. Luận về lợi

ích thì hiện tại tuy chưa lìa Ta Bà, đã thường dự Hải Hội; lâm chung lên ngay thượng phẩm, đốn chứng Phật Thừa. Chỉ có người trong nhà mới biết được chuyện trong nhà, [đem ra] nói với kẻ ở ngoài cửa chắc chắn sẽ bị báng bổ, đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Lại hỏi:

- Con người trong sinh hoạt thường nhật thường gặp đủ mọi duyên, làm sao có thể “lọt vào mắt là Bồ Đề, chuyện gì cũng là đạo được?”

Đáp:

- Tâm sanh thì đủ mọi pháp sanh. Tâm diệt thì mọi thứ pháp diệt. Vạn cảnh chẳng ngoài một tâm, một tâm dung thông vạn cảnh. Nếu hiểu rõ tâm thể vốn không, nào ngại bao trùm vạn tượng? Phải biết vạn tượng như huyễn, sanh diệt chỉ là một tâm; các duyên không trói buộc, vốn tự giải thoát. Sáu trần không ác, vẫn đồng Chánh Giác. Tâm và cảnh như một, nào có vướng mắc? Chẳng thấy Sự Sự vô ngại pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm đó sao? Nói: “*Hết thấy các cõi nước trong mỗi một trần, hết thấy tâm trong mỗi một tâm. Trong mỗi một tâm, một trần, lại lần lượt có đủ lẫn nhau, trùng trùng vô tận không chướng ngại. Vì vậy, khí giới¹³, sợi lông, hạt bụi, đài mây, lưới báu đều tuyên biến tánh, đều diễn chân thừa. Theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Tìm một chỗ chùng bằng đầu sợi lông không phải là đạo cũng không thể được! Vì vậy, pháp gì, chuyện gì không gì không phải là đại tịch diệt trường. Tâm tâm niệm niệm đều khế hợp biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Tri). Duy tâm diệu cảnh, duy cảnh diệu tâm, lìa tứ cú, tuyệt bách phi, dứt bật đối đãi một cách viên dung, làm sao có thể nghĩ bàn cho được?” Những điều vừa nói trên đây như người mù sờ voi, tuy chẳng lìa voi, chỉ sợ chẳng phải là toàn thể con voi! Ghi lại để dâng cho các vị xem xét.*

Câu hỏi 13: Tịnh Độ Vấn Đáp và Lời Tựa (Trích Văn Sao Chánh Biên)

Lớn lao thay giáo pháp Tịnh Độ! **Tâm này làm Phật, tâm này là Phật**, pháp Trục Chỉ Nhân Tâm phải thua pháp này về mặt kỳ đặc (đặc biệt, lạ lùng). Mười niệm, một niệm liền lên Bất Thoái. Dù trải bao kiếp tu chứng vẫn ngưỡng mộ phong thái cao xa của pháp này. Độ khắp thượng trung hạ căn, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiên Tông. Mưa đúng thời nhuần thấm mọi vật, như biển cả thâm nạp muôn sông. Hết thấy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này; hết thấy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, không hạnh nào chẳng quy hoàn pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp, được dự vào Bồ Xứ. Ngay trong một đời này chứng Đại Bồ Đề. **Chúng sanh chín pháp giới lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh.** Do vậy, Hoa Tạng hải chúng đều tuân theo mười đại nguyện vương. Hội Pháp Hoa xưng niệm một tiếng đều chứng Thật

¹³ . Khí giới ở đây là khí thể gian, tức cảnh bên ngoài, bao gồm cõi nước, thế giới v.v... tức Y Báo.

Tướng các pháp. Lực dụng lớn lao như thế, chư Phật cùng tuyên dương. Phát huy tốt bậc đến như vậy, chư Tổ đều cùng như thế. Thật có thể nói là lời cực đàm (bàn luận đến tột cùng) của cả một đời giáo hóa, là đại giáo Nhất Thừa vô thượng vậy! Chẳng trông coi đức, dù trải bao kiếp cũng khó được gặp gỡ! May được nghe ngóng, un đúc, gắng sức tu trì, sợ lữ cuồng đồ vô tri kia chê là thiên cận, cho nên y giáo khen ngợi, thuật bày để họ phụng hành vậy!

Hỏi: Pháp môn Niệm Phật người ngu cũng tu được, Luật, Giáo, Thiền Tông kẻ trí còn khó hiểu được, sao lại nói pháp này thống nhiếp các pháp kia?

Đáp: Muốn biết nghĩa này, cần phải hiểu kỹ sự lớn - nhỏ, hơn - kém giữa Phật lực và tự lực thì hết thấy nghi hoặc sẽ ào ạt tiêu tan, cởi gỡ ngay!

Phật và chúng sanh tâm tánh tuy đồng, nhưng nếu luận về lực dụng thì khác biệt vơi vơi như trời với đất. Ấy là vì chúng sanh có đủ vô lượng phiền não ác nghiệp, nên công đức - trí huệ chẳng thể hiện tiền. Phật đầy đủ vô lượng công đức - trí huệ, phiền não ác nghiệp hết sạch không còn sót. Phật và chúng sanh mê - ngộ bất đồng, cho nên lực dụng hơn - kém thật khác!

Luật, Giáo, Thiền Tông đều cậy vào tự lực để liễu thoát sanh tử. Vì thế, trải kiếp dài lâu vẫn khó thoát khỏi. Pháp môn Niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực kiêm thêm tự lực để liễu thoát sanh tử. Vì thế, hết một đời này liền lên Bất Thoái.

Hỏi: Tự lực, Phật lực nghĩa như thế nào, xin giảng rõ cho!

Đáp: Luật, Giáo, Thiền Tông thoát đầu phải hiểu sâu xa giáo lý, y giáo tu hành, công tu hành sâu, đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát sanh tử. Nếu chẳng hiểu giáo lý thì là tu mù luyện đui. Nếu không, được chút ít đã cho là đủ, liền bị ma dựa, phát cuồng. Dẫu cho hiểu lý, công sâu, cũng phải đoạn Hoặc. Nếu còn mây mưa chưa đoạn sạch thì vẫn y như cũ chẳng thoát khỏi vòng khổ. Đến khi nào Hoặc nghiệp hết sạch mới có thể lìa khỏi sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật rất xa. Lại phải trải qua bao kiếp tấn tu mới có thể viên mãn Phật quả.

Ví như thứ dân sanh ra thông minh, trí huệ, đọc sách học văn nhọc nhằn nhiều năm, học vấn đã thành, thi đậu làm quan. Do có tài năng lớn, cho nên từ chức nhỏ được thăng lên dần, cho đến làm tể tướng, làm quan cực phẩm, không thể thăng lên được nữa. Trong quần thần địa vị bậc nhất, nhưng nếu so với thái tử, quý - hèn một trời một vực, hưởng gì [sánh với] hoàng đế? Suốt đời làm bầy tôi, phụng hành mạng vua, cúc cung tận tụy, giúp vua cai trị quốc gia. Nhưng địa vị tướng quốc ấy thật chẳng dễ dàng, nhọc nhằn cả nửa đời người, nai lưng chịu đựng, rồi đến rốt cuộc chẳng qua chỉ như vậy! Nếu học vấn tài năng hơi kém cõi hơn, chẳng đạt được như vậy ắt có đến trăm ngàn vạn ức người! Đây là tự lực. Học vấn tài năng ví như hiểu sâu giáo lý, y giáo tu hành. Địa vị đến chức Tể Tướng ví như công tu hành sâu dày, đoạn Hoặc chứng Chân. Chỉ có thể xưng là thần, chẳng dám xưng là vua (Bầy tôi nhất định chẳng dám xưng là vua. Bầy tôi muốn làm vua trừ phi thác sanh trong cung vua, làm hoàng thái tử. Tu các pháp môn khác cũng có

thể thành Phật, nhưng so với pháp Tịnh Độ thì khác biệt còn gấp nhiều lần [sự khác biệt] giữa ngày và kiếp. Người đọc phải khéo hiểu ý này, đừng chấp chặt vào từ ngữ. Nhưng theo như phần cuối kinh Hoa Nghiêm, Đẳng Giác Bồ Tát còn dùng mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh, rất giống với ý nghĩa thác sanh trong hoàng cung, làm hoàng thái tử. Pháp môn Tịnh Độ có được kinh Hoa Nghiêm giống như biển cả dung nạp vạn con sông, như thái hư bao trùm vạn tượng. Cao đẹp thay! Lớn lao thay!) ví như tuy thoát sanh tử, nhưng còn chưa thành Phật! Những kẻ học vấn chưa đầy đủ, chẳng thể [đạt được] như vậy rất đông; ví như những người chưa đoạn sạch Hoặc, chẳng thể thoát khỏi biển khổ sanh tử rất nhiều.

Trong pháp môn Niệm Phật, dầu chưa hiểu giáo lý, chưa đoạn Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung quyết định được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khi đã sanh về Tây Phương, thấy Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, ngay trong một đời này quyết định bỏ vào địa vị Phật. Đây là Phật lực lại kiêm tự lực. Nói “*tín nguyện trì danh*” chính là do tự lực có thể cảm được Phật. Thệ nguyện nhiếp thọ, rủ lòng Từ tiếp dẫn chính là Phật lực có thể ứng với ta. Do cảm ứng đạo giao cho nên được như thế. Nếu lại hiểu sâu xa giáo lý, đoạn Hoặc chứng Chân thì phẩm vị vãng sanh càng cao, viên thành Phật đạo càng lạ! Do vậy, Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Tạng hải chúng, Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông đều nguyện vãng sanh. Ví như thác sanh trong hoàng cung, vừa ra khỏi thai mẹ đã sang quý lán át quần thần, đây là nhờ vào sức vua. Đến khi khôn lớn, học vấn, tài năng mỗi mỗi đều đầy đủ, bèn có thể kế thừa ngôi vua, bình trị thiên hạ. Hết thấy bấy tôi đều phải nghe chiếu dụ. Đây chính là vương lực, tự lực đều cùng có.

Pháp môn Niệm Phật cũng giống như thế. Chưa đoạn Hoặc nghiệp, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, liền thoát khỏi sanh tử. Ví như Thái Tử mới sanh đã sang quý lán át quần thần. Đã được vãng sanh thì Hoặc nghiệp tự đoạn, quyết định bỏ vào địa vị Phật, như Thái Tử khôn lớn, thừa kế ngôi vua, bình trị thiên hạ. Lại nữa, những vị đã đoạn Hoặc nghiệp như Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông, những vị đã đạt tới địa vị Bồ Xứ như Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Tạng Hải Chúng đều nguyện vãng sanh. Ví như thuở xưa, trấn giữ chốn biên cương quê mùa, chẳng thể kế thừa ngôi báu; nay sống tại Đông Cung chẳng bao lâu sẽ đăng cực (lên ngôi vua). Xin hãy bỏ sạch thói cũ, đối với pháp môn này sanh lòng tín nguyện cùng cực, chuyên tinh tu tập thì vô tận phiền não nhanh chóng đoạn sạch chẳng khó khăn gì, vô lượng pháp môn tự nhiên chứng nhập. Viên thành vô thượng Phật đạo, độ thoát vô biên chúng sanh như trao bằng khoán ra lấy lại vật cũ. Hãy nên cố gắng! Hãy gắng sức lên!

Câu hỏi 14: Tịnh Độ Quyết Nghi Luận (Trích Văn Sao Chánh Biên Q.2)

“Thuốc không quý - tiện, thuốc trị lành bệnh là thuốc hay. Pháp không hơn - kém, pháp kế hợp căn cơ là pháp diệu”. Thuở xưa, căn tánh con người thù thắng, tri

thức như rừng, tùy ý tu một pháp đều có thể chứng đạo. Người đời nay, căn tánh kém cõi, tri thức hiếm hoi, nếu bỏ Tịnh Độ thì chẳng nhờ vào đâu để được giải thoát.

Tôi tự thẹn nhiều đời, nhiều kiếp, ít gieo căn lành, phước mỏng, huệ cạn, chướng nặng, nghiệp sâu; lúc đang cầu học hỏi lại chẳng gặp thiện hữu, chưa được nghe đạo truyền tâm¹⁴ của thánh hiền, lâm cái độc của Hàn, Âu phé Phật. Học vẫn chưa thành, nghiệp lực đã hiện ra trước. Từ đây, bệnh nặng cả mấy năm, chẳng làm gì được. Nghĩ kỹ thiên địa quỷ thần chiếu soi như thế, cổ kim thánh hiền đông nhiều đến thế, hướng chi Phật vốn chẳng có quyền lực để ép người thuận theo; ắt phải nhờ vào vua thánh, tôi hiền hộ trì thì đạo Phật mới có thể lưu truyền khắp thiên hạ vậy. Nếu pháp ấy quả thật đúng như lời họ Hàn, họ Âu: “*Phật pháp trái nghịch thánh đạo, gây hại cho Trung Quốc*” thì chẳng những riêng vua thánh, tôi hiền xưa nay chẳng dung thứ cho Phật pháp tồn tại nơi đời, mà thiên, địa, quỷ thần cũng tru diệt chẳng còn sót từ lâu rồi; nào phải đợi đến họ Âu, họ Hàn dùng lời hư vọng để bác bỏ nữa!

Sách Trung Dung nói: “*Đạo quân tử thì kẻ ngu phu, ngu phụ còn có thể biết được, hành được*”; còn như cái đạo đạt đến mức cùng cực thì ngay cả thánh nhân cũng có chỗ chẳng hay biết, chẳng thể thực hiện được nổi. Ông Âu, ông Hàn tuy hiền, nhưng còn kém xa thánh nhân rất nhiều! Hướng gì có những điều thánh nhân còn chẳng biết chẳng hay! Phật pháp nào có phải là pháp mà phạm tình, trí thế gian có thể suy lường được nổi. Tôi bèn nhanh chóng sửa đổi tâm trước, xuất gia làm Tăng, tự lượng sức mình: Nếu chẳng nương vào sức thế nguyện rộng lớn của đức Như Lai thì quyết khó có thể ngay trong đời này thoát khỏi sanh tử. Từ ấy, chỉ niệm Phật, chỉ cầu Tịnh Độ. Từ nhiều năm qua, tôi đã lạm dự vào chốn giảng pháp, nhiều phen tham vấn các bậc Thiên Đức¹⁵, chẳng qua là muốn làm sáng tỏ Đệ Nhất Nghĩa Đế Tịnh Độ để làm tư lương thượng phẩm vãng sanh mà thôi. Hận rằng sức lực yếu ớt nên hạnh khó dưỡng mãi; nhưng tôi tín nguyện kiên cố, không những các sư giảng Thiên trong thế gian không thể lay chuyển tôi chút nào, dầu cho chư Phật hiện thân dạy tu pháp khác, tôi cũng chẳng chịu bỏ pháp này nhận lấy pháp khác, trái nghịch cái tâm ban đầu. Hiềm rằng túc nghiệp gây chướng ngại nên rốt cuộc tôi chưa đạt được nhất tâm bất loạn, để đích thân chứng được Niệm Phật Tam Muội, thẹn thùng vô kể.

Một ngày nọ có một Thượng Tọa, tham học Thiên tông đã lâu, kiêm thông giáo lý, mắt xem bốn biển rộng không, thề chứng Nhất Thừa, noi gương Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến Loa Sơn gõ cửa thất tôi. Khi ấy, tôi vừa xem tập Di Đà Yếu Giải thấy văn sâu lý thâm, chẳng tiện cho kẻ sơ cơ, mông muội, nên muốn thấu thập những giáo lý của tông Thiên Thai để viết lời giải thích, ngõ hầu giúp bậc sơ học dễ bề tiến bộ, chứ chẳng dám bắt chước cổ đức hoàng xiển đạo mầu, chỉ toan tạo nhân duyên thâm

¹⁴. Truyền tâm: nói gọn của thành ngữ “*tân tận hỏa truyền*” (củi hết lửa còn) ý nói đạo truyền thừa giữa thầy và trò.

¹⁵. Nguyên văn là Thiên tượng: Tượng là thợ giỏi, thợ khéo, thường được chỉ những bậc thông đạt pháp môn. Ở đây tạm dịch là Thiên Đức.

nhập chỗ thù thắng cho hậu học. Mừng có vị Thượng Tọa ấy đến, nên tôi liền tặng ông ta một cuốn Yếu Giải, rồi tỏ ý muốn viết lời giải thích. Nhân đấy, Thượng Tọa bảo tôi:

- Một cuốn Yếu Giải trước kia tôi đã từng xem, thấy trong ấy viết rằng: “*Tặng sâu thăm của Hoa Nghiêm, cốt tủy bí nhiệm của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thầy chư Phật, kim chỉ nam cho vạn hạnh của Bồ Tát đều chẳng ra khỏi kinh này*”. Những câu như vậy chẳng thể kể hết, thật đúng chèn ép Tông (Thiền), Giáo (các tông phái khác như Hoa Nghiêm, Thiên Thai...), quá khen Tịnh Độ, báng chánh pháp luân, khiến chúng sanh nghi lầm! Chẳng hiểu đại sư Ngẫu Ích đã có học thức thiên cổ hy hữu sao lại không trực chỉ nhân tâm, hoàng dương Chỉ Quán. Trái lại, Ngài chấp vào thứ kiến giải ấy khiến kẻ ngu phu, ngu phụ dùng đó như bùa hộ thân, chỉ mong hàng Tăng, tục trong đời giữ một pháp buông bỏ vạn hạnh; lấy vũng nước nơi dấu chân, bỏ cả biển rộng, cùng bước vào nẻo mê, vĩnh viễn quay lưng với đường chánh, đoạn diệt giống Phật, tội ngập cả trời. Muốn báo ân Phật thì trước hết nên hủy diệt sách sách này, sao thầy còn tính viết lời giải thích để giúp cho sách ấy được lưu thông vậy? Tâm giận ngùn ngụt, như đối diện cừu thù.

Tôi đợi cho ông ta bình tĩnh lại, thông thả bảo rằng:

- Ông coi lời giải thích này của ngài Ngẫu Ích là tội lỗi quá nặng; ấy là chỉ biết ngọn, nhánh, chứ chẳng biết đến cội, nguồn, như con chó khờ chạy theo hòn đất, như con ngỗng chúa chẳng chọn sữa¹⁶. Phải biết cái lỗi ấy chẳng do cuốn Yếu Giải này của ngài Ngẫu Ích, mà thật sự là do Phật Thích Ca, Phật Di Đà, mười phương chư Phật và ba kinh Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, các kinh Đại Thừa và các vị đại Bồ Tát, Tổ Sư: Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Thiên Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v... Nếu ông có thể làm đại pháp vương trừng trị tội ấy thì lời ông sẽ được cả thế gian phụng hành; bằng không thì kẻ dân ngu nơi rừng núi xung bừa là hoàng đế, tự chế pháp luật, bội phản luật vua, chẳng mấy chốc sẽ bị diệt môn tru tộc vậy. Ông nói như thế là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, ngay đời này sẽ hãm vào A Tỳ địa ngục thọ khổ bao kiếp, trọn không có lúc thoát ra. Cây chút phước trong quá khứ, tạo khổ báo bao kiếp. Hạng người được tam thế chư Phật gọi là “*đáng thương xót*” chính là ông vậy.

Ông ta giật mình, nói:

- Thầy bảo tội nơi đức Thích Ca, Di Đà v.v... Sao mà lại trái nghịch lý thường đến như thế? Xin thầy giải thích cặn kẽ nguyên do.

Nếu lý ấy thật sự thù thắng, tôi đâu dám chẳng tuân theo!

Tôi bảo:

¹⁶. Theo Tổ Đình Sự Uyển, quyển 5, nếu bỏ sữa và nước cùng trong một đồ đựng, ngỗng chúa chỉ uống sữa bỏ lại nước. Nước tượng trưng cho chúng sanh, sữa tượng trưng cho Phật. Dùng điển tích “ngỗng chúa chọn sữa” để tỷ dụ bậc giác ngộ sống trong thế gian chẳng bị nhiễm ô. Điển tích này còn dùng để chỉ khả năng phân biệt chân - ngụy, thiện - ác.

- Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong đời. Đại sự nhân duyên vừa nói đó chính là muốn cho chúng sanh: **khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật**, thẳng cho đến khi thành Phật mà thôi; há còn có gì khác nữa đâu!

Khốn nỗi chúng sanh căn tánh có lớn - nhỏ, mê có cạn - sâu, chẳng thể tỏ thấu trực tiếp bản hoài của Phật. Do đó, đức Phật mới thuận theo căn cơ đặt bày giáo pháp, đối bệnh phát thuốc, vì lẽ thật mà bày ra phương tiện quyền biến, khai Quyền hiển Thật¹⁸⁵; [chỉ một pháp] Nhất Thừa mà bèn nói ra các thuyết. Nếu có kẻ thiện căn thành thực thì sẽ làm cho họ sanh lên được bờ kia; còn đối với kẻ ác nghiệp sâu dày, sẽ khiến họ dần dần thoát khỏi trần lao, rửa lòng tiếp dẫn; khéo khuyến dụ dần dần. Dầu có dùng các ví dụ như trời, đất, mẹ cha... cũng chẳng diễn tả nổi chút phần [từ ân của Phật]. Hơn nữa, do hết thấy pháp môn đều nhờ vào tự lực. Dầu là kẻ túc căn thâm hậu triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu hai thứ Kiến Hoặc, Tư Hoặc vẫn còn sót chút ít chưa hết thì vẫn sanh tử trong luân hồi y như cũ không thoát được! Huống hồ là kẻ đã thọ thai âm, đối cảnh liền sanh chấp trước, từ giác đến giác thì ít, nhưng từ mê vào mê lại nhiều. Bậc thượng căn còn như vậy, đối với kẻ trung căn, hạ căn còn biết nói sao nữa! Đoạn Kiến Hoặc giống như cắt đứt dòng sông rộng bốn mươi dặm, huống hồ là Tư Hoặc! Liều sanh thoát tử há có dễ đâu!

Do vậy, [các pháp môn khác] chẳng thể độ trọn ba căn, thỏa trọn bản hoài của Phật; chỉ có một pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ, chuyên cậy vào hồng thệ nguyện lực của Phật Di Đà, chẳng cần biết đến thiện căn thành thực hay chẳng thành thực, ác nghiệp nặng hay nhẹ; cứ hễ chịu sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật thì lúc lâm chung sẽ quyết định được Phật Di Đà rửa lòng từ tiếp dẫn, vãng sanh Tịnh Độ. Người thiện căn thuần thực sẽ nhanh chóng viên thành Phật quả; dầu là kẻ ác nghiệp nặng nề cũng được dự vào dòng thánh. Đây chính là đạo cốt yếu để độ sanh của tam thế chư Phật, là pháp môn nhiệm đề thượng thánh lẫn hạ phàm cùng tu. Do vậy, các kinh Đại Thừa đều tuyên bày pháp trọng yếu này; lịch đại tổ sư không vị nào chẳng tuân hành. Ông tự phụ Thiên - Giáo, bảo rằng rằng hồng dương Tịnh Độ là báng chánh pháp luân, là đoạn diệt hạt giống Phật, đủ chứng tỏ ông đã bị ma dựa vào thân, mất trí điên rồ, nhận mê là giác, chỉ chánh bảo tà, là chủng tử địa ngục vậy!

Trong kiếp xưa, đức Thích Ca, đức Di Đà từng phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Một vị thị hiện sanh nơi uế độ, dùng cái uế, dùng điều khổ để chiết phục, đưa đi; một vị an cư Tịnh Độ, lấy tịnh, lấy lạc để nhiếp thọ hòng nài luyện chúng sanh. Ông chỉ biết ngu phu, ngu phụ vẫn có thể niệm Phật nên đến nỗi miệt thị Tịnh Độ, sao chẳng xét suy: Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngài Thiện Tài đã chứng ngộ gần bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, ngũ hầu viên mãn Phật quả. Lại còn khuyến dạy khắp Hoa Tạng hải chúng¹⁸⁶ đó ư? Trong toàn thể Hoa Tạng hải chúng, chẳng có một ai là phàm phu, Nhị Thừa, mà đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn

mười một địa vị cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể nương vào bốn nguyện luân hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng có vô lượng Tịnh Độ, nhưng các ngài đều hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới thì đủ biết: Vãng Sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì vậy, tự cố chí kim, trong tất cả từng lâm dù Thiên hay Giáo, hay Luật, không nơi nào chẳng sớm tối trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây phương. Ông đã tham bái khắp các từng lâm, ắt hẳn hằng ngày cũng tu tập, có sao lại sanh hủy báng đến thế! Sách Nho có nói: *“Tu tập mà chẳng xem xét, dùng hằng ngày mà không biết”*, há không phải là nói đến hạng người như ông hay sao? Hoa Nghiêm là vua của các kinh, vua trong Tam Tạng; chẳng tin Hoa Nghiêm thì là nhất-xiển-đề. Dẫn cho chẳng đọa vào A Tỳ ngay khi còn sống thì khi báo hết sẽ quyết định rớt vào Vô Gian. Tôi muốn thoát khổ nên cầu sanh Tịnh Độ, ông muốn được khổ nên hủy báng Hoa Nghiêm.

Ông cứ giữ cái chí của ông, tôi hành cái đạo của tôi. Tướng quân chẳng xuống ngựa, ai nấy tự ruổi theo đường mình. Đạo đã khác thì chẳng thể cùng bàn luận được! Ông đi đi, tôi chẳng muốn trò chuyện với ông nữa!

Ông ta đáp:

Đạo quý ở chỗ hoằng thông, hễ nghi thì cần phải đoạn nghi, sao thầy lại cự tuyệt đến thế? Tôi thường nghe *“Tỳ Lô Giá Na Như Lai ở khắp hết thủy chỗ, nơi đức Phật ở gọi là Thường Tịch Quang”*; chỉ cần chứng được Pháp Thân thì đương xứ (ngay nơi người ấy đang ở) chính là Tịch Quang Tịnh Độ. Sao lại phải dùng cái tâm sanh diệt *“bỏ Đông lấy Tây”* mới coi là được vậy?

Tôi đáp:

Ông nói sao dễ dàng quá! Tuy đương xứ chính là Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng nếu chẳng phải là Trí Đoạn¹⁸⁸ đã đạt đến rốt ráo, đã viên chứng pháp thân Tỳ Lô thì chẳng thể đích thân thọ dụng triệt để được nổi! Các địa vị như: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác, cả bốn mươi một địa vị trong Viên Giáo vẫn là Phần Chứng! Nếu ông đã chứng được trọn vẹn Tỳ Lô Pháp Thân thì nói *“đương xứ chính là Tịch Quang”* cũng chẳng hại gì; còn nếu chưa được như thế thì dẫu có nói đến thức ăn và tính đếm của cái, vẫn chẳng thể khỏi bị chết vì đói lạnh được!

Ông ta hỏi:

“Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà” là điều trong Tông môn thường nói chẳng lẽ là sai lầm hay sao?

Tôi nói:

Thuyết đó của nhà Thiên chuyên chỉ về lý tánh, chứ chẳng bàn đến sự tu. Vì sao vậy? Nhà Thiên muốn cho người ta trước hết biết đến cái lý *“chẳng dính mắc nhân quả, phàm - thánh, chúng sanh và Phật tu chứng”*. Sau đấy, mới y theo lý đó mà phát khởi tu nhân hòng chứng quả, siêu phàm nhập thánh. Đấy chính là mặt Sự: Chúng sanh chứng

thành Phật đạo. Sao ông lẫn lộn Sự và Lý, tri kiến điên đảo đến thế? Ông lại bảo bỏ Đông lấy Tây là sanh diệt, nhưng chẳng biết chấp Đông phé Tây lại là đoạn diệt. Hễ còn chưa chứng Diệu Giác thì có ai thoát khỏi lấy - bỏ? Ba A Tăng Kỳ kiếp luyện hạnh, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn Hoặc chứng Chân, có việc gì chẳng phải là chuyện lấy - bỏ đâu? Phải biết: Đức Như Lai muốn cho hết thấy chúng sanh mau chứng Pháp Thân và Tịch Quang, nên Phật mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương vậy!

Hỏi:

Sách Hoa Nghiêm Hợp Luận của Táo Bá Lý Trưởng Giả nhận định Tây phương Tịnh Độ chỉ [dành cho] hàng phàm phu còn có một phần chấp tướng, chưa tin nổi thật lý Pháp Không. Nếu chuyên ức niệm thì tâm sẽ được tịnh một phần, sẽ được sanh Tịnh Độ. Pháp đó là Quyền pháp chứ chẳng phải Thật pháp; cứ sao Hoa Tạng hải chúng lại cùng nguyện vãng sanh? Ngài Táo Bá chứng thánh quả ngay trong hiện đời, thần thông trí huệ chẳng thể nghĩ bàn; nhất quyết Ngài phải là Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm thị hiện nên lời Ngài nói nhất định chẳng sai lầm!

Đáp:

Tuy ngài Táo Bá là Bồ Tát thị hiện, nhưng khi ấy kinh Hoa Nghiêm chưa được truyền đến [Trung Hoa] trọn vẹn, Ngài chẳng dự đoán được nên mới lập thuyết như vậy. Xét ra, ngài Táo Bá tạo luận vào niên hiệu Khai Nguyên đời vua Đường Huyền Tông. Sau khi viết xong luận, Ngài liền nhập diệt; phải hơn năm mươi năm sau, mãi đến năm Trinh Nguyên thứ mười một (795) đời vua Đức Tông, vua nước Ô Trà ở Nam Thiên Trúc mới dâng bộ Hoa Nghiêm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm gồm bốn mươi cuốn bằng Phạn văn. Đến năm Trinh Nguyên thứ mười bốn (798), kinh mới dịch xong để lưu thông. Ba mươi chín quyển trước tương ứng với phẩm Nhập Pháp Giới [của bản] Hoa Nghiêm tám mươi cuốn, nhưng văn nghĩa [trong bản Hoa Nghiêm bốn mươi quyển] có phần tương tợ hơn. Trong cuốn thứ tám mươi, ngài Thiện Tài nương vào sức oai thần lực của ngài Phổ Hiền, sở chứng đã ngang với ngài Phổ Hiền, ngang bằng chư Phật, nên ngài Phổ Hiền bèn đọc cho nghe bài kệ khen ngợi công đức thắng diệu của Như Lai. Do kinh văn đến đây chưa hết nên [pháp hội] chưa kết thúc mà kinh [Bát Thập Hoa Nghiêm] đã hết. Kịp đến khi phẩm Hạnh Nguyện truyền đến, trong cuốn thứ bốn mươi, ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng khiến cho họ hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới; nói xong, Như Lai khen ngợi, đại chúng phụng hành. [Đến đây], kinh văn mới hoàn bị. Vì lẽ đó, cổ đức mới đem quyển này đặt nối theo sau tám mươi quyển kia để lưu thông, muốn cho kẻ hậu học đều được thọ trì toàn bộ bản kinh vậy. **Cổ đức nói: “Một pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ chỉ Phật với Phật mới biết trọn vẹn, bậc Đăng Địa Bồ Tát¹⁷ còn chẳng**

¹⁷ . Đăng Địa Bồ Tát: tức Địa Thượng Bồ Tát, hay nói cách khác, những vị đã chứng từ Sơ Địa cho đến Thập Địa.

biết nổi ít phần”, chính là ý này. Pháp Tịnh Độ tóm trọn hết thầy bậc thượng căn lợi khí chẳng còn sót vậy.

Kinh Đại Tập dạy: *‘Đời mạt pháp ức ức kẻ tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp Niệm Phật thì mới thoát khỏi sanh tử’*; như vậy, pháp Tịnh Độ cũng thâm nhiếp hết thầy thiên nhân, lục đạo cụ phước phạm phu¹⁸ chẳng còn sót gì! Ông tin ngài Táo Bá mà chẳng tin phẩm Hạnh Nguyễn và kinh Đại Tập, tức là tuân theo cáo thị quyền nghi một thờ của quan huyện, trái nghịch sắc chỉ của hoàng đế muôn đời chẳng đổi. Sao mà chẳng biết tôn, ty, khinh, trọng, đến như thế ấy!

Hỏi: Các sư Thiên tông đa số chê bỏ Tịnh Độ, đó là vì lẽ gì?

Đáp: Các sư Thiên tông chỉ truyền Phật tâm nên tất cả ngôn thuyết đều quy về hướng thượng. Ông đã tham Thiên nhiều năm mà còn chẳng biết lẽ này thì sự hiểu biết của ông đều là ác tri kiến phá hoại Thiên tông vậy.

Hỏi: Tôi còn đang là phạm phu sát đất, dám đâu lung lẳng! Đấy thật là lời lẽ của chư Tổ, quyết có thể lấy làm bằng chứng. Lục Tổ nói: *“Người Đông phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây phương. Người Tây phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh cõi nào?”* Ngài Triệu Châu nói: *“Một chữ Phật tôi chẳng thích nghe”*. Lại nói: *“Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày”*. Phần nhiều các sư Thiên tông có những câu nói như thế ấy thì thầy lại nói như thế nào đây?

Đáp:

- Lục Tổ trực chỉ hướng thượng để cho người ta biết giữ lấy tự tâm, còn ông lại chẻ văn giải nghĩa, biện luận pháp môn tu trì; đấy là như câu nói *“tướng miếng xương lừa có hình yên ngựa là cái cầm của cha”*¹⁹, làm lẫn quá thể! Ông phải biết là người ở Tây phương đã hết sạch Kiến Hoặc và Tư Hoặc, tiến lên phá được Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc. Họ chỉ có tấn tu, tuyệt đối chẳng có chuyện tạo tội. Tổ nói *“kẻ ấy cầu sanh cõi nào?”* là nếu trong lúc ấy mà chưa đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc thì nương nhờ Phật từ lực, kẻ đói nghiệp vãng sanh sẽ được sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ. Một phen đã sanh trong cõi kia rồi thì hai hoặc Kiến và Tư sẽ triệt để tiêu diệt, giống như quăng miếng tuyết vào lò lửa lớn, tuyết chưa rơi đến nơi đã biến mất. Thân cận người đức hạnh thì ý niệm hèn tẻ sẽ tiêu hết. Nếu như Kiến Hoặc, Tư Hoặc đã hết sạch thì sẽ sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ; phá được một phần vô minh thì sanh vào Thật Báo Vô Chướng Ngại Tịnh Độ. Vô minh hết sạch, phước huệ viên mãn thì sẽ sanh vào Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tại cõi này hiện chứng như thế thì tại cõi kia tấn tu cũng sẽ như thế.

¹⁸ . Lục đạo cụ phước phạm phu: Phạm phu trong sáu nẻo có đầy đủ các món phiền não, chưa đoạn được một món nào.

¹⁹ . Đây là một điển tích xuất phát từ sách Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển 11. Nguyên văn: *“Nhận lư yên kiêu tác a da hạ hàm”*. “Yên kiêu” tức là cái yên ngựa, do hình trạng của nó giống như cái cầu nên gọi như thế. “Lư yên kiêu” có nghĩa là cái xương lừa có hình dạng giống như cái yên ngựa, chứ không phải thật sự là yên ngựa. Trong truyện cổ dân gian Trung Quốc có chuyện đứa trẻ ngu si tưởng lầm cái xương lừa hình yên ngựa là xương hàm của cha. Thiên lâm hay dùng hình ảnh này để ví cho kẻ ngu muội, chẳng phân biệt được thật - giả.

Sao ông quá lo họ không có chốn để sanh về, để rồi tự chướng mình, chướng người, chẳng chịu cầu sanh? Nghe nói [người khác] ăn bị mắc nghẹn bèn bỏ cả ăn đến nổi chết mất thì đúng là kẻ si trong thiên hạ không ai bằng ông! Ông chỉ biết một câu của ngài Triệu Châu: *“Một chữ Phật, ta chẳng thích nghe”* sao chẳng lấy luôn câu kế tiếp. Ông Tăng hỏi: *“Hòa thượng có vì người hay không?”* Triệu Châu nói: *“Phật, Phật!”* Ông chỉ muốn căn cứ vào câu *‘Niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày’* mà chẳng dựa theo câu: *“Hòa thượng được đại vương cúng dường như thế, sẽ dùng gì để báo đáp?”* Triệu Châu nói: *“Niệm Phật”*. Sao lại chẳng y theo câu: *“Tăng hỏi: ‘Mười phương chư Phật còn có thầy hay chẳng?’* Triệu Châu nói: *‘Có’*. *Hỏi: ‘Thầy của chư Phật là gì?’* Triệu Châu đáp: *‘A Di Đà Phật, A Di Đà Phật’*. Ông bảo phần nhiều các sư Thiên tông nói như thế, nhưng chẳng biết lời đáp tương ứng căn cơ của nhà Thiên được gọi là *“cơ phong”*, gọi là *“chuyển ngữ”*. Hỏi ở nơi đáp, đáp ở nơi hỏi. Ông chẳng biết phản chiếu hồi quang, tham cứu nơi chính mình, chỉ một bề nhai bã hèm, chạy theo hòn đất, bao giờ mới liễu thoát được! Tôi xuất gia hơn ba mươi năm, luôn nghe chư Tăng cùng nhắc những câu *“Niệm Phật súc miệng ba ngày, Phật hiệu chẳng thích nghe”*, còn câu *“lấy Phật, Phật để độ người”*, *“dùng niệm Phật báo ân”*, *“A Di Đà Phật là thầy mười phương chư Phật”* tuyệt chưa từng nghe có ai nhắc đến một lần.

Ôi! Những câu trên đều cùng từ một miệng thốt ra, nếu đã cho những câu trước là thật và đáng tin thì những câu sau cũng phải là thật và đáng tin, có sao chỉ chấp nhận lời tồn, còn lời ích lại chống báng! Một thuận, một chống, tự mâu thuẫn nhau. Phạm lời nói của ngài Triệu Châu đều quy về bốn phạm; những câu *“Phật chẳng thích nghe”* và *“Niệm Phật báo ân”* đều là chuyển ngữ. Nếu có thể ngay từ những câu đó biết được tự tâm thì mới biết đạo của ngài Triệu Châu vượt khỏi thường tình, ý nghĩa vượt ngoài ngôn ngữ, ắt sẽ cảm cúi niệm Phật suốt cả ngày mà vẫn còn thấy là chưa đủ vậy! Nếu như đã không được đích thân gặp ngài Triệu Châu, sao chẳng lấy việc Niệm Phật để tu trì, há có nên chấp lấy câu bác Phật làm căn cứ! Hễ niệm Phật thì ngay trong đời này sẽ thoát khỏi luân hồi, trong tương lai quyết định thành Phật đạo. Còn nếu nương theo lời bác Phật thì là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng; hiện đời tội nghiệp chất như núi, phước huê băng tiêu, khi mạng chung vĩnh viễn đọa trong A Tỳ chịu khổ nhiều kiếp. Lẽ lợi - hại, được - mất thật là một trời, một vực!

Nói chung, người đời nay toàn là hạng phước mỏng, huê cạn, nghiệp nặng, chướng sâu; đối với điều được lợi ích thì khùng khỉnh nghe; đối với điều khiến mình bị tổn hại lại toàn thân rạp lạy (*“được lợi ích, bị tổn hại”* là đối với những kẻ chưa ngộ, hiểu làm mà nói, chứ không phải pháp của cổ đức nói có tồn hay ích). Lời chư sư đáp theo căn cơ thầy đều như thế, chẳng phiền phải giải thích cặn kẽ. Ông bảo lời chân thành của Tổ quyết có thể dùng làm bằng chứng thì sao chẳng tuân theo lời ngài Bách Trượng¹⁹⁷: *“Tu hành thì niệm Phật là ổn đáng!”* Sao ông cũng lại chẳng tuân những quy củ ngài Bách

Trượng đã lập: cầu đảo cho vị Tăng mắc bệnh, tống táng, thiêu hóa vị Tăng đã mất, [những quy củ ấy] chẳng phải đều là hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ đó ư? Có nên bảo là: Ngài Bách Trượng chỉ muốn cho kẻ chết được vãng sanh, chứ chẳng muốn kẻ sống cầu sanh hay sao! Sao ông lại chẳng thuận theo tổ thứ mười bốn ở trời Tây là ngài Long Thọ Bồ Tát: Như Lai huyền ký Bồ Tát sẽ vãng sanh, khôi phục kinh Hoa Nghiêm từ long cung. Ngài tạo nhiều bộ luận để riêng khen ngợi Tây phương như luận Tỳ Bà Sa²⁰ khen ngợi Tịnh Độ là đạo “*dễ tu chóng đạt*” đó ư! Sao ông lại chẳng tuân theo tổ thứ mười hai là Mã Minh Bồ Tát: Trong phần cuối của luận Khởi Tín, Ngài có dạy phương tiện tối thắng khiến người niệm Phật cầu sanh Tây phương thường hầu Di Đà, trọn chẳng thoái chuyển? Sao ông lại chẳng làm theo Nhị Tổ A Nan, Sơ Tổ Ca Diếp kết tập Tam Tạng và các kinh Tịnh Độ? Nếu Tịnh Độ chẳng đáng là pháp, có hại cho đời thì các Ngài há chẳng phân biệt tốt - xấu vẫn giữ lại tạo thành nguồn tội cho hậu thế hay sao? Thêm nữa, các kinh Đại Thừa đều khen ngợi Tịnh Độ, chỉ có kinh Tiểu Thừa là không có lấy một chữ nhắc đến. Há nên bảo các kinh Đại Thừa chẳng đáng là pháp sao?

Hơn nữa, lúc đức Phật nói kinh Di Đà, sáu phương hằng hà sa số chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài khuyên tin kinh này; có nên nói là sáu phương chư Phật cũng khiến cho người ta mắc tội hay sao? Nếu như ông bảo chẳng thể không tin các vị Lục Tổ, Triệu Châu... thì các ngài Long Thọ, Mã Minh, A Nan, Ca Diếp, Thích Ca, Di Đà, sáu phương chư Phật, các kinh Đại Thừa lại càng chẳng thể không tin! Nếu bảo chư Phật, chư Tổ, các kinh đều chẳng đáng tin thì sao lại tin lời Lục Tổ, Triệu Châu...? Thấy gần mà chẳng thấy xa, biết nhỏ chẳng biết lớn, giống như kẻ nhà quê chỉ nể thế lực ông huyện, chẳng biết oai đức của hoàng đế; trẻ nhỏ thấy tiền đồng bèn chộp lấy, gặp ma-ni bảo châu chẳng đoái hoài. Ông có biết bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chỉ bày lẽ có - không, lợi - hại, được - mất của Thiên và Tịnh hay chẳng? Ngài Vĩnh Minh là hóa thân của Phật Di Đà, há lẽ nào Ngài đành để người khác mắc tội báng chánh pháp luân, khiến cho chúng sanh nghi lầm, đoạn diệt Phật chủng hay sao?

Ông ta đáp:

- Bài Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh quá chi ly, chẳng đáng để làm khuôn phép, vì sao vậy? Ông ấy nói: “*Có Thiên, có Tịnh Độ, ví như cọt mọc sừng, hiện đời làm thầy*”

²⁰ . Luận Tỳ Bà Sa nói ở đây là bộ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận do ngài Long Thọ Bồ Tát soạn. Trong quyển năm của luận này, có câu: “*Phật pháp có vô lượng môn, như đường đi trên thế gian có khó, có dễ. Đi theo đường bộ thì khó nhọc, đi đường thủy ngồi thuyền thì sung sướng. Bồ Tát đạo cũng giống như thế, có đạo thì khó hành tinh tấn, có đạo chỉ dùng lòng tin làm phương tiện, dễ đi, mau đạt đến địa vị Bất Thoái*”. Tỳ Bà Sa (Vibhasa) có nghĩa là Quảng Giải (giảng giải rộng lớn), Quảng Thuyết (nói rộng), Thắng Thuyết, Chung Chung Thuyết, tức là những trước tác nhằm chú giải luật hay luận. Ngoài ra, còn một thể loại nhằm giải thích chi tiết kinh luận được gọi Tỳ Bà Sa Luận (Vibhasa-sastra). Hiện trong Đại Tạng có bốn bộ Tỳ Bà Sa Luận: A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận, Tỳ Bà Sa Luận, Ngũ Sự Tỳ Bà Sa Luận và Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận (Dasabhumika-vibhasa-sastra). Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận gồm 17 quyển, do ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán, thường gọi tắt là Thập Trụ Luận. Bộ luận này nhằm giải thích phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm (tức biệt bản của kinh Hoa Nghiêm với danh xưng Thập Địa Kinh). Ngài La Thập dịch chữ Thập Địa thành Thập Trụ nên luận này có tên như vậy. Thiên thứ 9 trong phẩm thứ 35 của luận này chính là Di Hành Phẩm, là một điển tịch trọng yếu của Tịnh Tông.

người, đời sau làm Phật, Tổ”. Nếu đúng như lời ông ta nói thì phần đông các Thiên giả hiện tại đều khán câu “*Người Niệm Phật Là Ai?*” Lại có vị trụ trong Niệm Phật Đường niệm Phật bao năm, họ có đều hiện đời là thầy của người ta, kiếp sau liền thành Phật, Tổ hay chăng? Lại nói: “*Không Thiên có Tịnh Độ, muôn người tu muôn người đỗ, nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?*” Nay kẻ ngu phu, ngu phụ chuyên niệm danh hiệu Phật đâu đâu cũng có; chưa thấy mấy kẻ khi lâm chung hiện các tướng lành, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Bởi vậy, tôi biết Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chẳng đáng coi là khuôn phép!

Tôi nói:

- Sao ông hấp tấp nuốt trọn quả táo, chẳng nếm mùi vị của nó như thế. Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại Tạng, là khuôn phép tu trì. Trước hết phải nhận thức đích xác thế nào là Thiên, thế nào là Tịnh? Thế nào là Hữu, thế nào là Vô? Rồi mới phân tích theo lời văn thì sẽ biết mỗi một chữ đều như trời tạo, đất dựng, không chữ nào chẳng xác đáng, không chữ nào có thể thay đổi được! Trong vòng mấy mươi năm lại đây, tôi thấy lời lẽ các sư giảng Thiên đều giống hệt lời của ông, chẳng khác chút nào! Kiến thức như thế thì đúng là Thiên cùng Tịnh Độ mỗi ngày một suy tàn.

Hỏi: Sao gọi là Thiên, Tịnh cùng với Hữu, Vô, cúi xin dạy rõ cho!

Đáp:

- Thiên chính là Chân Như Phật tánh vốn sẵn có của chúng ta. Trong nhà Thiên gọi đó là “*bản lai diện mục trước lúc cha mẹ chưa sanh ra*”; nhưng nhà Thiên chẳng nói toạc ra, chính là để người khác tham cứu tự chứng ngộ nên mới nói như vậy. Đó chính là tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa tịch, vừa chiếu, linh tri ly niệm vậy (Linh tri ly niệm nghĩa là trọn chẳng có ý niệm nhưng luôn nhận thức rõ ràng cảnh vật hiện tiền).

Tịnh Độ là tín nguyện, trì danh, cầu sanh Tây phương, chứ chẳng phải chỉ nói đến “*Duy Tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà*”.

“*Có Thiên*” là tận sức tham cứu đến cùng cực, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt cái “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”, minh tâm kiến tánh.

“*Có Tịnh Độ*” là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương. Thiên và Tịnh Độ chỉ là ước theo giáo, ước theo lý. “*Có Thiên*” và “*có Tịnh Độ*” là ước theo căn cơ, ước về tu. Về giáo lý thời hằng nhiên như thế; Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Xét về căn cơ, tu hành thì phải nương vào giáo để khởi hạnh; hành cho đến khi chứng ngộ tột cùng lý, sao cho thật có mới thôi! Điều thứ hai là xét về văn từ tuy tương tự nhưng thật ra rất khác nhau, phải suy xét kỹ càng, chớ có lẫn lộn! Nếu như tham Thiên nhưng chưa ngộ hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là Có Thiên. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín, nguyện; hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thành, thiết tha, lơ là, hờ hững, làm cho lầy có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mền luyến trần cảnh, hoặc cầu đời sau

sinh trong nhà phú quý để hưởng vui ngũ dục, hoặc cầu sinh lên trời để hưởng phước lạc cõi trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoằng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng được gọi là Có Tịnh Độ.

Hỏi: Xuất gia làm Tăng hoằng pháp lợi sanh lại có lỗi chi mà cũng bị loại trừ?

Đáp:

- Nếu đã đoạn Kiến Tư Hoặc, đã liễu sanh tử, nương theo đại nguyện luân, thì hiện sanh trong đời trước, thượng hoằng hạ hóa, độ thoát chúng sanh thì được. Nếu như tuy có trí nguyện nhưng chưa đoạn được Kiến, Tư Hoặc, dẫu cho lúc ban đầu thọ sanh chẳng mê, cũng khó giữ [không mê] trọn đời, nhiều đời. Tuy có thể hoằng pháp nhưng chưa chứng Vô Sanh, tình chủng vẫn còn nên khi gặp cảnh đối duyên khó tránh khỏi bị mê hoặc. Nếu đã mê theo cảnh mà còn có thể mau giác ngộ thì trong cả vạn người chẳng có được một, hai; từ mê vào mê, chẳng thể tự dứt, bao kiếp trầm luân, thật là vô số! Vì nghĩa ấy, đức Như Lai mới dạy người vãng sanh Tịnh Độ, gặp Phật, nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhân. Sau đó, nương theo Phật từ lực và tâm nguyện của chính mình, trở vào Sa Bà độ thoát chúng sanh thì chỉ có tiền chẳng thoái, có được không mất vậy. Chưa đoạn Kiến Tư Hoặc mà trụ trong cõi này hoằng pháp thì các tông khác không tông nào chẳng như vậy, chứ Tịnh Tông dứt khoát chẳng chấp thuận. Đời lắm kẻ cho rằng “*tham Thiền là Có Thiền, niệm Phật là có Tịnh Độ*”; như vậy thì chẳng những đã không hiểu Thiền, Tịnh, lại còn chẳng hiểu văn nghĩa, cô phụ tấm lòng đại từ bi của ngài Vĩnh Minh Cổ Phật, cắt đứt con đường tắt thoát khổ cho hành nhân đời sau. Tự mình làm, làm người làm, gây hại nào có cùng cực? Đây chính là nhận lầm vạch khắc ở đôn cân, sai suyển hào ly, xa cách như trời với đất!

Ông ta nói:

- Tôi đã tạm hiểu ý nghĩa của Thiền, Tịnh và có - không; xin thầy giảng giải rành mạch lời văn sâu nhiệm của cả bốn bài kệ cho!

Tôi nói:

- *Có Thiền, có Tịnh Độ.*

Như cọp mọc thêm sừng.

Hiện tại làm thầy người,

Đời sau làm Phật, Tổ

Nghĩa là: Người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, hiểu trọn vẹn các pháp môn Quyền, Thật của đức Như Lai; nhưng trong các pháp lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để làm chánh hạnh chung nhằm tự lợi, lợi người. Bậc thượng phẩm thượng sanh đặng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa như đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này vậy. Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài; tà ma, ngoại đạo nghe tên vỡ mật. Người ấy như cọp đeo thêm sừng oai mãnh không chi sánh bằng. Đối với kẻ đến học sẽ thuyết pháp tùy theo căn cơ: Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp dẫn thì sẽ dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ; chỉ nên

dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp dẫn thì sẽ dùng chuyên tu Tịnh Độ tiếp độ. Bất luận thượng, trung, hạ căn, không ai là chẳng được đội ơn, há chẳng phải là bậc đạo sư của trời, người hay sao? Đến lúc lâm chung, người ấy được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm; trong khoảng khảy ngón tay hoa nở gặp Phật, chứng Vô Sanh Nhân; thấp nhất thì cũng chứng bậc Sơ Trụ trong Viên giáo; cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến bậc Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống hồ là các địa vị kế tiếp đó lại càng lần lượt thù thắng hơn; nhất là địa vị Đẳng Giác thứ bốn mươi mốt! Vì vậy Tổ mới nói: “*Đời sau làm Phật Tổ*”.

Không Thiên, có Tịnh Độ.

Vạn người tu, vạn đở.

Nếu gặp Phật Di Đà,

Lo gì chẳng khai ngộ

Nghĩa là: Hành nhân tuy chưa minh tâm, kiến tánh, nhưng đã quyết chí cầu sanh Tây phương. Do vì trong kiếp xưa, đức Phật đã phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu chúng sanh thật sự có thể [nhớ Phật] như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì sẽ cảm ứng đạo giao, liền được đức Phật nhiếp thọ. Vì ra sức tu Định, Huệ nên được vãng sanh. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung bị các sự khổ bức bách, bèn sanh lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi mất ngay trong lúc đó, họ đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Đây há chẳng phải là “*vạn người tu, vạn đở*” hay sao? Những kẻ đó tuy niệm Phật chẳng lâu nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên có thể đạt được lợi ích lớn lao ấy, chẳng nên so với kẻ tu hành lơ là hờ hững mà bàn luận niệm nhiều hay ít. Đã sanh về Tây phương thì tuy gặp Phật, nghe pháp có nhanh - chậm chẳng đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, trọn chẳng thoái chuyển. Tùy theo căn tánh sâu, cạn, hoặc tiêm hay đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả thì cần gì bàn đến khai ngộ nữa. Ấy chính là: “*Nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*” vậy.

Có Thiên không Tịnh Độ,

Mười tu, chín lần chần,

Ám cảnh nếu hiện tiền,

Chớp mắt đi theo nó.

Nghĩa là: Hành nhân tuy triệt ngộ Thiên tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tu phiền não chẳng dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều duyên trui luyện để trừ sạch hết chẳng sót, mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử²¹. Người chưa đoạn một mảy nào thì chẳng cần bàn đến!

²¹ . Phần đoạn sanh tử là sự sanh tử của chúng sanh trong tam giới. Do quả báo sai khác nên có hình mạo, thọ lượng sai khác. Vì vậy gọi là phần đoạn (đoạn diệt theo phần hạn). Theo Duy Thức Học, phần đoạn sanh tử lấy nghiệp thiện ác làm thân nhân (cái nhân gần), lấy phiền não chướng làm trợ duyên để cảm quả trong tam giới. Do tuổi thọ có dài ngắn khác nhau, do sức nhân duyên nên có hạn định khác biệt; do vậy gọi là Phần Đoạn. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại chia phần đoạn sanh tử thành ác đạo phần đoạn (quả báo trong tam đồ) và thiện đạo phần đoạn (quả báo trong đường trời người).

Dầu chỉ còn một mảy chưa đoạn sạch hết thì lục đạo luân hồi vẫn y như cũ khó thoát. Biền sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi; còn chưa về được đến nhà thì đã mạng chung! Người đại ngộ mười người hết chín đều như vậy. Cho nên mới nói: “*Mười người, chín lần chần*”. Lần chần (ta đà) người đời thường nói là “*chần chờ*”.

“*Ám cảnh*” là cảnh của Trung Âm thân; tức là những cảnh được hiển hiện trong khi lâm chung bởi nghiệp lực thiện - ác trong đời này và bao kiếp. Một khi những cảnh ấy hiện ra, trong chớp mắt sẽ liền theo nghiệp lực thiện - ác nào mạnh mẽ nhất, để đi thọ sanh trong đường thiện hay ác; chẳng thể làm chủ tình thế một mảy may nào! Giống như người mắc nợ, chủ nào mạnh sẽ kéo đi trước. Tâm tình lắm mối đa đoan, coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào đấy. Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, đều là do lẽ trên vậy! Bởi thế mới nói: “*Ám cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó*”. Chữ Âm: âm và nghĩa đồng với chữ Âm, nghĩa là che đậy; tức là: do nghiệp lực này che lấp nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Miết (瞽), âm giống chữ Phiết (撇), nghĩa là nháy mắt, chớp mắt. Có người hiểu chữ Ta (蹉) nghĩa là “*lầm lẫn*”, Âm Cảnh là Ngũ Âm Ma Cảnh, chung quy vì chẳng hiểu chữ Thiện và chữ Có nên mới nói hồ đồ như vậy. Lẽ nào những bậc đại triệt đại ngộ mười người tu chín người lạc đường đi theo Ngũ Âm Ma nên bị ma dựa phát cuồng? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng đều là kẻ chẳng biết giáo lý, chẳng minh tự tâm, là giống tăng thượng mạn, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết hay - dở, lại đem gán cho bậc đại triệt đại ngộ! Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện luận rõ!

Không Thiên không Tịnh Độ.

Giường sắt và cột đồng.

Vạn kiếp cùng ngàn đời.

Không một ai nương dựa.

Có kẻ bảo “*không Thiên, không Tịnh*” tức là vùi đầu tạo nghiệp ác, chẳng tu pháp lành. Lầm to, lầm to! Dù pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiên và Tịnh là thích hợp cho các căn cơ hơn hết. Hành nhân chưa được triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh, lơ là, hời hợt tu các pháp môn khác, Định - Huệ đã chẳng thể quân bình để đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng nương vào Phật từ lực để đối nghiệp vãng sanh; đem công đức trọn đời tu trì để cảm lấy phước báo đời sau sanh trong trời, người. Đời này đã không chánh trí thì đời sau ắt bị phước chuyển mê đắm trong ngũ dục, tạo đủ các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp sẽ khó thoát ác báo. Khi một hơi thở chẳng hít vào được nữa thì liền đọa địa ngục, rành rành sẽ ở trong bao kiếp dài lâu nằm lăn nơi giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả lòng tham thanh sắc, giết hại sanh mạng v.v... các thứ ác nghiệp. Tuy chư Phật, Bồ Tát rủ lòng xót thương, nhưng do ác nghiệp ngăn chướng, người ấy vẫn chẳng thể được hưởng lợi ích. Người xưa nói: “*Người tu hành nếu chẳng chánh tín, cầu sanh Tây phương, tu*

hành đủ các việc thiện khác thì gọi là kẻ oán đời thứ ba”, chính là nói đến ý này. Ấy là vì đời nay tu hành, đời sau hưởng phước; vì ý phước làm ác nên liền bị đọa lạc. Đạt được cái vui giả tạm trong đời kế mà muôn kiếp phải vĩnh viễn chịu khổ. Ví dù nghiệp địa ngục tiêu thì lại chuyển sanh làm ngựa quý, súc sanh; muốn lại được thân người thì thật là điều khó nhất trong những điều khó. Vì vậy, Phật lấy tay bốc đất rồi hỏi A Nan rằng: “*Đất trong tay ta là nhiều, hay đất trong đại địa là nhiều?*” A Nan bạch Phật: “*Đất trong đại địa nhiều*”. Phật nói: “*Được thân người như đất trong tay, mất thân người như đất trong đại địa*”. [Xét theo lời Phật] thì “*muôn kiếp, ngàn đời, không một người nương dựa*” vẫn là lời luận rất nông cạn vì câu ấy còn hạn cuộc vào âm vận của bài kệ.

Ôi! Hết thầy pháp môn chuyên cấy vào tự lực; pháp môn Tịnh Độ chuyên nhờ Phật lực. Trong hết thầy pháp môn, phải trừ sạch Hoặc nghiệp mới liễu sanh tử; còn trong pháp môn Tịnh Độ: do đởi nghiệp vãng sanh liền dự dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ đời chẳng hiểu biết nên mới đặc biệt phân định để chỉ bày cho tương lai. Liệu Giản đáng gọi là chiếc bè báu nơi bến mê, là đạo sư (người dẫn đường) nơi đường hiểm. Đáng tiếc người trong cõi đời hờ hững đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu kỹ. Có phải là do chúng sanh ác nghiệp đồng phạm nên xui khiến thế chẳng?

Ông ấy nói:

- Tôi xưa tội gì mà sớm mê mất chân thuyền²², xưa có phước gì nay được nghe lời xuất yếu? Xin được ghé dự vào hàng đồ chúng, cầm nắm bình, khăn.

Tôi bảo:

- Tôi nào có đức gì mà dám nhận lời ấy. Những lời tôi nói đều là tuân theo ý chư Phật, chư Tổ. Nếu ông có thể ngưỡng tín Phật, Tổ, hoằng dương Tịnh Độ thì không đức gì chẳng báo được, không tội gì chẳng diệt được. Xưa ngài Thiên Thân Bồ Tát lúc ban đầu báng Đại Thừa, sau hoằng dương Đại Thừa để chuộc lỗi. Nếu ông có thể noi theo dấu chân thom của Ngài thì tôi nguyện xả thân cúng dường.

Thượng tọa bèn lễ Phật, phát nguyện rằng:

- Con tên là... từ nay trở đi chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cầu khi lâm chung vãng sanh thượng phẩm, gặp Phật, nghe pháp, đốn chứng Vô Sanh. Sau đấy, chẳng rời An Dưỡng, vào khắp mười phương, dùng các thứ phương tiện: nghịch, thuận, ẩn, hiển để hoằng thông pháp này, độ thoát chúng sanh đến tột cùng vị lai chẳng hề gián đoạn. Hư không có tận, nguyện của con vô cùng. Nguyện Phật Thích Ca, Phật Di Đà, Thường Trụ Tam Bảo thương xót tâm lòng ngu thành của con, cùng rủ lòng nhiếp thọ.

Tôi bảo:

- Về Sự, Tịnh Độ là đại nhân duyên; về Lý, Tịnh Độ là bí mật tạng. Ông có thể tin nhận phụng hành được thì chính là lấy sự trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm.

²² . Chân thuyền: lời giảng về lẽ thật, về chân lý.

Thượng Tọa vâng dạ lui ra. Nhân đây chép lại cuộc vấn đáp này để khuyên bảo người chưa biết đến pháp này.

IV - HỎI ĐÁP TỊNH ĐỘ - CHU AN SĨ

(Trích Trong Sách An Sĩ Toàn Thư)

Câu hỏi 1: Chư Phật Bồ-tát, lấy đại bi làm gốc. Nếu muốn cứu độ chúng sanh, thì phải nguyện sanh vào ba cõi, tam đồ ác đạo, ngũ trược ác thế, sao lại cầu sanh Tịnh độ, chỉ vì tự lợi, bỏ mặc chúng sanh, há chẳng phải thiếu đại từ bi, chướng ngại đạo Bồ-tát sao?

Trả lời: Bồ-tát có hai loại:

1. Bồ-tát tu hành lâu, đã từng thân cận chư Phật, chứng đắc vô sanh pháp nhẫn.
2. Bồ-tát mới phát tâm, chưa từng thân cận chư Phật, chưa được vô sanh pháp nhẫn.

Bồ-tát tu hành lâu có thần thông lớn, có oai lực lớn, nên có thể ra vào sanh tử, từ trời người quỷ thần súc sanh, quảng độ chúng sanh. Nếu người mới tu hành, sức còn yếu, tuy phát tâm Bồ đề, nhưng còn ở trong địa vị phàm phu, mình còn chưa cứu được mình, làm sao cứu được người khác? Cho nên “Đại Trí Độ Luận” nói: Phàm phu đang bị trôi buột mà nguyện sanh vào đời ác trược để cứu độ chúng sanh, là chuyện không thể có. Vì sao? Vì trong cõi ngũ trược, danh lợi sắc thanh luôn quấy rầy; phiền não oan gia luôn vây kín. Một bước sai, là sa đường dữ. Cho dù có sanh được làm người, khó gặp Phật xuất thế; dù gặp Phật xuất thế, cũng khó sanh khởi niềm tin. Nếu may mắn có niềm tin Phật, xuất gia tu hành, đời sau được giàu sang phú quý, khó tránh khỏi đấm trước duyên trần, rộng tạo ác nghiệp. Từ đó một khi mất thân người, đến lúc nào mới được giải thoát? Cho nên người có trí tuệ, muốn độ sanh, trước cầu thấy Phật, nếu được nhất tâm bất loạn, được thân kim cang bất hoại, rồi có thể tùy nguyện độ sanh. Như cứu người chết đuối, phải biết bơi, mới cứu được người, không khéo chết chìm theo, thì oan uổng lắm. Không phải là thiếu từ bi, mà chính là khéo dùng từ bi ấy vậy.

Câu hỏi 2: Thế các pháp là không, xưa nay không sanh, bình đẳng tịch diệt, sao lại bỏ đây cầu kia, muốn sanh Tây Phương? Kinh nói: “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”. Muốn cầu về Tịnh độ, trước phải tịnh tâm. Sao lại không cầu tịnh tâm, mà cầu về Tịnh độ?

Trả lời: Người muốn sanh Tây Phương, gọi bỏ đây mà cầu kia; còn người không muốn sanh Tây Phương, há không phải bỏ kia mà cầu đây sao? Nếu nói đây kia đều không cầu, là chấp đoạn; nếu bảo đây kia đều không bỏ, là chấp thường. Kinh Duy Ma nói: “Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh đều không, nhưng vẫn thường tu Tịnh độ để giáo hoá chúng sanh”. Cho nên tuy vãng sanh rõ ràng, nhưng không chướng ngại lý vô sanh. Còn về thuyết “tâm tịnh Phật độ tịnh”, có lý có sự. Về lý, chẳng lẽ người cầu sanh Tịnh độ tâm không tịnh, ngược lại người không cầu sanh Tịnh độ tâm tịnh sao? Về sự, tâm tịnh ở cõi ngũ trược, sao bằng tâm tịnh ở cõi Cực Lạc? Huống chi người ở cõi ngũ trược cầu tịnh mà không tịnh, còn người ở Cực Lạc không cầu tịnh mà tự tịnh?

Câu hỏi 3: Các cõi Phật mười phương, công đức như nhau, sao không niệm hết tất cả công đức, sanh tất cả cõi Phật, mà chỉ cầu sanh một cõi Phật?

Trả lời: Tịnh độ chư Phật, cố nhiên là như nhau. Nhưng vì chúng sanh phần nhiều căn tánh chậm lụt, tán loạn. Nếu không chuyên tâm một chỗ, Tam-môi khó thành. Nên chuyên niệm Phật A-di-đà, tức là Nhất tướng Tammôi. Kinh Tuỳ Nguyện Vãng Sanh nói: “Bồ-tát Phổ Quảng hỏi Phật: Mười phương đều có Tịnh độ, vì sao Thế Tôn chỉ khen Tịnh độ của Phật A-di-đà ở phương Tây, khuyên nên sanh về nước ấy? Phật bảo Phổ Quảng: Chúng sanh của cõi Diêm-phù-đề, tâm phần nhiều tán loạn, vì thế chỉ khen cõi Phật ở phương Tây, khiến các chúng sanh, chuyên tâm một cảnh, dễ được vãng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân tất cả chư Phật, tức là thân một Phật. Thí như trăng sáng đầy, chiếu tất cả dòng nước”. Nên biết niệm danh hiệu của một đức Phật, tức là niệm tất cả Phật. Sanh về một Tịnh độ, không khác sanh tất cả Tịnh độ.

Câu hỏi 4: Cõi Phật mười phương, vô lượng vô biên, niệm một Phật nào đó, đều được vãng sanh, vì sao chỉ niệm Phật A-di-đà?

Trả lời: Có ba nhân duyên: 1. Phật A-di-đà, có duyên với thế giới Ta-bà. Vô lượng kiếp về trước, phát 48 đại thệ nguyện, đều muốn tiếp dẫn những chúng sanh niệm Phật. Nay nhân loại ở thế giới Ta-bà, miệng tin niệm Phật, ắt xưng niệm A-di-đà. Chúng sanh tương lai phước mỏng, khi pháp sắp diệt, các kinh đều mất hết, chỉ có kinh A-di-đà lưu lại thế gian 100 năm, chẳng phải là một bằng chứng sao? 2. Do Phật Thích-ca Mâu-ni chỉ thị. Tam tạng 12 bộ kinh, quá rộng lớn, chỉ có pháp môn trì danh, niệm Phật A-di-đà, không niệm Phật nào khác. Nếu chẳng phải rất ưu thiết yếu, sao Phật căn dặn nhiều lần? 3. Vì mười phương đều chứng minh. Bởi pháp môn Tịnh độ, là pháp khó tin, nên Thế

tôn mỗi khi nói đến Phật A-di-đà, là có mười phương chư Phật cùng chứng minh, để người nghe không thể không tin. Vậy thì người tu Tịnh độ, làm sao có thể không chuyên niệm Phật A-di-đà?

Câu hỏi 5: Phàm phu, phước mỏng nghiệp dày, làm sao niệm Phật mà được vãng sanh, trong khi Tây phương siêu xuất tam giới, vượt hơn Thiên đế, Thiên tiên trăm ngàn vạn ức hằng hà sa lẫn?

Trả lời: Đây nhờ sức của Phật A-di-đà, chẳng phải nhờ sức mình. Thí như người què, cả ngày đi không được mấy dặm, nhưng nếu cỡi voi báu của vua Chuyển Luân, thì một chốc có thể đi khắp bốn châu thiên hạ. Lại như học trò nghèo, muốn thân cận đế vương, nếu từ châu huyện ứng thí, mong đăng khoa giáp, làm quan cao, thanh danh lớn, thì khó mà chưa chắc. Nếu được thác thai sanh làm vương tử, thì không đầy một tháng, đã ở chung nhà với đế vương. Người vãng sanh nhờ vào Phật lực, cũng lại như vậy. Người tu nếu không cầu sanh Tịnh độ, chỉ tu hành trong cõi ác thế ngũ trược, thì sáng ra chiều lại vào, không biết trải qua bao nhiêu kiếp, còn không thể thành một Ala-hán, huống hồ lên địa vị Bồ-tát! Nếu tu pháp môn Tịnh độ, chỉ cần tinh tấn tu trì, nhất tâm bất loạn, hiện đời liền được vãng sanh, vào ngôi bất thoái, mãi đến thành Phật, rất là thẳng tắt. Thí như con sâu trong thân cây tre, muốn ra bằng đường thẳng (thụ xuất), thì phải cắn từng đốt tre, vất vả biết bao. Nếu cắn vào thành tre (hoành xuất), liền ra được ngay, rất dễ. Cho nên người tu Tịnh độ, gọi là hoành xuất tam giới.

Câu hỏi 6: Trong chín phẩm, ba phẩm dưới, phần nhiều là người ác, chỉ nhờ khi lâm chung niệm Phật, nên được vãng sanh. Nhỡ đã sanh lên nước ấy, mà vẫn còn tà kiến ba độc tham sân si, làm sao?

Trả lời: Chỉ lo không được vãng sanh, không lo vãng sanh rồi còn ác. Vì sao? Có năm nhân duyên: 1. Nhờ nguyện lực của Phật A-di-đà; 2. sở cầu như ý, không có gì để tham cầu nữa; 3. Chim hót gió reo, đều tuyên dương diệu pháp; 4. Thuần lấy Bồ-tát làm bạn, không còn duyên ác; 5. Thọ mạng lâu dài, lịch kiếp tu hành. Cho nên hẳn đã vãng sanh, là thẳng đến thành Phật, vĩnh viễn không còn thoái chuyển, chắc chắn là có nguyên do.

Câu hỏi 7: Người thành Phật kế tiếp sau Phật Thích-ca, là đức Di-lặc, hiện tại đang thuyết pháp trên cung trời Đâu-suất, người nào tu thượng phẩm Thập Thiện

có thể được sanh lên nước ấy. Sao không vãng sanh lên cung trời Đâu-suất, thân cận đức Di-lặc, sau này khi ngài hạ sanh thành Phật, có thể theo ngài xuống trần?

Trả lời: Thượng phẩm Thập Thiện, cố nhiên là được sanh thiên, nhưng sanh Đâu-suất thiên, thì e chưa chắc. Chưa đọc kinh “Di Lặc Thượng Sanh” sao? Kinh nói: “Thực hành các Tam-muội, vào sâu chánh định, mới được sanh Đâu-suất thiên”. Thử hỏi người tu Thập Thiện có khả năng không? Nếu tu niệm Phật, chỉ niệm danh hiệu, không ai là không được nhiếp thọ, thì so với người rộng tu Thập Thiện, dễ hơn nhiều. Huống nữa cung trời Đâu-suất, nhiều thiên nữ, thiên tử còn đắm nhiễm, huống hồ phàm phu. Tát Giá Ni Kiên Tử Kinh nói: “Chư thiên bị trói buộc, không gì qua nữ sắc; người nữ trói chư thiên, dẫn vào ba nẻo ác”. So với Tây Phương, vạn không bằng một, huống nữa dù gặp Di Lặc, chưa được thánh quả, còn sanh Tây phương, vĩnh viễn không còn thoái chuyển?

Câu hỏi 8: Phàm phu nhiều đời, tạo biết bao ác nghiệp, lâm chung mười niệm, làm sao liền được vãng sanh?

Trả lời: Người đời nay tạo nghiệp, lâm chung mười niệm vãng sanh, chắc chắn đời trước tu hành, chẳng qua đời này bị mê mờ mà thôi. Nếu không khi lâm chung, ác duyên ắt đến, làm sao có thể gặp được thiện tri thức, dạy họ niệm Phật? Cho dù có dạy họ niệm Phật, chưa chắc họ đã tin theo. Đây lại khi niệm Phật, người ta hoàn toàn giác ngộ, tha thiết hối lỗi lầm xưa, lòng đại sợ hãi, vạn duyên đều bỏ, chỉ một con đường Tây phương, không đi con đường nào khác. Niệm Phật như thế, tuy là một câu, cũng đáng ngàn lời, cho nên kinh Thập Lục Quán nói: “Một câu niệm Phật diệt 80 ức kiếp tội sanh tử”, quả thật có thể chứng minh cho tinh thần này, lại thêm phước nghiệp đời trước, Phật đến tiếp dẫn, còn nghi gì nữa!

Câu hỏi 9: Cõi Cực Lạc, cách thế giới Ta-bà tới 10 vạn cõi Phật. Xa xôi như vậy, phàm phu chẳng lẽ đến được liền? Lại nghe nói người nữ, những người thiếu căn, và hàng nhị thừa đều không được vãng sanh, có phải không?

Trả lời: Đường xa khó tới, là tướng; một niệm tới được, là tâm. Người niệm Phật sanh lên nước Phật, chỉ ở tâm này, chớ không phải vãng sanh bằng hình hài này. Như người nằm mộng đến các nước khác, tuy ở xa ngàn vạn dặm, nhưng vừa gọi liền tỉnh, há vì đường gần dễ giác, đường xa khó giác sao? Người nữ và người thiếu căn không sanh, có nghĩa nước Cực Lạc không có người nữ và người thiếu căn, chớ chẳng phải

người nữ và người thiếu căn không được vãng sanh. Nếu người nữ không được vãng sanh, thì Vi-đề-hi và 500 thị nữ, vì sao Thế tôn thọ ký được vãng sanh hết? Trong 48 lời nguyện của kinh Vô Lượng Thọ, có một nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, thì hết thấy người nữ trong vô lượng vô số thế giới trong mười phương, nghe danh hiệu tôi, tin ưa, phát tâm Bồ-đề chán ghét thân nữ, sau khi mạng chung không còn trở lại làm thân nữ, không được như thế tôi không thành Phật”. Người nữ như thế, người thiếu căn cũng thế. Ngay cả chim sáo, anh vũ niệm Phật còn được vãng sanh, chẳng lẽ người thiếu căn, ngược lại không bằng loài vật? Còn về hàng nhị thừa, là người có quả vị, phạm phu còn được vãng sanh, lẽ nào có lý loại bỏ nhị thừa? Kinh A-di-đà nói: “Phật ấy có vô lượng đệ tử Thanh-văn, đều là A-la-hán”. Là nhị thừa hết đó. Cho nên bảo sanh lên nước ấy, không có chấp tâm nhị thừa, đó chính là nhị thừa không sanh; nếu nói, hàng nhị thừa không được vãng sanh, thì không đúng.

Câu hỏi 10: Nay muốn quyết định cầu sanh Tây phương, không biết làm công hạnh gì, phát tâm như thế nào, mới được sanh lên nước ấy? Lại người đời, đều có vợ con, không biết không đoạn thâm dục, có được vãng sanh không?

Trả lời: Người muốn quyết định sanh Tây phương, ngoài trì danh, đủ hai loại niệm lực, ắt được vãng sanh. Một là phải sanh khởi ý niệm chán lìa cõi trược, hai là phải phát khởi ý niệm vui thích Tịnh độ. Lại phải phát tâm Bồ-đề, tùy sức làm lành hồi hướng Tây phương. Còn về duyên vợ con, ở đời cũng không chướng ngại gì, chỉ cần làm cho họ cùng được nếm pháp vị, đoạn dứt nhân ác. Gọi là chán lìa cõi trược, là trong cõi trược ác, động chút là phiền não. Người đời chỉ vì hai chữ “com áo” mà khốn khổ một đời, vì hai đường “danh lợi” mà bôn ba cả kiếp, tay chân lúng túng, cam chịu vợ con làm gia nô. Ngày nghĩ đêm mơ, luôn vì sắc thân tìm phiền não. Tự quán tưởng cái thân một thước mấy này, bên ngoài chỉ vì một lớp da, mà vọng thấy mình oách; nếu dùng thiên nhãn mà nhìn, bên trong đầy những phần uế, máu mủ hôi thối mà thôi. Cho nên kinh Niết-bàn nói: “Cái thân thịt ấy, la-sát ngu si, ẩn cư trong đó”. Có người có trí nào mà lại ham cái thân này? Gọi là vui thích Tịnh độ, vì là niềm vui ở cõi Cực Lạc, thiên cung cũng không thể so sánh, không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả. Hằng ngày chỉ cần làm theo lời trong kinh dạy, cảm giác ta tương lai nhất định đến đó, thì ý niệm vui thích tự nhiên sanh, duyên Tịnh độ tự thành thực. Thế nào là phát tâm Bồ-đề? Vãng Sanh Luận nói: “Tâm Bồ-đề, là tâm thệ nguyện thành Phật. Người thệ nguyện thành Phật,

thương xót tất cả chúng sanh luân hồi trong sáu nẻo, chịu khổ không cùng, do đó phát tâm cứu độ, khiến họ ra khỏi ba cõi, cùng về Cực Lạc”. Người niệm Phật, nếu đủ hai niệm lực này, lại thêm phát tâm Bồ-đề, hợp ý độ người của Phật, mà không quyết định vãng sanh, mong Phật thọ ký, là không thể có.

Luận Mười Câu Hỏi Trên Có người hỏi Thiên Như lão nhân: Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, được suy tôn bậc thầy trong nước, mà tự tu Tịnh độ, lại dạy người rằng: “Có thiền không Tịnh độ, mười người lạc hết chín; không thiền có Tịnh độ, vạn tu vạn người chứng”, phải chăng quá khen Tịnh độ không?

Trả lời: Đại sư Vĩnh Minh không quá khen Tịnh độ đâu. Pháp môn Tịnh độ, tối quảng đại; pháp tu Tịnh độ, tối giản dị. Quảng đại là, tất cả căn cơ, đều thâm nhiếp hết. Trên từ Bồ-tát Đẳng giác, dưới đến kẻ ngu, ngu nghịch thập ác, lâm chung niệm Phật hồi lỗi, không ai không được vãng sanh. Giản dị là, dễ hành trì, chỉ cần sáu chữ hồng danh “Nam mô A-di-đà Phật”, liền được vãng sanh, được bất thối chuyển, mãi đến thành Phật. Thử hỏi tu hành xuất thế, có pháp môn nào thẳng tắt như pháp môn này không?

Câu hỏi 11: Quảng đại giản dị, đã biết rồi. Nhưng ngài Ngô Đạt, đã gọi là thấy tánh thành Phật, cần gì lại phải cầu sanh Tịnh độ?

Trả lời: Vì ngộ đạt, nên nguyện cầu sanh, còn anh chưa ngộ. Nếu anh đã ngộ, thì ý nguyện cầu sanh, vạn con trâu cũng khó kéo lại. Lại nữa một khi anh đã ngộ, thì tập khí cũ đã trừ, các lậu đã hết, những oán đối vô lượng kiếp không còn, còn thọ hậu hữu sao? Hay là còn tập nghiệp chưa trừ, không tránh khỏi tội nặng chịu nhẹ? Hay là một khi giác ngộ, liền đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, hàng phục thiên ma cứu độ thập phương thế giới sao? Hay là oai lực thần thông, nhất thời còn chưa đủ, phải đợi đời sau? Nếu bảo vừa ngộ liền tiêu hết tập nghiệp, mọi sự đều xong, thì chư đại Bồ-tát rộng tu lục độ, trải qua bao kiếp, chắc là thua anh! Kinh Quán Phật Tam Muội, ghi Bồ-tát Văn Thù, tự thuật túc nhân, bảo đức niệm Phật Tam-muội, Thế tôn thọ ký rằng: “Ông nên vãng sanh thế giới Cực Lạc”. Kinh Hoa Nghiêm, ghi Bồ-tát Phổ Hiền, lấy Thập đại nguyện vương, dạy Thiện Tài Đồng tử, cũng cuối cùng khuyên về Cực Lạc. Trong kinh Lăng Già, Thế Tôn thọ ký Long Thọ, cũng bảo vãng sanh Cực Lạc. Đến như kinh Đại Bảo Tích, Thế tôn ấn ký vua Tịnh Phạn và 7 vạn người trong dòng họ Thích, đồng sanh Cực Lạc. Kinh Thập Lục Quán, chỉ thị Vi-đề-hy, và năm trăm thị nữ, đồng bái kiến Di-đà. Đến như

ngài Viễn Công ở Lô Sơn, ngài Hiền Thủ của tông Thiên Thai, các bậc tôn túc, không ai là không tuyên dương tịnh nghiệp, cùng phát nguyện vãng sanh. Chẳng lẽ sở tu sở chứng của họ, thua người thời nay sao?

Câu Hỏi 12: Tịnh độ nhiếp hết mọi căn cơ, quả là quảng đại. Nhưng cái gọi là Tịnh độ ấy, nằm ngoài mười vạn ức cõi Phật, so với thuyết duy tâm Tịnh độ, bốn tánh Di-đà, tợ hồ hữu vi (một cõi có tướng)?

Trả lời: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Ngoài sắc thân, từ sơn hà đại địa hư không, đều là vật trong chân tâm diệu minh”. Lại nói: “Các pháp đều do tâm hiện”. Làm gì có cõi Phật ở ngoài tâm? Nên biết ngoài tâm không có quốc độ, ngoài quốc độ không có tâm; cái gọi là quốc độ nhiều như vi trần, chỉ là quốc độ trong tâm ta; chư Phật nhiều như cát sông Hằng, chỉ là Phật trong tâm ta. Biết được điều này, thì biết không một quốc độ nào không nương vào tâm ta mà có, không một Phật nào không nhờ tánh ta mà hiện. Vậy thì nước Cực Lạc ngoài mười vạn ức cõi Phật, chẳng lẽ không phải duy tâm Tịnh độ sao? Giáo chủ của nước Cực Lạc, chẳng lẽ không phải bốn tánh Di-đà sao?

Câu hỏi 13: Thuyết Tịnh độ, đại khái biểu thị pháp. Người trí phải trực ngộ thiên tông, mới là thượng sách. Nếu chỉ tán dương Tịnh độ, hẳn là chấp sự mà bỏ lý rồi!

Trả lời: Quy nguyên tánh vô nhị, phương tiện có nhiều môn. Biết được ý này, thì thiên tịnh, khác đường nhưng cùng một chỗ về. Đại sư Trung Phong nói: Thiên là thiên của Tịnh độ, Tịnh độ là Tịnh độ của thiên. Tuy xiển dương qua lại, nhưng người tu, cần phải một cửa vào sâu. Cho nên Bồ-tát Đại Thế Chí, đặc niệm Phật Tam-muội, mà nói lấy tâm niệm Phật, nhập vô sanh nhẫn. Bồ-tát Phổ Hiền, nhập Hoa Nghiêm Bát Tu Nghi Giải Thoát Cảnh Giới, mà nói: “Nguyện tôi khi lâm chung, vãng sanh nước Cực Lạc”. Hai đại sĩ ấy, một hầu Phật Thích-ca, một hầu Phật Di-đà, đáng lẽ mỗi vị đều lập một biệt phái, nhưng lại hoà hội viên dung, cả hai không chướng ngại nhau, làm sao có thể còn chấp thiên kiến? Cái mà anh nói Tịnh độ biểu thị pháp, đâu không coi tịnh tâm tức là Tịnh độ, không còn có Tịnh độ được trang nghiêm bằng thất bảo nữa? Nếu đúng như thế, thì cũng có thể bảo thiện tâm là thiên đường, không cần có trời Dạ-ma, trời Dao-lợi nữa; ác tâm tức là địa ngục, không cần có ngục đao kiếm, ngục dầu sôi nữa; ngu si tức là súc sanh, không cần có mang lông đội sừng nữa. Vậy thì đã có Tịch quang Tịnh độ, ắt có Thật báo trang nghiêm Tịnh độ... hưởng hồ ngoài sự không lý, ngoài tướng không

tánh, nhất định phải bỏ sự cầu lý, bỏ tướng tìm tánh, thì lý sự còn không thể vô ngại, làm sao có thể mong sự sự vô ngại? Lại nữa anh tuy đầy đủ tánh Phật, nhưng hiện tại còn là thân phàm phu, nếu quả có thể ở đâu cũng là Tịnh độ, thì thử hỏi ở trong nhà xí, anh có khả năng coi như ở trên chiếu không? Có khả năng ăn cùng máng với heo dê không? Có nằm chung ngủ chung được với tử thi đầy ruồi nhặng, giòi bọ rúc rĩa không? Nếu được như thế, anh có thể nói “cao sơn bình địa thấy Tây phương, dù gặp tên đao thương an định” sao cũng được. Còn nếu chưa được như thế, thì là thấy uế tịnh chưa không, tâm yêu ghét còn đó, mà nói khoác, khiến cho những kẻ thiện kiến, đọc qua mấy cuốn kinh, xem qua mấy công án, liền huỷ báng pháp, thì là tội của ai?

Câu hỏi 14: Tu hành cầu ra khỏi sanh tử, nên quý ở vô sanh, vậy hâm mộ Tây phương nguyện về, hẳn là nương vào nghĩa của vô sanh?

Trả lời: Coi sanh làm sanh, là thường kiến; coi vô sanh là vô sanh, là đoạn kiến. Sanh mà vô sanh, vô sanh mà sanh, là đệ nhất nghĩa đế. Bởi tánh diệu chân như, vốn tự vô sanh, nhân duyên hoà hợp, mới có tướng sanh, do tánh có khả năng hiện tướng, nên gọi vô sanh tức sanh; tướng do tánh hiện, nên gọi sanh tức vô sanh. Biết thế liền biết sanh Tịnh độ, sanh bởi duy tâm. Nếu nghi ngờ xa khó tới, thì tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới, nào có xa gần?

Câu hỏi 15: Cõi Phật khắp mười phương, đều đẹp đẽ. Nay chỉ khuyên về Cực Lạc, lại chỉ khen ngợi cảnh giới Cực Lạc, là vì sao?

Trả lời: Những quốc độ này, còn có các khổ, dù có lạc, đều là những lạc đưa tới quả khổ. Tây phương không thế, cho nên kinh nói: “Các chúng sanh ấy, không có các khổ, chỉ hưởng niềm vui, nên gọi Cực Lạc”. Thử so sánh cõi này và Tịnh độ, đâu chỉ khác nhau trời vực. Như cõi này đầu thai, phải ở trong thai 10 tháng, khi sanh, quỷ đến bên cạnh hút tinh khí. Tịnh độ hoá sanh hoa sen, ở trong cung điện hương thơm vi diệu, đã không bị sự ô uế của bào thai, lại không phiền mẹ nuôi nấng. Cõi này tuổi già, tóc bạc da nhăn, lưng còng gối mỏi, đi đứng cần người. Tịnh độ pháp vị trợ thân, không có già yếu, mười phương cõi nước, chớp mắt đến nơi. Cõi này hễ mắc bệnh tật, là rên rỉ, kêu gào. Tịnh độ đủ đại thân thông, có đại oai lực, trong nước không nghe đến tiếng đau khổ. Cõi này sống ắt có chết, chết ắt có tội, chỉ có cúi đầu chịu tội, dặt đến Diêm la. Tịnh độ hễ sanh hoa sen, liền thành thân kim cang bất hoại, tướng hảo quang minh, thọ mạng vô lượng. Cõi này có hợp ắt có ly, cha mẹ nhọc nhằn, khó giữ sống lâu; vợ chồng

ái ân, phần nhiều ly tán. Tịnh độ thì bạn pháp, vĩnh viễn thân nhau, lẽ nào có cái khổ ái biệt ly? Cõi này thù địch tìm nhau, có oán ắt báo, sợ hãi, nhưng không thể trốn thoát. Tịnh độ thì tương thân tương kính, đều là Bồ-tát làm bạn, nào có cái khổ oán tăng hội. Cõi này nhân loại, đều bôn ba vì cơm ăn áo mặc, vợ con sai khiến, khốn khổ vạn trạng. Tịnh độ nghĩ áo có áo, nghĩ ăn có ăn, vườn rừng nhà cửa, toàn bằng bảy báu, mỗi mỗi thọ dụng tự nhiên, nào có cái khổ cầu bất đắc. Không chỉ có thế, cõi này hình hài xấu xí, các căn khiếm khuyết. Tịnh độ thì ánh sáng chói lọi, tướng đẹp trang nghiêm. Cõi này thì ra rồi lại vào, luân hồi sáu nẻo. Tịnh độ thì hễ chứng vô sanh, không còn thoái chuyển. Cõi này thì gò nông hầm hố, gai góc um tùm. Tịnh độ thì cây báu chọc trời, trái vàng làm đất. Lại cõi này thì Quan Âm, Thế Chí, chỉ bái vọng xa. Tịnh độ thì hai đại Bồ-tát, đều là bạn tốt. So sánh Ta-bà Tịnh độ, cảnh duyên khác hẳn. Cảnh thù thắng, có thể nhiếp thủ tịnh tâm; duyên thù thắng, có thể trợ lực tu hành.

Câu hỏi 16: Tâm chán thích (chán Ta-bà thích Tịnh độ), tức niệm yêu ghét, yêu ghét chính là việc bên bờ sanh tử, người tu không nên có, làm thế nào?

Trả lời: Chán Ta-bà thích Tịnh độ, tuy cũng là tâm yêu ghét, nhưng chẳng phải là cái yêu ghét của thế gian, mà chính là cái yêu ghét chuyển phàm thành thánh của mười phương chư Phật. Nếu không chán lìa, làm sao ra khỏi Ta-bà ác trược này? Nếu không yêu thích, làm sao có thể sanh về Cực Lạc liên bang? Có chán lìa sau mới chuyển phàm, có yêu thích sau mới thành thánh.

Câu hỏi 17: ở thế gian này, ẩm thực y phục, nhà cửa chén bát, đều phải làm, rồi mới có dùng. Vì sao thế giới Cực Lạc, vừa nghĩ đến, mọi vật dụng tự nhiên hiện ra?

Trả lời: Việc hưởng phước, đều từ tu phước mà được. Bắc Cu Lô Châu, ẩm thực y phục của họ, đều có sẵn để thọ dụng, huống hồ cõi Phật A-di-đà, vạn phước trang nghiêm? Đại A-di-đà Kinh nói: “Những giảng đường cung thất này, không ai làm cả, cũng không từ đâu đến, do nguyện lớn đức trọng của Phật ấy, tự nhiên hoá sinh”. Lại nói: “Những cõi Phật khác, đều làm thiện, không làm ác. Cho nên phước đức ở đó, cũng đều tự nhiên. Kể đến có những thế giới, người làm thiện nhiều, người làm ác ít, cũng có phước tự nhiên, không cần phải lao động làm ra vật phẩm. Còn thế giới này, làm ác quá nhiều, làm thiện quá ít, nên không làm, thì không có”.

Câu hỏi 18: Người niệm Phật, khi lâm chung đều thấy Phật và Bồ-tát đến tiếp dẫn. Kinh nói: “Trì tụng chú Vãng Sanh 30 vạn biến, Phật A-di-đà thường ở trên đỉnh đầu, hộ vệ người ấy”. Giả như mười phương thế giới, đều tụng chú Vãng Sanh hết, đều cầu Phật Bồ-tát đến tiếp dẫn, Phật A-di-đà làm sao có thể đều ở hết trên đỉnh đầu mọi người, đồng thời làm sao đến tiếp dẫn hết?

Trả lời: Ánh sáng mặt trời, còn có thể chiếu khắp thế giới, huông hồ thệ nguyện thần thông của Phật?

Câu hỏi 19: Trên hội Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền, hiện ra ngồi giữa đạo tràng, các Bồ-tát dùng hết thần lực, cũng không thấy được Bồ-tát Phổ Hiền. Nay người vãng sanh, đều phàm phu chay, làm sao có thể lập tức thấy Phật? Lại Phật mà phàm phu thấy, không khác Phật mà Bồ-tát thấy sao?

Trả lời: Tướng Phật vốn như vậy, nhưng mỗi hạng bậc thấy khác nhau. Người mới vãng sanh Tây phương, Phật mà họ thấy chỉ là Phật thô tướng (như 32 tướng 80 vẻ đẹp). Còn nếu như tướng “Như Lai có Thập Hoa Tạng Thế giới Hải Vi Trần Số Đại nhân Tướng” mà kinh Hoa Nghiêm nói, e rằng chẳng phải đại Bồ-tát, thì không thể thấy. Thí như vị cam lộ của trời, đựng trong mỗi loại bát, màu sắc mùi vị khác nhau. Lại như người có bệnh với người không bệnh, cùng ăn một vật, ngọt đắng khác hẳn. Cho nên quốc độ của Phật Thích-ca, vốn rất nghiêm tịnh, Loa Kế Phạm Vương, chỉ thấy như cung trời Tự Tại, còn lại đều thấy đồi núi gò nông, đầy uế ác. Thấy Phật cũng như thế.

Câu hỏi 20: Ở đây niệm Phật, trên Tây phương trong ao thất bảo nở ra một đoá sen. Nếu tinh tấn, sen lớn dần; còn nếu giải đãi, hoa sẽ tàn rụng, có đáng tin không?

Trả lời: Điều này dễ hiểu. Thí như chiếc gương lớn, có vật gì để trước mặt, liền hiện hình vật ấy. Lại như lầu các của Thọ-đề-già ở thành Vương-xá, chẳng qua chỉ được làm bằng bạch ngân, lưu li, mà trong bức tường có thể hiện ra hết những việc trong thành. Huông hồ cõi thanh tịnh trang nghiêm của Phật A-di-đà ? Ở đây niệm Phật, nước kia sen nở, không có gì đáng nghi.

Câu hỏi 21: Đói nghiệp vãng sanh, được bất thoái chuyển. Vậy thì khi sanh tiền, duyên đời chưa hết, sao không lo sự nghiệp thế gian, đợi lúc lâm chung, rồi niệm Phật cũng được?

Trả lời: Đó là tà thuyết. Có ý niệm này, chính mình lầm; nói ra lời này, làm người khác lầm. Người ác khi lâm chung, niệm Phật vãng sanh, là nhờ thiện căn đời trước, lại gặp được thiện tri thức, mới được may mắn này. Đó chỉ là một trong ngàn vạn người, đâu phải ai lâm chung, cũng được như vậy! Quần Nghi Luận nói: “Ở đời có mười hạng người, lâm chung không thể niệm Phật. 1. Không gặp thiện tri thức, 2. Nghiệp luy trói thân, không rảnh niệm Phật, 3. Bị bệnh cấm khẩu, 4. Cuồng loạn, 5. Hoặc gặp nước lửa, 6. Gặp lang sói, 7. Bị ác phá hoại tín căn, 8. Ăn no quá độ, hôn mê đột tử, 9. Chết trận, 10. Trước chân núi cao. Gặp mười nạn này, khó mà niệm Phật. Cho dù bệnh nhẹ mà chết, thì khi tứ đại phân ly, cũng không tránh khỏi phong đao cắt thể, sợ hãi hoảng loạn, đâu rảnh an tâm niệm Phật? Lại hoặc nghiệp duyên chưa hết, niệm đời chưa thôi, gia tài chưa chia, hậu sự chưa liệu, mà còn tìm thầy coi bói, nhiễu loạn tâm thần, con kêu vợ khóc, kinh hoảng bên tai, ngay lúc này, mà muốn họ thung dung niệm Phật, mong họ nhất tâm bất loạn, hoàn toàn không có lý này. Cho nên người xưa nói: “Chớ đợi tuổi già mới niệm Phật, mồ hoang lắm kẻ tuổi còn xanh”. Lại nói: “Bình thời khuyến ai niệm Phật, đều nói tôi bận, một khi vô thường đến, bận mấy cũng thôi”. Người ta ở đời, đâu được bao lâu, nhân khi chưa già chưa bệnh này, bỏ hết duyên đời, sống một ngày, niệm Phật một ngày, công phu một giờ, tu tịnh nghiệp một giờ. Không thể, một khi mất thân người, vạn kiếp khó tìm lại được!

Câu hỏi 22: Đợi già tu hành, cố nhiên là không có lý này. Nhưng phàm phu đều ở trong lưới đời, có việc không thể bỏ được, phải làm sao?

Trả lời: Người ta ở đời, chắc chắn có một ngày phải chết. Tu với không tu, rốt cuộc không ai tránh khỏi. Nhưng đoạ lạc, chi bằng siêu thăng? Nếu ai thống niệm vô thường, lo gì dụng tâm không tha thiết. Bất luận bận hay rảnh, cảnh thuận hay nghịch, đều không trở ngại gì với niệm Phật cầu sanh. Cho dù duyên đời cực nặng, cũng phải tranh thủ thời gian, định công khoá, hoặc vạn hoặc ngàn, không được gián đoạn. Những người quá bận rộn, sáng sớm mười niệm, quyết không để khuyết.

Câu hỏi 24: Nhất tâm bất loạn, một ngày đến bảy ngày, liền được vãng sanh. Vậy thì trong một ngày đến bảy ngày nhất tâm, rồi sau đó không thể nhất tâm, không biết có được vãng sanh không?

Trả lời: Đã được nhất tâm, sau đó tâm sẽ không tán loạn nhiều. Như Nhan Tử ba tháng không lìa lòng nhân, vậy thì trong ba tháng, cố nhiên là người nhân đức, chẳng lẽ

sau ba tháng, lại trở thành người ác sao? Chỉ cần luôn tự kiểm điểm, thường phát hoằng nguyện, thì không ai không được vãng sanh.

Câu hỏi 25: Người niệm Phật, phải niệm niệm tương tục, mới dễ thành khối. Nhưng tháng hè trời nóng, phần nhiều ở trần. Không biết khi ăn uống nằm ngò, ở trần tắm giặt, có thể niệm Phật được không?

Trả lời: Niệm thầm không sao, gọi là “khi vội vả tâm cũng ở nơi nhân, khi nguy hiểm tâm cũng ở nơi nhân vậy”.

Câu hỏi 26: Khi nhất tâm xưng danh, lại phát tâm cầu sanh Tịnh độ, tợ hồ như có hai tâm, làm sao?

Trả lời: Xưng danh, là cầu sanh vậy. Kinh nói: “nên phát nguyện, nguyện sanh nước ấy”. Lại nói: “Chấp trì danh hiệu”. Thì biết rõ ràng là một việc, chẳng phải hai việc. Thí như xây dựng tương lai, cái mong muốn công danh, chính là cầu sanh Tịnh độ; sự siêng năng học hành, chính là chấp trì danh hiệu. Ở đây tợ có vi phân. Nguyện cầu sanh Tịnh độ, nên nơi lúc phát nguyện sớm tối. Còn khi xưng danh, phải chuyên tâm, không phát nguyện khiến tâm lẫn lộn.

Câu hỏi 27: Cả ngày niệm Phật, gặp phước liền làm, cố nhiên là bồn phận của người tu. Nhưng khi làm phước, e tâm để ở nơi làm phước, không để ở nơi câu niệm Phật, không biết có chướng ngại cho nhất tâm bất loạn không?

Trả lời: Gương sáng vốn không, cảnh đến liền hiện, đâu có chướng ngại gì cho cái “tánh không” của gương. Việc chưa tới đã đón, việc qua rồi còn giữ, mới là bệnh mà thôi!

Câu hỏi 28: Ân cha mẹ, khó báo đáp nhất, nếu vãng sanh Tây phương, không biết có cách gì báo đáp hay không? Lại người ta sanh ra một đời, có một cha mẹ; sanh ra trăm ngàn vạn ức ngàn đời, có trăm ngàn vạn ức ngàn cha mẹ, không biết sau khi vãng sanh rồi, có thể nhớ hết tên họ của mỗi mỗi cha mẹ, mỗi mỗi báo đáp hết hay không?

Trả lời: “Muốn báo ân sâu, trời cao lòng lồng”, là câu nói thế gian. Lấy đạo thế gian báo đáp ân cha mẹ, quả là không có cách gì báo đáp. Còn nếu sau khi vãng sanh, muốn báo ân cha mẹ, thì dễ vô cùng. Đâu chỉ báo ân cha mẹ một đời, mà ngay cả muốn báo đáp ân đức của cha mẹ trăm ngàn vạn ức kiếp trước, cũng có cách báo đáp. Bởi một

khi đã đến Tây phương, ắt có thiên nhãn, có thể thấy những việc của vô số thế giới; ắt có thiên nhĩ, có thể nghe được âm thanh vô số thế giới; ắt có tha tâm thông, có thể biết được tâm của tất cả chúng sanh; ắt có túc mạng thông, có thể biết được những việc chết đây sanh kia của vô lượng kiếp về trước. Một người nào ở đâu, tên gì, họ gì, chủng tánh gì, đều biết rõ một cách tường tận, có thể lấy chỉ việc ta làm, báo đáp được hết. Há có ân cha mẹ, không thể báo đáp sao? Ngày xưa Mạnh Tử xưng việc hiếu của Thuấn, là làm cha vua, tôn trọng đến cực điểm vậy. Dùng thiên hạ nuôi cha, là nuôi đến cực điểm. Ta vãng sanh làm Bồ-tát, để cha mẹ làm cha mẹ của Bồ-tát, không phải càng tôn trọng hơn nhân loại sao? Lại làm cho cha mẹ được vãng sanh Tịnh độ, nghĩ đến áo có áo, nghĩ đến ăn có ăn, nhận phước tự nhiên, hưởng thọ không cùng, không phải càng hơn lấy thiên hạ nuôi sao? Huống hồ trong một nước, bất quá chỉ một vua, nếu có hai hiệu tử, đều muốn lấy thiên hạ nuôi, ắt mưu làm loạn, trở ngược làm loạn thần tặc tử. Chi bằng pháp môn Tịnh độ hết thấy mọi người có thể báo hiếu, vẫn không trở ngại gì đối với pháp thế gian?

Câu hỏi 29: Súc sanh chịu khổ trong ba đường, số ấy vô lượng, làm sao chúng ta mỗi mỗi cứu hết được, mà phát nguyện cho vô ích?

Trả lời: Bồ-tát muốn độ chúng sanh, thì tất cả chúng sanh chịu khổ trong ba đường, đều là những người ta đáng phải độ. Đâu phải vì nhiều mà sợ hãi, đâu phải vì nhiều mà chán ngán, mệt mỏi? Bồ-tát Địa Tạng nói: “Địa ngục chưa không, thế không thành Phật”. Mười đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, mỗi nguyện lấy hết chúng sanh giới làm kỳ hạn. Như vậy người tu Tịnh độ, muốn sanh Tây phương, không phải để trở lại Ta-bà, thì cứu ba đường làm nguyện sao?

Câu hỏi 30: Những loài côn trùng nhỏ nhít, số ấy rất nhiều. Giả sử mỗi khi nhìn thấy chúng, liền phát tâm cứu độ, không biết tâm này chỉ có thể hoàn thành chí nguyện của ta thôi, hay vẫn có ích cho chúng?

Trả lời: Phải nhìn lại phát tâm có chân thành không, nếu hết lòng thành, thì ắt có ích cho chúng. Nhìn lại Thế tôn kiếp xưa làm tiên nhân nhục, Mục-liên kiếp trước làm tiểu phu, liền biết phát tâm có ích. Thích-ca Như lai, vô lượng kiếp trước, làm tiên nhân nhục tu đạo trong núi, gặp quốc vương đi săn, đuổi theo một con thú, hỏi đạo nhân: “Con thú chạy hướng nào?” Lúc ấy nếu nói thật, thì hại thú; không nói thật, thì vọng ngữ. Tiên nhân im lặng không nói, quốc vương giận, chặt đứt cánh tay. Lại hỏi, tiên

nhân cũng im lặng không nói, vua lại chặt đứt cánh tay nữa. Tiên nhân liền phát nguyện rằng: “Sau khi ta thành Phật, sẽ độ người này trước, không để cho người đời bắt chước làm ác”. Sau Tỳ-kheo Kiều-trần-như được độ đầu tiên, chính là quốc vương bấy giờ vậy. Thời Phật có một làng người khó độ. Phật bảo: “Những người này có duyên với Mục-liên”. Bèn sai Mục-liên đến đó để độ, quả nhiên độ được. Hỏi nguyên do, Phật nói: “Mục-liên kiếp trước, từng làm tiều phu, làm động vô số ong rùng, Mục-liên bỏ nghề, nói: “Các người đều có Phật tánh, khi nào thành đạo, ta sẽ đến độ các người”. Nay người làng này, chính là những con ong đời trước. Do Mục-liên từng phát nguyện, nên có duyên với làng này. Xem đây đủ biết, không chỉ thấy tất cả mọi người, đều khuyến niệm Phật, phát nguyện cứu độ, mà ngay cả thấy tất cả loài súc sanh, cũng thay chúng niệm Phật, phát nguyện cứu độ tất cả.

Câu hỏi 31: Niệm Phật dù có chân thành, nhưng số niệm hữu hạn. Giả sử một trăm con vật niệm cho được một ngàn danh hiệu Phật, thì một trăm con vật tự nhiên thềm được phước ấy. Ngộ nhớ hằng sa mạng sống, mà cũng niệm cho được một ngàn danh hiệu Phật, phước ấy trở thành nhỏ, phải làm sao?

Trả lời: Thí như một cây đuốc, chia lửa cho trăm người, ngọn lửa đuốc ấy vẫn không hao mất. Chia cho ngàn vạn người, ngọn lửa ấy cũng không hao mất.

V- TỊNH ĐỘ VẤN ĐÁP

Sưu Tập Tỳ Kheo Thích Giác Nhân

1 – NHỮNG LỜI KHAI THỊ

NGÀI VĂN THÙ SƯ LỢI DẠY:

Nếu thiện nam tín nữ nào nguyện mau thành Phật không gì qua môn tu “Niệm Phật”. Niệm Phật thì có thể mau chứng quả Vô Thượng Bồ Đề. (Tống Cao Tăng Truyện)

KINH ĐẠI TẬP DẠY:

“Mạt pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo, duy y niệm Phật, đắc độ sanh tử” (Trong đời Mạt Pháp, ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo, chỉ có nương vào pháp niệm Phật là thoát khỏi sanh tử).

2 - TỊNH ĐỘ TÔNG, LỜI VẤN ĐÁP VỀ PHÁP TU TỊNH ĐỘ

1/ Hỏi: Pháp Môn Tịnh Độ là pháp cơ sở, chỉ để cho kẻ ngu dốt, căn trí thấp kém hành trì. Những người căn tánh cao phải tu thiền hay duy thức mới hợp lý. Và lại bậc thượng phu phải có chí hùng cường tự lập, nên căn cứ nơi mình mà giải thoát; nếu muốn cầu mong tha lực, chẳng tỏ ra hèn yếu lắm ư?

Đáp: Với lời hỏi này, trước tiên xin nói về “căn cơ”, sau sẽ trả lời đến yếu tố “tự lực, tha lực”.

Pháp Môn Tịnh Độ không phải chỉ để cho bậc trung hạ căn, mà còn thâm nhiếp cả bậc thượng thượng căn.

+ Bậc trung, hạ căn niệm Phật sẽ dứt được phiền não nghiệp chướng, phát sanh phước đức trí huệ, lần lần đi đến định cảnh, tùy theo công phu thấp cao mà vãng sanh về chín phẩm sen nơi Cực Lạc.

+ Bậc thượng căn vừa khởi câu niệm Phật, liền thâm nhập vào cảnh giới định huệ, “đi, đứng, nằm, ngồi” đều trong Niệm Phật Tam Muội, khi lâm chung sanh về thượng thượng phẩm liên bang. Trong hàng tiên đức đã có vị vào cảnh giới này, và trình thuật với câu:

**“Năm lấy chuỗi tràng trần niệm dứt,
Nghiễm nhiên thành Phật đã từ lâu”.**

Cho nên, câu niệm Phật thâm nhiếp hết ba căn, với người cao nó thành cao, với người thấp nó thành thấp.

Trong kinh lại nói: “Chí thành xưng danh hiệu Phật A Di Đà, sẽ được tiêu tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử”. Người niệm Phật hằng giữ định tâm, tất sẽ phát huệ, đồng như lối tu của các pháp môn khác. Hơn nữa, trên định tâm mà xưng danh hiệu Phật A Di Đà, thì tự tiêu nghiệp chướng, sanh phước huệ, càng cao thẳng chóng mau. **Vì thế, Liên Trì Đại Sư đã khen pháp niệm Phật là: “Đại thiên định, đại trí huệ, đại phước đức, đại thành hiền”.**

Theo Quán Kinh: “Người tạo tội ‘ngũ nghịch, thập ác’ khi lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu chí thành xưng danh hiệu Phật A Di Đà cho đến mười niệm, thì ngài liền hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc”. Từ một kẻ cực ác, chỉ dùng mười niệm mà được vãng sanh, lên ngay ngôi bất thoái, quả thật là điều rất hy hữu. **Ấn Quang Đại sư đã khen: “Pháp niệm Phật bậc cao niệm đến một lòng không loạn, chứng vào tam muội, kẻ cực thấp chỉ đúng mười niệm thành công, là điểm đặc sắc mà chưa pháp môn nào có”.**

Về vấn đề “tự lực, tha lực”, nếu như hiểu pháp môn tịnh độ chỉ hoàn toàn nương nơi tha lực là lầm lớn. Người niệm Phật phải đem hết sức tự lực dứt trừ phiền não, trì niệm cho đến cảnh giới tâm mình và tâm Phật tương ưng. Từ cảnh giới đó hiện đời hành giả được Phật phóng quang tiếp dẫn vãng sanh. Sự tiếp dẫn mới là yếu tố chính của tha lực, vì thế giới Cực Lạc cách xa cõi Ta Bà này đến mười muôn ức Phật độ, không phải sức thần thông đạo lực tầm thường có thể đến được, huống nữa là phạm phu! Vì thế cần phải nhờ tha lực, tức thần lực của Phật hoặc chư thánh tiếp dẫn. Ví như một học sinh, tự mình biết: gắng hết sức chuyên học, dĩ nhiên là điều đáng quý. Nếu trên sự học ấy, lại được vị giáo sư giỏi kèm theo chỉ dạy, thì sự học vấn càng cao thâm, kết quả thi đỗ sẽ là phần đảm bảo.

Trên “tự lực” của hành giả, thêm “tha lực” của Phật gia trì tiếp dẫn cũng lại như thế. Vậy sự kiện chính mình đã gắng hết sức đề tu, lại cầu thêm “tha lực” cho kết quả mau chóng, có phải là một điều hèn yếu lỗi lầm chăng? Sự cao diệu của môn Tịnh độ chính các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, các vị Tổ Sư như: Vĩnh Minh, Trí Giả, Triệt Ngô, Liên Trì, cho đến nhiều đáng tôn túc ở các Tông, đều khuyên nguyện vãng sanh. Chê niệm Phật là thấp kém chỉ để cho bậc hạ căn tu hành tức là chê chư Bồ Tát, Tổ Sư và các vị Cao Đức đã nói trên. Bảo niệm Phật là hèn yếu, chỉ nương nơi tha lực, tức là chưa hiểu biết về môn Tịnh độ.

2/ Hỏi: Tu Tịnh độ cần phải chứng Niệm Phật Tam Muội, hoặc ít nữa đi đến cảnh giới “nhất tâm bất loạn” mới được vãng sanh. Như thế thì người hạ căn chưa chắc đã thực hành nổi. Vậy thì kẻ thấp kém ngu tối làm sao được vãng sanh về Cực Lạc? Nếu kẻ hạ căn ngu tối không vãng sanh được, sao gọi là pháp môn niệm Phật thâm nhiếp cả ba căn?

Đáp: Thật ra với căn cơ thời nay, cảnh giới “nhất tâm bất loạn” trong lúc hiện tiền còn không có mấy người đi đến, huống chi Niệm Phật Tam Muội. Nhưng theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “kẻ tạo ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, chí tâm xưng danh hiệu Phật A Di Đà từ một cho đến mười niệm, liền được Phật hiện đến tiếp dẫn vãng sanh”. Thế thì sự nhất tâm được vãng sanh, là chỉ khi lâm chung chứ không phải lúc hiện tiền.

Nếu lúc bình thời niệm Phật được nhất tâm. Sau đó lại chuyển hướng tu theo pháp môn khác không cầu vãng sanh thì làm sao về được Cực Lạc?

Mà muốn được nhất tâm khi lâm chung thì lúc bình thời phải tập câu niệm Phật cho thuần thực. Do bình thời thường niệm Phật, dù chưa được nhất tâm, nhưng chủng tử niệm Phật dòn chứa đã nhiều, lúc sắp chết hành giả khởi niệm Phật, nó

liền phát hiện mạnh mẽ nên được nhất tâm. Kẻ hạ căn niệm Phật được vãng sanh, thường ở trong tình trạng ấy.

3/ Hỏi: Niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tưởng, chặn đứng phiền não đi đến chỗ vô niệm. Đã như thế thì cứ để tâm thanh tịnh lần lần sẽ tiến vào cảnh giới vô niệm, cần gì phải niệm Phật cho nhọc sức hao hơi?

Đáp: Điểm cứu cánh của Pháp Môn Niệm Phật là Niệm Phật Tam Muội, chứng toàn thể của bản tánh Di Đà, tức cảnh giới Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Nhưng mục đích chính yếu và cấp thiết của Tông Tịnh Độ là cầu vãng sanh để bảo đảm không còn luân hồi mê đọa, cho mau tiến lên Phật quả. Vì lẽ ấy nên hành giả của Tịnh Độ Tông cần phải niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà. **Chủ đích** của môn Tịnh độ là như thế, không cấp thiết cầu cảnh giới vô niệm, mau chứng tánh bản lai như Thiền Tông.

Tuy nhiên, khi thực hành **chủ đích** này, hành giả phải niệm Phật cho được nhất tâm, nên dù không cầu vô niệm mà cảnh vô niệm cũng hiển bày. Hơn nữa, nhờ công đức niệm Phật giúp sức mau tiêu nghiệp, nên cảnh giới ấy cũng chóng hiển lộ. Ở đây chúng ta thấy mở thêm một tia sáng. Muốn mau được vô niệm, sớm ngộ tánh bản lai, lại cần phải niệm Phật.

4/Hỏi: Kinh Kim Cang nói: “Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt bóng” v.v...thế thì cảnh Ta Bà đã huyễn, mà cõi Cực Lạc cũng là huyễn. Sao không đi ngay vào bản tâm chân thật, còn cầu về cảnh huyễn làm chi?

Đáp: Thực ra các cõi **uế độ** và **tịnh độ** trong mười phương đều dường như mộng huyễn, nhưng khi nào chúng được Như Huyền Tam Muội, mới thấy đó là hư giả. Bằng chưa được như thế, vẫn thấy nó là thật. Vẫn bị nó chi phối, vẫn còn biết khổ vui, vào mùa nắng vẫn khó chịu về sự nóng bức, cho đến việc rất nhỏ như con kiến, con muỗi cắn đốt cũng vẫn còn bị đốn đau. Như vậy sao được gọi như là huyễn? Nên biết môn Tịnh độ là phương tiện nhiệm màu của Phật, mượn cảnh như huyễn an vui, để đưa chúng sanh thoát khỏi cảnh như huyễn thống khổ đầy dẫy chướng duyên và hiểm nạn. Rồi từ cảnh an vui như huyễn đó tiến tu dễ dàng, để mau chứng vào cõi chân tâm thường tịch.

Lấy ví dụ như cõi Ta Bà này, cảnh gia đình hay nơi thị tứ ồn náo là huyễn, cảnh chùa am hoặc chốn núi non vắng vẻ cũng là huyễn. Nhưng tại sao người tu giải thoát, lại bỏ cảnh gia đình thị tứ tìm nơi chùa am thanh vắng ở núi non? Có phải tại chốn gia đình nhiều bận buộc, cảnh huyên náo khó nhiếp tâm; mà nơi chùa am hay chỗ thanh vắng dễ tu chăng? Cho nên cảnh phàm tình cùng cảnh thánh chứng khác nhau, phàm tình mà đặt

mình vào cảnh thánh chứng là điều xa vời trái với thực tế. Ta còn phạm phu hỷ cứ theo phận phạm phu mà tuân tự tiên tu, đừng vội đem con mắt thánh nhìn quá cao xa, thành ra vọng ngữ có hại.

5/Hỏi: Trong kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ bảo: “Người Phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, Người Tây Phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh về cõi nào? Như thế thì chỉ cốt làm sao diệt được tội, cần gì niệm Phật cầu vãng sanh?”

Đáp: Đức Lục Tổ và các vị Cao Đức bên Thiên Tông đứng trên cương vị truyền bá tông chỉ duy tâm, nên mỗi lời nói phải căn cứ theo chỗ lập pháp của mình, đều chỉ ngay vào bản tánh, và đều lấy tâm làm chủ. Ý Ngài muốn bảo: Nếu tâm được thanh tịnh, thì tuy ở Ta Bà cũng được tự tại giải thoát, tâm không thanh tịnh dù ở Tây Phương vẫn bị khổ não luân hồi. Thật ra người tu Tịnh độ hiểu đạo lý, lời nói của Tổ chỉ có tác dụng khuyến tấn, bảo phải niệm Phật đến chỗ tịnh tâm không còn chấp trước, chớ không phải bác niệm Phật cầu vãng sanh. Đức Thế Tôn, chư Phật khắp mười phương, chư đại Bồ Tát và chư Tổ Sư đều khuyên niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Hai vị Tổ bên Thiên Tông ở Thiên Trúc là Mã Minh, Long Thọ đã chứng Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh về Cực Lạc. Nếu đức Lục Tổ có ý bài bác sự niệm Phật, thì chẳng hóa ra bài bác Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Chư Bồ Tát, các vị Tổ Sư và cả hai vị tiền bối trong Tông của mình là Mã Minh, Long Thọ hay sao? Cho nên nếu hiểu lầm, rồi đem lời này chê bai niệm Phật chính là bài xích và gieo mối oan cho đức Lục Tổ vậy.

Lại hành môn nào cũng có lý và sự. Lời của đức Lục Tổ là nói về lý, ngoài ra còn có sự tướng của đường tu, cần phải nghĩ đến.

Ta thử đặt câu hỏi “Người ở ngoài đời tạo tội, vào chùa am xuống tóc ăn chay giữ giới, tìm nơi thanh vắng tu hành. Người ở chùa am mà tạo tội tìm nơi nào để tu?” Nếu chỉ y theo lý mà bác sự như vậy, thì việc xuất gia đến chùa am, phải “ăn chay, giữ giới” cho đến “tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tham thiền” đều là lỗi làm hết sao? Pháp tu Tịnh độ cũng thế:

+ Thật ra chẳng phải người ở Đông Phương do tạo tội mới niệm Phật cầu sanh Tây Phương, mà niệm Phật cầu về Tây Phương chính là muốn mượn cảnh thắng duyên tu hành, để mau chứng lên quả Vô Sanh giải thoát. Dù người đã tạo nhiều tội, biết hồi tâm sám hối niệm Phật cầu vãng sanh, cũng là vì muốn sớm thoát sanh tử, vẫn không ngoài mục đích này.

+ Còn người ở Tây Phương Cực Lạc cũng không tạo tội, bởi khi đã về cõi ấy, trên có Phật Bồ Tát, dưới có các bậc Thượng Thiện Nhân, xung quanh mình tiếng chim nói

pháp, tiếng nhạc giảng kinh, không còn nhọc lòng lo đến vấn đề ăn mặc ở và các sự: “đau bệnh, tai nạn, oán thù”, đường đạo chỉ thêm tiến lên, đâu còn có duyên gì để tạo tội.

Kết lại, câu nói của đức Lục Tổ nên hiểu chỉ là lời khai thị về lý tánh thanh tịnh để khuyến tấn mà thôi, không nên nghĩ làm đem nó để bác sự tướng. Người niệm Phật nghe lời này, càng nên cố gắng niệm cho đến trình độ tâm Không mới hợp với ý của Tổ.

6/Hỏi: Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ thiền sư là một vị Tổ Sư trong nhà Thiền, tài trí cơ biến như sấm như gió; trong âm ai ai cũng tôn Ngài là bậc long tượng cả. Thế mà vì sao ngoài pháp Thiền, Ngài còn chuyên tu về Tịnh độ, lại làm bài kệ “Tứ Liệu Giảng”, có câu rằng: “Có Thiền không Tịnh, mười người chín kẻ sai; có Tịnh không Thiền, tu mấy thì được mấy”. Xét những lời nói đó, tợ hồ quá khen bên Pháp Môn Tịnh độ, mà quá ép bên Thiền sao?

Đáp: Ngài Vĩnh Minh nói như vậy, thật là rất có công trong Tông Giáo, chớ phải quá khen đâu! Nhưng tiếc cho Ngài chưa được cận cùng chỗ phát minh, nên còn để cái nghi án cho những Thiền giả như vậy.

Tôi chưa am hiểu Pháp Môn Tịnh Độ cho lắm, song cũng có coi các sách Tịnh độ biết được ít nhiều, vẫn thật một môn dễ tu và chắc đặng, cũng là một pháp khó nói và khó tin.

Nên Đức Thích Ca trong thời kỳ hiện tại nói kinh Di Đà cho đệ tử nghe, Ngài vẫn đã biết những chúng sanh ở đời Mạt Pháp này, ít người có đủ đức tin mà đem lòng quy hướng về Tịnh độ được. Vì vậy Ngài mới dẫn lời khen ngợi chư Phật trong mười phương, để làm cái bằng cứ chắc thật, để phá cái màn nghi hoặc, gieo giống tín tâm cho người đó.

Huống chi khi nói kinh gần hết rồi, Ngài lại nói rằng: “Các người phải biết rằng: Ta ở đời Ngũ Trược Ác Thế này, vì cả thấy mọi loài trong thế gian mà nói ra Pháp Tịnh độ khó tin này, thật là gian nan”.

Xem như vậy, đủ hiểu rằng Phật sợ cho đời sau người không tin thấu, nên Ngài hết sức cận lời khuyến bảo.

Chúng ta nghĩ đó mà coi: Phật đã đem lòng đại bi cứu đời giảm kiếp, nên một câu nào của Ngài nói ra, thì ai ai cũng tín ngưỡng và vâng làm theo cả; chỉ có cái thuyết Tịnh độ lại còn có kẻ hoài nghi là sao?

Nhưng cái nghi về ấy, tưởng không có ý kiến gì lạ, chỉ vì Pháp Môn Tịnh độ có hai cách đặc biệt như dưới này:

1- Vì pháp ấy là một cửa tu rất rộng lớn; nên cả thầy căn cơ bậc nào cũng thấu suốt được hết, trên từ các vị Bồ Tát Bồ Xứ cũng sanh về Tịnh độ, còn dưới đến kẻ chông khờ vợ dại, đảng dữ phe hung, ác thọ chung, chỉ biết ăn năn sự tội lỗi, niệm danh hiệu Phật A Di Đà và một lòng quy hướng về Tịnh Độ thì cũng đều được vãng sanh cả. Đó có phải là cửa rộng lớn hay không?

2- Vì trong các pháp tu, chỉ có Pháp Môn Tịnh Độ dễ dàng hơn hết. Từ lúc phát tâm tu hành cho đến khi thành Phật, thử chung không có cái hạnh gì làm cho gian nan lao khổ, cũng không có cái duyên gì làm cho gian nan lao khổ, cũng không có cái duyên gì làm cho sai lạc mê lầm, chỉ giữ bốn chữ “A Di Đà Phật” cho vững vàng, cho chắc chắn, thì được thoát khỏi cõi Ta Bà, về được nơi Tịnh Độ. Do có phải là pháp dễ dàng hay không?

Cũng vì lẽ rộng lớn như vậy, lại dễ dàng như thế nên dầu bậc thông minh tài trí cũng chưa hết khỏi nghi, huống chi là người thường. Vậy biết lời khen ngợi của Ngài Vĩnh Minh là đã nghiên cứu rất ráo, chớ phải rằng quá đâu!

7/Hỏi: Phật Tổ vì độ chúng sanh mà ứng hiện ra đời, thì những người học Phật cũng phải thể theo ý mà lo làm sao cho “tổ đạo” để ra tuyên truyền giáo pháp và hóa thân các cõi để cứu độ chúng sanh mới phải; chớ như mấy người đã tổ được đạo rồi, còn cầu sanh về Tịnh độ, đó là cái chí nguyện chán khổ ham vui một mình, không biết gì đến ai. Có phải từ bi như vậy hay sao?

Đáp: Mới thấy cái trứng gà mà đã muốn cho nó gáy, và mới thấy viên đạn mà đã cầu cho có thịt ăn. Cái hy vọng ấy tưởng còn xa lắm.

Bởi vì sau lúc “tổ đạo” rồi, chẳng lẽ cái tập khí hữu lậu của ta trừ hết liền mà không thoái chuyển được. Chẳng lẽ không học thêm các sự tu hành chứng quả trong Phật pháp cho đủ mà được, lại cũng chẳng lẽ sánh bằng các Phật, lộn vào trong cảnh giới sanh tử, không bị các duyên ngăn ngại được?

Nên cổ giáo có nói rằng: Bậc Thanh Văn khi xuất thai còn phải ám muội, và bậc Bồ Tát lúc cách âm còn không hiểu biết; huống chi người đời nay: **giới** được chút ít, **tổ** được chút định; tự cứu không được, mong cứu ai được hay sao?

Giả như thật có người “tổ đạo” được sâu xa, kiến thức siêu việt và hạnh giải hoàn toàn, chí nguyện hay nóng nãy, về sự độ nhân thì cũng rất tốt. Nhưng e chưa lên được địa vị bất thoái, lực lượng chưa sung, lại ở nhằm đời ác trược, độ những kẻ cang cường, không khác nào đem chiếc thuyền đóng chưa xong, trét chưa kỹ, mà chở số đông người

qua biển đang lúc “gió hung, sóng dữ”, thì chắc không khỏi chìm bỏ mạng với nhau một chỗ.

Cho nên trong **Vãng Sanh Luận** có nói rằng: *“Muốn chơi giỡn ở nơi đường địa ngục thì phải sanh được về cõi kia, lúc chứng bậc “Vô Sanh Nhân” rồi, mới trở lại trong cảnh sanh tử, cứu khổ cho chúng sanh được”*. Vì nhân duyên ấy nên phải cầu sanh về Tịnh độ.

Chúng ta phải biết rằng: Nếu người học đạo mà “chưa hiểu thấu rõ cái nguồn cội của tự tâm và vạn pháp” thì không thể nào rời Phật ra được. Ví dụ như: con còn nhỏ tuổi phải nương theo mẹ, chim còn yếu cánh phải chuyền theo nhánh. Đó là lý tất nhiên như vậy.

Nay chúng ta ở về khoảng thời gian này, đức Thích Ca thì nhập diệt đã lâu rồi, còn đức Di Lặc thì chưa tới kỳ xuất thế, như con không cha biết lấy ai mà nương dựa, như trò không thầy biết lấy ai mà hỏi han, vắng trước quạnh sau, đã thành ra cái hiện trạng cô lập.

Sở dĩ trong đường khổ thú bị gây nhân quả buộc ràng: *“nào cảnh tà ma lăm chuyền thị phi rối loạn, nào tiếng hay sắc đẹp mê hoặc trăm phần, nào đảng dữ phe hoang phỉnh phờ đủ cách”*, làm cho những người mới vừa “tỏ đạo”, đều nhân đó mà phải thoái lui, phải hư hỏng, không biết là bao nhiêu rồi.

Vì vậy nên Đức Phật Thích Ca mới ân cần chỉ nẻo Tây Phương Cực Lạc làm chỗ quy hướng cho chúng ta được về đó hưởng cảnh giới thanh tịnh, khỏi sự nhiễm ô, nghe tiếng pháp nhiệm mầu, mau phần tỉnh ngộ; rồi nhờ Đức Phật A Di Đà hiện tiền thọ ký cho, về sau mới được thân tự tại ứng hiện muôn loài, tùy theo phương tiện mà hóa độ tất cả chúng sanh .

Đến lúc ấy, dầu cho gặp cảnh nghịch hay là cảnh thuận, cũng không thể nào đánh đổ được cái nhân lực của ta nữa cả. Sự lợi ích đã hiển hiện ra như vậy, có lẽ nói: ta “tỏ đạo” rồi mà không chịu cầu sanh về Tịnh độ được hay sao?

Trong kinh Quán Phật Tam Muội có nói: Ngài Văn Thù thuật chuyền tu nhân đời trước rằng: Ngài chứng được Pháp Niệm Phật Tam Muội, thường sanh về cõi Tịnh độ.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Trong 10 điều nguyện lớn nhất của Ngài Phổ Hiền, có câu rằng:

“Ta nguyện trong lúc lâm chung

Trừ hết mọi điều chướng ngại

Thấy rõ đức Phật Di Đà

Liên sanh về Tịnh độ”.

Còn trong Khởi Tín Luận nói: Ngài Mã Minh có cái nguyện cầu sanh.

Và trong Vô Lượng Thọ Luận lại nói: Ngài Thiên Thân có cái tâm nguyện vãng sanh .

Cho đến trong kinh Bảo Tích nói: Phật ấn hứa cho phụ vương là vua Tịnh Phạn và bảy vạn người trong tộc của Ngài đồng sanh về cõi An Dưỡng.

Trong Kinh Thập Lục Quán nói: Phật chỉ cho bà Vy Đề Hy và năm trăm người thị nữ đồng thấy Phật A Di Đà v.v...

Từ đó về sau, như bên nước Trung Hoa, Ngài Huệ Viễn Thiên Sư lập Liên Xã chuyên tu Tịnh độ, Ngài Viên Chiếu Thiên Sư cùng không biết bao nhiêu Ngài khác nữa, đều xiển dương thuyết ấy, nào những kẻ tăng người tục, trước sau nối nhau, cầu sanh về cõi Cực Lạc, không kẻ xiết được.

Ta hãy lấy công tâm mà xét, kìa như Ngài Văn Thù, Ngài Phổ Hiền là bậc đại Tổ Sư, mà còn cầu sanh về Tịnh độ, nguyện thấy Phật A Di Đà thay, huống chi người “tổ đạo” ngày nay là đứng về địa vị nào, mà không chịu cầu sanh về Tịnh độ. Nói như vậy, chẳng là chỗ “chứng ngộ” của mấy người ấy hơn được các Ngài đã kể trên hay sao?

Còn vua Tịnh Phạn, bà Vy Đề Hy và các người trong tộc của Phật, đã chứng được bậc “Vô Sanh Pháp Nhân” trong lúc hiện tiền rồi, Phật còn bảo cầu sanh về Tịnh độ thay, huống chi người đời nay đã thành tựu được cái “nhẫn” ấy chưa, lại đảm đương trách nhiệm nhập tục độ sanh?

Ồi! Những người “tổ đạo” chưa thấu nơi thấu chốn và cái chí nguyện quá cao và chỗ hy vọng quá đáng ấy tưởng đã không hóa độ gì được ai, phần mình lại thêm hư hỏng cái căn lành, rồi xa chìm trong biển khổ nữa, thật đau đớn thay! Đáng thương xót thay!

8/Hỏi: Tâm là Tịnh độ, tánh là Di Đà, lý thuyết ấy mới hợp theo cái bản thể chân thật của ta, không trong, không ngoài, không riêng, không khác, như vậy là đúng. Thế mà trong kinh luận lại nói: “Tịnh độ là nước Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật: còn Di Đà là ngôi Giáo chủ ở trong nước Cực Lạc. Vậy chẳng là ngoài tâm còn có cửa riêng, ngoài tánh còn có Phật khác hay sao?

Đáp: Nếu nói như vậy, thật là chưa rõ cái thể lượng rộng lớn của tâm.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Từ sắc thân cho đến núi sông, đất liền, và cõi hư không, đều là vật ở trong Chân Tâm màu nhiệm sáng suốt của ta”. Kinh ấy lại nói: “Mười

phương hư không sanh trong tâm, cũng như đám mây dính ở giữa hư không”. Vậy thì Tịnh độ ở ngoài mười vạn ức cõi Phật ấy có phải là cõi nào riêng; còn đức Di Đà ở trong nước Cực Lạc kia có phải là Phật nào khác, ngoài đấng cái tâm của ta đâu!

Còn tâm tức là Tịnh độ, ngoài độ không tâm, cũng như các hạt bụi nương theo cõi đất liền, có hạt bụi nào mà chẳng gọi là đất được.

Cho nên vi trần quốc độ trong mười phương cũng y như nơi tâm ta mà thành lập, và hằng sa chư Phật trong tâm thể cũng do nơi tánh ta mà phát sanh.

Vậy thì nước Cực Lạc ở ngoài vạn ức cõi Phật, có gì không phải là Tịnh độ của duy tâm; ngôi giáo chủ ở trong nước Cực Lạc, có gì không phải là Phật Di Đà của tự tánh.

Xét như một cái tâm chứa đủ mười cõi, hiện cả muôn pháp như vậy, thì tâm với độ vẫn không ngăn ngại, Phật với chúng sanh nào có riêng khác.

Chúng sanh ở trong tâm của chư Phật, còn chư Phật ở trong tâm của chúng sanh, đâu đâu cũng là Tịnh độ, niệm niệm đều là Di Đà. Sở dĩ Phật hằng sa kiếp chúng sanh trong thập phương luôn luôn, mà không dời gót khỏi Liên tọa; **còn chúng sanh hằng sanh về nước Cực Lạc mãi mãi**, mà không đem thân ra khỏi hồng trần. Cái lý “Tâm độ dung thông, sanh Phật bình đẳng”, rõ ràng như vậy, còn có cái gì nghi hoặc cho ta nữa đâu!

Ôi! Cái tâm Tịnh độ và cái tánh Di Đà ấy, đã biết rằng ai ai cũng sẵn có đủ; nhưng chưa tới địa vị đó thì không thể nói được.

Chúng ta thử xem như cõi Ta Bà này có những đất vàng, ao báu, sen ngọc, **cây huỳnh** hay không? Hay là cõi núi, rừng, đất, đá, hầm, hố, chông gai đó?

Trong cõi này lại có “**sáu thú, bốn loài, ba đường, tám nạn**”, có phải là cảnh vui của chư Phật hay không? Hay là chỗ chúng sanh thọ khổ đó?

Còn thử xem Phật A Di Đà, thì từ quốc độ của Ngài cho đến sự sống lâu, sáng suốt, từ bi, thệ nguyện, trí huệ, thần thông, và phân thân thuyết pháp độ sanh, thấy đều là trang nghiêm cụ túc tất cả. Vì vậy thì chúng ta hãy xét lại coi, phận mình có được sẵn đủ như vậy hay không?

Nếu đủ, thì tha hồ muốn nói tánh, nói dọc nói ngang gì cũng được, thí như người học nghề cầm gươm hay cầm gươm múa giữa hư không, thì muốn chém trái chém phải, chém ngược, chém xuôi gì cũng không đụng chạm đâu cả.

Còn như chưa sẵn đủ như Ngài, mà tự xưng là Di Đà, ví như chẳng khác một tên dân ngu hèn, mà có mộng đế vương, chắc có lẽ bị phạm tội tru diệt, chớ không phải sự tầm thường.

Vậy chúng ta không nên theo lý mà mê sự, nói tánh mà quên tướng, và nhất là chấp mê mà chiêu cái tội báng pháp, dầu ngày sau muôn Phật ra đời, cũng không thể nào cứu được.

9/Hỏi: Chư Phật ở trong mười phương, thì chúng sanh ta thân cận với Ngài nào cũng được, có sao lại cứ tôn vinh một mình đức A Di Đà mà bảo phải niệm và phải cầu Ngài là lý gì?

Đáp: Cứ theo lý tánh mà bàn thì đức Phật A Di Đà và tất cả các Phật cũng đồng một thân một trí, và chỗ ứng dụng vậy, chớ không phải khác, nên phần thân cận của chúng sanh đối với Ngài nào lại không được.

Nhưng nói về phần đức dụng, thì Phật A Di Đà có 3 cái nguyên nhân, làm cho thập phương chư Phật cũng đồng khen ngợi và đồng tôn vinh, sự quan niệm của chúng ta đối với Ngài lại càng mật thiết hơn nữa.

Sao lại gọi là 3 nguyên nhân?

1. Vì chỗ nhân địa về đời quá khứ của Ngài có phát lời thệ nguyện rất lớn. Xin được kể dưới đây:

“Nếu khi ta thành Phật, có chúng sanh nào muốn sanh về nước ta, hoặc nghe cái danh ta, tu các sự lành hay là xưng hiệu ta từ một cho đến mười niệm mà không được vãng sanh thì ta thề chẳng chứng bậc Chánh Giác. Bằng như chúng sanh nào đã về nước ta rồi, mà còn sự thoái chuyển, không quyết định thành Phật được, thì ta cũng thề chẳng chứng bậc Chánh Giác”. Vậy nên gọi là nguyện lớn.

2. Vì Ngài có nhân duyên với chúng sanh ở cõi này.

Khi Phật Thích Ca tại thế thì những chúng sanh nghe lời giáo hóa của Phật mà quy hướng về đức Di Đà, cũng đã nhiều đến vô biên vô lượng.

Còn khi Phật nhập diệt rồi, thì những chúng sanh ở đời mạt pháp, nào là kẻ tăng người tục, kẻ sang người hèn, nào là đàn ông đàn bà, con trai con gái, hễ có nghe được Phật giáo chút ít, chẳng có ai là người không tin tưởng về cái thuyết “Cầu sanh Tịnh độ” cả.

Dẫu cho những hạng người ngu bạo ác không tin gì cả, mà khi thấy cái cảnh nguy hiểm khốn nạn, hay là phát ra lời khen ngợi ta oán gì, hễ mở miệng thì tự nhiên đã kêu “A Di Đà Phật”.

Đó là không ai khuyên mà nói ra, chẳng ai dạy mà làm được, chẳng phải là có nhân duyên với chúng ta hay sao?

Vả lại Phật nói trong kinh Vô Lượng Thọ rằng: *“Ta nói kinh này khiến cho thấy được thân tướng và quốc độ của Phật Vô Lượng Thọ, hễ việc nên làm thì phải cầu mà làm, chớ không được lấy cớ ta diệt độ rồi mà sanh lòng nghi hoặc. Qua đến đời sau thì các kinh diệt hết, nhưng ta vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, nên chỉ lưu lại kinh này trụ thế một trăm năm. Nếu ai được gặp, thì tụy chổ ý nguyện của mình, đều nhờ thần độ thoát tất cả”*.

Phật lại nói nữa rằng: *“Sau khi kinh này diệt rồi thì Phật pháp toàn không có nữa, chỉ lưu lại có bốn chữ ‘A Di Đà Phật’ mà cứu độ chúng sanh đó thôi. Nếu ai không tin mà chê bai, thì phải đọa vào địa ngục mà chịu những sự thống khổ”*.

Cho nên Ngài Thiên Thai nói: “Phải biết đức Phật kia rất có duyên với đời ác thế này”. Vậy nên gọi là có duyên.

3. Vì sự giáo hóa của đức Di Đà có phần tương quan với Phật Thích Ca.

Trong kiếp quá khứ thì đức Di Đà làm ngôi chuyển luân vương, tên là Vô Tránh Niệm, còn đức Thích Ca thì làm quan đại thần tên là Bảo Hải. Hai vua tôi đồng ở nơi thời kỳ Đức Phật Bảo Tạng mà phát Bồ Đề Tâm.

Khi ấy, đức Thích Ca thì nguyện ở cõi Ta Bà, đem những sự uế trước, sự cực khổ, sự thọ ích và sự tà ma não loạn mà giáo hóa chúng sanh, khiến cho nhàm chán xa lìa, mong thoát khỏi vòng sanh tử.

Còn đức A Di Đà thì nguyện ở cõi Cực Lạc, lấy sự thanh tịnh, sự an vui, sự sống lâu, và sự không thoái chuyển mà bày tỏ cho chúng sanh, khiến cho họ đều khởi lòng ham mộ, rồi đem về cảnh giới vô vi.

Xem như vậy, thì biết sự hóa đạo của hai Ngài, thực là có phần liên quan đến nhau.

Vả lại, đang thời kỳ đức Thích Ca hiện thế, nói kinh Tam Thừa giáo hóa chúng sanh, thì những số mà Ngài chưa độ được, đức A Di Đà độ cả. Cho nên trong các kinh Đại thừa, Phật hằng ân cần khen ngợi, khuyên bảo về sự vãng sanh là vì thế. Vậy nên gọi là tương quan.

Chúng ta phải biết rằng: Cũng bởi có ba nguyên nhân đã nói trên đó, nên chư Phật trong tam thế cũng chỉ tôn vinh đức A Di Đà, mà chúng sanh cả mười phương đều nguyện sanh về cõi Tịnh độ.

Vậy chúng ta cũng nên sớm phát tâm trì niệm, gắng chí cầu sanh, đến một ngày kia hầu dựa kề bên bóng quang minh, mà nương gởi cái thân thanh tịnh, tỏ lòng chân giác và chứng quả vô sanh. Khi ấy mười phương chư Phật cũng đồng thọ ký cho ta, chớ đợi gì ta phải thân cận. Như vậy chẳng là chính đáng hay sao?

10/Hỏi: Nếu người tu hành chán bỏ chỗ khổ, ham tới chỗ vui, thì tâm còn nhiễm trước sự thương sự ghét, phân biệt “cảnh tịnh, cảnh uế” như vậy, e chưa phải là chánh đáng chăng?

Đáp: Ôi! Sự nhiễm trước ấy không phải như các món nhiễm trước ở thế giới; còn sự phân biệt ấy không phải như các thứ phân biệt về vọng tưởng. Chính là một phương pháp “Chuyển phàm thành thánh” rất quý báu của chư Phật trong mười phương đã từng làm và đã từng dùng, dạy bảo chúng sanh làm theo cách chứng nghiệm vậy.

Chúng ta phải biết rằng: Nếu không chán bỏ cái khổ và cái uế ấy, làm sao chuyển được thân phàm? Còn nếu không ham muốn cái vui và cái sạch kia, làm sao thành được bậc thánh?

Cho nên từ phàm phu mà được dự vào thánh vị, rồi do thánh vị lần đến bậc Đẳng Giác, trải mấy phen từ thấp lên cao, cũng không khỏi cái tâm **nhàm bỏ** và **uam muốn** ấy. Nếu lúc nào chúng ngời Diệu Giác là cực quả rồi, thì khi ấy mới dứt hết điều lấy bỏ mà thể lý vô vi được.

Nên tiên đức nói rằng: “Nếu trong cái **lấy bỏ** ấy cùng cực rồi thì đối với cái không **lấy bỏ** kia cũng chẳng khác là vậy đó”.

Pháp môn Tịnh độ là một **khế cơ** ứng hóa của đức Thích Ca và đức A Di Đà đồng tạo lập ra. Phật này chỉ bảo cho chúng sanh chán bỏ chỗ khổ, còn Phật kia thì dắt dẫn chúng sanh về tới chỗ vui.

Nếu ta do cái tâm phân biệt lựa chọn ấy mà lìa được cõi này, về được cõi kia, rồi nhờ lấy thắng duyên đó mà thẳng tới lúc thành Phật, thì sự **lấy bỏ** có phụ phàng gì với ta đâu.

Thí dụ một chuyện này thì đủ hiểu. Giả như ta ở nhàm chỗ bùn lầy dơ bẩn, đi đâu thì cũng thấy tay lấm chân bùn, thân hình lem luốc, không có cái gì là quang cảnh vẻ vang. Nếu có người chỉ cho ta một chỗ cao ráo sạch sẽ, có khe nước trong treo hằng năm chảy hoài, rồi bảo ta tới đó mà ở, trước là tắm gội cho hết sự ô nhiễm trong thân

hình, sau là an hưởng phần sinh hoạt cho được tiêu sái, v.v.. Vậy ta có nghe lời theo hay không?

Nếu ta nói: Bỏ chỗ dơ, đi tới chỗ sạch, thì tâm ta còn lựa chọn, chưa phải là tự nhiên, mà ta cứ đành chịu dơ vậy hoài, thì cái tâm ấy tức là tâm cố chấp.

Còn như ta nghe người nói, mà trong lòng vui mừng hơn hờ, **nôn nóng** đi tới cảnh khe trong nước tốt kia, để làm chỗ tắm, rửa sạch cái thân dơ bản luân thể, thì trong lúc ta sạch rồi đó, nghĩ coi còn có tâm gì lựa chọn nữa hay không?

Vậy thì biết rằng: Nếu còn có sạch, có dơ, có khổ, có sướng, đối đãi với nhau, thì tâm còn có chán, có ưu phân biệt, lựa chọn. Chớ như thật hết dơ rồi, và không tự biết cái gì là sạch nữa, thì tâm **lấy bỏ** đâu còn mà chúng ta cần phải cố chấp như vậy.

11/Hỏi: Nếu niệm Phật mà sanh về Tịnh độ, thì chẳng là trái hẳn với cái lý vô sanh chăng? Huống chi người đời nay, ai ai cũng nghi nước Cực Lạc xa cách đến mười vạn ức cõi Phật e lúc lâm chung khó nổi đi đến đó được, thì lấy cái thuyết gì mà nói cho họ hiểu được?

Đáp: Ngài Thiên Thai nói rằng: “Người trí hăng hái cầu sanh về Tịnh độ nhưng thông suốt cái tánh thể vẫn không có, tức là sanh mà thật không sanh. Còn kẻ ngu thà bị cái sanh ấy ràng buộc, hễ nghe nói sanh thì chắc rằng sanh thật; chớ có biết sanh tức là không sanh, mà không sanh tức là sanh đâu.

Ngài Trường Lô nói rằng: “Lấy sanh làm sanh thật, tức là lỗi về phần **thường kiến**, lấy không sanh làm không sanh thật, tức là lầm về **đoạn kiến**. Còn như sanh mà không sanh và không sanh mà sanh, ấy mới thật là nghĩa đế thứ nhất”.

Ngài Thiên Y lại nói rằng: “Sanh thì quyết định sanh, mà đi tới thì thật không đi tới đâu cả”.

Cứ như lời nói của ba Ngài dẫn chứng trên đây, thật ý nghĩa rất minh bạch. Vậy nay xin lấy hai chữ “**Tánh tướng**” mà giải rõ cái lý “sanh và không sanh” ra dưới đây:

Cái Diệu Tánh Chân Như của ta vẫn là thanh tịnh như gương sáng, **như nước trong**, không động, không lay, không đi, không tới, đó là nghĩa “Không sanh”. Nhưng vì nhân duyên hòa hợp mà hiện có cái tướng “sanh”, cũng như tượng ở trong gương, bóng ở trong nước, đó nghĩa là “sanh”.

Bởi Tánh hay hiện Tướng, cho nên không sanh mà tức là sanh; còn Tướng do nơi Tánh mà hiện ra, chớ tự thể không có, cho nên sanh mà tức không sanh. Như vậy thì biết sự sanh về Tịnh độ có trái gì với cái lý vô sanh đâu!

Chí như sự nghi cỗi Cực Lạc là xa, thì trước đã nói: Ngoài tâm không độ, ngoài độ không tâm, là hết lý rồi; còn có chuyện gì mà nói nữa.

Chúng ta chỉ nhận làm cái tâm ở trong xác thịt mà chẳng biết tâm lượng của ta vẫn là to lớn; thập phương hư không tuy rộng, mà cái tâm ta bao trùm hết thảy; hằng sa chư Phật tuy nhiều, mà tâm ta quán khắp tất cả.

Vậy thì mười vạn ức cỗi Phật cũng ở trong tâm ta, chớ ta phải đi đâu mà gọi rằng xa. Còn đến khi mạng chung vãng sanh thì cũng sanh trong tâm ta, chớ ta phải về đâu mà gọi rằng khó.

Trong “Quán Kinh” nói rằng: “Quốc độ của Phật Di Đà cách đây không xa”.

Còn trong “Tự Tín Lục” lại nói rằng: “Tuy cách mười vạn ức cỗi trong giây lát đi đến”.

Huống chi sự sanh về Tịnh độ cũng như người ngủ chiêm bao, thân tuy nằm tại giường, nhưng “tâm – ý - thức” đi khắp phương nọ phương kia, cái đi ấy có phải là xa đâu. Nay cứ lấy cái tâm ở trong xác thịt của người mà thí dụ như vậy, đủ hiểu:

Giả như ở nước ta sang nước Pháp, đi đường biển gần một tháng mới tới, thật xa biết bao nhiêu! Nếu có người nào lâu nay tuy chưa đi tới mà đã từng xem sách, hay là nghe kẻ khác thuật chuyện cảnh trí và nhân vật ở bên nước Pháp lại ghi nhớ vào tâm, rồi ngày sau, bất luận trong lúc “đi, đứng, nằm, ngồi” hễ chợt nhớ đến chuyện bên nước Pháp, thì tự nhiên tâm nghĩ tới liền.

Nếu chúng ta biết lấy đó mà so sánh, thì cái lý “sanh về Tịnh độ” cũng dễ và cũng mau như vậy chớ không khác gì.

12/Hỏi: Trong Quán Kinh nói rằng: “Hoặc có kẻ chúng sanh nào làm những sự ngũ nghịch thập ác, đủ điều bất thiện, đáng lẽ bị đọa vào địa ngục mà thọ khổ, nhưng đến lúc lâm chung gặp người tri thức khuyên bảo niệm “Nam mô A Di Đà Phật” mười lần rồi cũng vãng sanh về Tịnh độ, thì có lý gì mà lại được dễ như thế?

Đáp: Cứ như trong Quán Kinh nói đó, là vì niệm Phật được tiêu tội lỗi và lại nhờ có nguyện lực rộng lớn của Phật A Di Đà, nên được vãng sanh.

Nay giải thích thêm 3 nghĩa như dưới đây:

1. Những người đến lúc lâm chung, là sự bỏ thân rất gấp. Vì gấp nên sợ, vì sợ nên niệm, tuy có ít mà tâm quyết đoán, sức dũng mãnh gấp hơn ngày thường đến ngàn vạn ức phần, cảm đến Phật, tiếp dẫn cho vãng sanh.

2. Những người tuy là tạo ác, mà lúc hiện tại đã thường tu pháp tam muội nên khi lâm chung, gặp người khuyên bảo niệm Phật, thì định tâm để được thành tựu, hay là lúc hiện tại không tu, mà nhờ có thiện nghiệp kiếp trước nên khiến người trí thức khuyên bảo được thập niệm thành công như vậy.

3. Nếu những người ấy không phải thiện nghiệp kiếp trước và không phải hiện tu kiếp này thì trong lúc niệm Phật, chắc có lòng hối tội rất thiết nên niệm Phật được nhất tâm, vãng sanh về Tịnh độ được.

13/Hỏi: Những người ở đời ngũ trược ác thế này, nếu không phạm tội lớn, thì cũng phạm tội nhỏ, chớ ai lại khởi được: hằng không sám hối cho tiêu diệt mà chỉ niệm Phật trong lúc lâm chung, chắc có thể vãng sanh được không?

Đáp: Nếu trong lúc lâm chung mà giữ được chánh niệm thì toàn nhờ cái nguyện lực rộng lớn của đức Phật A Di Đà, chắc được phần vãng sanh.

Trong kinh Na Tiên nói rằng: “Nếu chất trăm cục đá lớn để lên trên thuyền, nhờ sức thuyền chở khỏi chìm; nếu không có thuyền thì dầu một viên đá nhỏ cũng phải bị chìm.

Đó là thí dụ về những người ở thế, nếu một đời làm ác mà lúc lâm chung biết hồi tâm niệm Phật thì chẳng đọa vào địa ngục. Còn như người không chịu niệm Phật, tuy làm điều tiểu ác, cũng phải đọa vào địa ngục, huống chi là đại ác”.

Vậy thì biết rằng: Phật lực ví dụ như chiếc thuyền, còn ác nghiệp thì như cục đá. Lý cũng rõ ràng như vậy: tưởng không sợ gì nghi nữa.

VD1: Cõi như thưở xưa, người ở Châu Phần lấy nghề giết trâu mà làm phương kế sanh nhai, đến lúc lâm chung thấy một bày trâu theo húc báng trong thân thể, đau đớn vô cùng.

VD2: Còn Trương Chung Quý lấy nghề làm thịt gà độ nhật, đến khi gần chết, thấy một vị thần nhân lừa bày gà vô mỡ hai con mắt, máu chảy đầy giương, hai người ấy ác nghiệp rất nặng như vậy, biết hồi tâm niệm Phật, rồi cũng đều được vãng sanh về Tây Phương cả. Vậy chẳng phải là nhờ có nguyện lực của đức Di Đà hay sao?

Cho nên trong sách **Tây Tư Sao** nói rằng: “Sự được sanh về Tịnh độ là nhờ có Phật lực: Đức Di Đà thì nguyện tiếp dẫn, đức Thích Ca thì khuyên khen, còn các đức Phật khác thì hộ niệm, cũng như người đi qua biển lớn, đã được chiếc thuyền to, lại có người dẫn đường và gặp được gió thuận nữa, chắc mau tới bên bờ kia được”.

Nay chúng ta muốn qua khỏi biển sanh tử, để tới cõi Niết Bàn, vậy có chịu lên thuyền đại nguyện mà đi, hay là đành một bề chấp mê ở trong dòng ngũ trược này thọ khổ?

14/Hỏi: Những người một đời tạo ác để đến lúc lâm chung mới niệm Phật, rồi cũng nhớ cái nguyện lực của đức Di Đà tiếp dẫn cho vãng sanh, không thoái chuyển nữa, vậy thì chúng ta cứ lo làm việc thế gian, để đợi lúc lâm chung rồi sẽ niệm Phật được không?

Đáp: Câu hỏi ấy chẳng những làm chính mình mà, lại còn làm cho kẻ tăng người tục, không biết bao nhiêu người làm nữa.

Trong khoản trước đã nói rằng: Những kẻ nghịch ác phạm phu, lúc lâm chung niệm Phật được vãng sanh, là nhờ có “thiện căn, phước đức” ở nơi kiếp trước, nên mới khiến gặp được người tri thức dạy bảo cho mà biết đường niệm Phật. Những bọn ấy là bọn gặp may, trong vạn người không được một hai, chớ phải là ai ai cũng được như vậy đâu!

Trong sách **Quần Nghi Luận** có nói rằng: “Trong đời, những người đến khi chết không niệm Phật được có mười hạng kẻ ra dưới đây:

- 1/ Hoặc chẳng gặp người tri thức nên không ai khuyên niệm Phật.
- 2/ Hoặc nghiệp khổ buộc trong thân thể nên không rảnh mà niệm Phật.
- 3/ Hoặc trúng gió tắt tiếng, nên không xưng niệm hiệu Phật được.
- 4/ Hoặc cuồng loạn trong tâm trí nên niệm Phật không được.
- 5/ Hoặc bị chết chìm chết thiêu nên không kịp niệm Phật.
- 6/ Hoặc gặp nạn hùm gấu lại không ai nhắc bảo mà niệm Phật.
- 7/ Hoặc gặp kẻ ác hữu khuyên những sự tà rồi tin theo mà không niệm Phật.
- 8/ Hoặc ăn no quá độ rồi bị hôn mê mà chết nên không niệm Phật được.
- 9/ Hoặc bị chết trong trận giặc mà không kịp niệm Phật.
- 10/ Hoặc té xuống núi cao mà chết, nên không niệm Phật được.

Những sự chết hại người đã nói trên đây, lâu nay ai ai cũng từng tai nghe mắt thấy, chẳng luận là kẻ tăng người tục, kẻ già người trẻ. Nếu bị nghiệp đời trước xảy tới, hay là nghiệp đời nay xảy ra, thì ai gặp phải chịu lấy, chớ không thể trốn tránh cho khỏi.

Chúng ta không phải là người đã được “túc mạng thông”, làm sao biết chắc rằng lúc lâm chung có nghiệp hay là không nghiệp? Lại cũng không được “tha tâm thông” và

“Thiên nhân thông”, làm sao biết chắc rằng lúc lâm chung chết tốt hay là chết xấu, để ngăn ngừa trước.

Nếu có xảy ra một cách chết như 10 hạng người đã kể trên đó, thì dẫu cho các bạn tri thức đứng vây bốn phía mấy trăm mấy ngàn người đi nữa, thì cũng không thể gì cứu kịp rồi, phải đi theo nghiệp duyên mà thọ những điều tội khổ. Đến lúc ấy, cần nghe danh hiệu của Phật cũng không được, hưởng chi là niệm.

Giả như chúng ta chỉ đau bình thường, chứ không có ác duyên gì lạ, thì cũng không khỏi con dao gió cắt đứt trong thân thể, làm cho tứ đại chia lìa, như rùa bị lột mai, như cua bị nhúng trong nước sôi. Trong lúc đau đớn và sợ hãi ấy, chúng ta cũng không thể gì niệm Phật được.

Giả như không đau mà chết, vì bị việc đời chưa rảnh, dục niệm còn vương, rồi tham sống sợ chết, rồi loạn tâm thần, của cải chưa chia, việc sau chưa tính, vợ than con khóc, trăm mối ưu sầu thì cũng không thể niệm Phật được.

Giả như trong lúc chưa chết, có chịu chút bệnh gì, chịu khổ không được, bực tức rên la, kiếm thuốc tìm thầy, trăm phương cầu khẩn, nghĩ tưởng xằng bậy, tạp niệm luôn luôn, thì không thể gì niệm Phật được.

Giả như trong lúc chưa đau, vì tuổi tác lớn, thân thể gầy mòn, chân yếu gối dòn, mắt lòa tai điếc, buồn rầu than thở, khôn đoán trăm phần, rồi ngày kia tháng nọ, chỉ lo sắp đặt những công chuyện ở trên cái thân suy lão ấy không rồi, có đâu mà niệm Phật được.

Giả như trong lúc chưa già, chính là thời kỳ đang trẻ mạnh, bị tình trần chưa hết, việc tục còn đeo, nay tính sự này, mai toan sự nọ, nghĩ quần lo quanh, theo đường nghiệp thức, cũng không rảnh rang mà niệm Phật được.

Giả như không vướng việc đời theo phần học đạo, thanh nhàn tự tại, quyết chí tu hành, lại bị những sự hiện tượng trên thế gian có chút gì xét không thấu, buông không rời, nắm không vững, dứt không dứt, thì cũng không thể gì định tâm mà niệm Phật được.

Nên chúng ta hãy xét coi như trong: “lúc già, lúc bệnh, lúc trẻ mạnh, và lúc thanh nhàn” đã nói trên đây, mà có một sự gì vương vấn trong lòng, còn niệm Phật không được thay, hưởng gì đợi lúc lâm chung và để lo cho hết thế gian rồi sẽ niệm Phật có phải là tính lầm hay không?

Ôi! Sự nghiệp trong thế gian như chiêm bao, không có cái gì là thật cả và cũng không có cái gì là thể được sự sanh tử; dẫu chúng ta có làm chùa to lớn, chứa của cho

nhiều, chưa rõ biết được sự sanh tử, đi lại cũng kết thành một cái gốc khổ. Đến lúc nhắm con mắt rồi, chịu nổi đắng cay, chúng ta mới biết lại chỗ hành vi trong lúc thường ngày đều là dưới vạc dầu sôi mà thêm than thêm củi, trên rừng grom bén thêm mác thêm dao, hễ mất thân người thì muôn kiếp khó có lại được.

Vậy nên Phật Tổ tìm hết cách phương tiện mà dẫn, cạn hết lời trung khúc mà tỏ bày, đều khuyên bảo chúng ta phải sấn tới trong lúc chưa già và chưa bệnh, ném quăng thế sự, chui mài thân tâm, hễ được quang cảnh một ngày, niệm Phật hiệu trong một ngày, hễ được công phu một buổi, tu tịnh nghiệp trong một buổi, chớ có ai bảo đợi hết công việc để đến lâm chung rồi sẽ niệm Phật như thế đâu?

Ngài Tử Tâm Thiền sư có nói rằng: “Trong thế gian có nhiều kẻ của tiền như núi, thê thiếp đầy nhà, ngày xem hoa, đêm thưởng nguyệt, cuộc cờ trường hạ, chén rượu du xuân, cùng cực nổi phong lưu hào hứng, họ cũng muốn sống lâu hưởng thọ những điều khoái lạc ấy”.

Nhưng cái “số mạng hữu hạn” cứ thôi thúc những “sự già” và “sự yếu” mà mình không hay, một mai con quý vô thường tới nơi thì quyết định phải đi, chớ không thể gì hèn hò và chậm trễ trong giây lát được.

Tưởng những sự ấy, bất kỳ ai mắt cũng từng thấy, tai cũng từng nghe, nào kẻ tuổi xuân sanh, nào người sức mạnh, đã chết không biết là bao nhiêu.

Nên cổ nhân nói rằng: “Chớ đợi đến già rồi niệm Phật, mờ hoang biết bao kẻ tuổi còn xanh”.

Vậy thì chúng ta có thể hèn đến lúc lâm chung rồi sẽ niệm Phật được không.

Nếu chúng ta biết nghĩ rằng: Người ở đời dẫu cho thọ trăm năm, thắm thoát cũng chẳng mấy giây, ví như lửa trong đá, ví như ánh chớp giữa trời, thấy đó rồi mất đó chứ không ích gì cả.

Vậy ta phải tiến tới trong lúc “chưa già” và “chưa bệnh” mà xa lìa thế sự để lo sửa thân tâm. Hễ được quanh cảnh một ngày thì ta niệm Phật hiệu một ngày, hễ được công phu một buổi thì ta tu tịnh nghiệp một buổi, tha hồ đến lúc lâm chung, chết tốt hay là chết xấu, sự sắp đặt của ta vững vàng, đường quy hướng của ta cũng đã nhất định. Như vậy chẳng phải là an tường tự tại hay sao?

15/Hỏi: Có nhiều người cũng biết pháp môn Tịnh độ là dễ tu mà lại chắc đặng. Nhưng rủi gặp cái duyên cảnh gì trở ngại thì họ đã bỏ tu, rồi lại nói rằng: “Tịnh độ là do việc thân sau, chứ không có ích gì trong hiện tại. Như vậy thì phán đoán làm sao cho họ biết rõ?”

Đáp: Ôi! Pháp tu Tịnh độ chẳng những đến khi lâm chung được nhờ Phật tiếp dẫn vãng sanh và khỏi bị luân hồi sanh tử về thân sau mà thôi, trong lúc hiện tại này cũng là một môn rất lợi ích cho người nữa.

Bởi vì Phật pháp dạy người, như nói về phần sự tướng, chẳng qua là một việc làm lành đó thôi.

Nếu người tu Tịnh độ, tức là người ấy đã biết hồi tâm hướng thiện, tất nhiên trong lúc ngày bình thường, từ cái tâm suy nghĩ, cái miệng nói năng, cho đến cái thân ra hành động sự gì, cũng chắc là việc hiền lành cả.

Nếu “thân, khẩu và ý”, ba nghiệp ấy đã hiền lành thì tự nhiên chiếm được địa vị “thiện nhân quân tử”, người thế kính yêu, thánh thần ủng hộ, rồi do đó mà phước duyên đầy đủ, thọ mạng lâu dài. Cái hiện trạng xuân sắc trong gia đình lại một ngày một vẻ vang đẹp như gấm, tươi như hoa, trăm phần mỹ mãn. Như vậy có phải là lợi ích cho lúc sanh tiền đó hay không?

Còn như người nào bị nghiệp duyên ràng buộc và hoàn cảnh đánh đổ, làm cho không chuyên tâm tận lực về sự tu Tịnh độ, nhưng biết giữ chí cho bền và không hề thoái chuyển, cái ác duyên cũng từ đó giảm bớt và cái thiện duyên cũng từ đó mà thêm lên.

Nếu ác duyên cứ giảm mãi mà không thôi, chắc có ngày tiêu mất, còn thiện duyên cứ thêm hoài mà không ngớt, cũng chắc có lúc thuần toàn, rồi thành được cái danh vọng người hiền nhân. Như vậy có phải là lợi ích cho lúc sanh tiền đó hay không?

Rất nhiều những hạng người không biết lễ nghĩa, không sợ hình phạt, giữ thói cương cường, theo đường thế sự, mà nếu biết lấy pháp môn Tịnh độ là chỗ quy tâm, tức là biết tự xét mình mà ăn năn những sự lỗi lầm, chỗ hành vi tuy chưa chắc hợp theo đường lễ nghĩa, cũng được gần với lễ nghĩa, tuy chưa chắc vượt khỏi hình phạt, cũng được điều hình phạt, rồi lần lần thoát được cái cảnh giới tiểu nhân, về nơi môn đình quân tử. Như vậy có phải là lợi ích cho lúc sanh tiền đó hay không?

Trong kinh nói rằng: Những người thọ trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà, thì lúc hiện đời được 10 món lợi ích rất lớn như sau này:

- 1/ Ngày đêm thường có các bậc Thiên thần ẩn hình mà ủng hộ.
- 2/ Thường có 25 vị Bồ Tát như Ngài Quán Thế Âm và cả thầy các vị Bồ Tát khác nữa, hằng theo mà giúp đỡ.

3/ Thường được các đức Phật ngày đêm hộ niệm và đức Phật A Di Đà hằng phóng hào quang mà nhiếp thọ cho nữa.

4/ Tất cả các thứ quý dữ, như quý Dạ xoa, quý La sát, đều không dám hại, những loài rắn độc, rồng độc, cùng thuốc độc, cũng không thể gì làm cho nguy hiểm được.

5/ Nào những nạn lửa, nạn nước và oán thù gươm mác, cũng không hại được.

6/ Những tội nghiệp kiếp trước của mình làm cũng đều tiêu hết, còn các loài sanh vật lâu nay bị mình giết hại đó, cũng được nhờ phần giải thoát, khỏi sự oán báo.

7/ Đêm ngủ chiêm bao thường thấy những sự chân chánh, và có khi thấy được tường hảo của Phật A Di Đà nữa, chứ không khi nào thấy ác mộng.

8/ Tâm thường vui vẻ, sắc thường tươi nhuận, khí lực thường khỏe mạnh, mà hành động sự gì cũng được phước lợi.

9/ Người đời ai thấy cũng yêu quý, cúng dường và hoan hỷ lễ bái, mà kính trọng cũng như Phật.

10/ Đến lúc lâm chung, trong tâm không sợ hãi mà giữ được chánh niệm lại được thấy Đức Phật A Di Đà và các vị Thánh Chúng cầm hoa sen vàng, tiếp dẫn về nước Tịnh độ, hưởng thọ những điều khoái lạc vô cùng vô tận.

Coi qua 10 điều lợi ích của Phật đã nói trên đây, chúng ta đủ biết sự niệm Phật đã lợi ích cho lúc lâm chung, cũng lợi ích ngay hiện tại. Như vậy có phải là siêu việt hơn các pháp môn khác hay không?

16/Hỏi: Xưa nay thấy người niệm Phật thì nhiều mà vãng sanh thành Phật thì có ít là sao?

Đáp: Người đời niệm Phật thì nhiều, mà vãng sanh thành Phật lại ít, là vì có 3 nguyên nhân sau này:

1. Miệng tuy niệm Phật, mà trong tâm nghĩ lắm sự ác; vì vậy nên không được vãng sanh.

Nên biết rằng: mình là người niệm Phật, thì phải tuân theo những lời Phật dạy, tích đức tu nhân, làm điều chân chất, hiếu dưỡng cha mẹ, trung với nước nhà, vợ chồng kính nhau, giữ tâm công bình chính trực mà lập thân, lấy điều thành tín nhu hòa mà xử thế, từ bi phương tiện, thương xót mọi loài, không nên sát sanh hại vật, mà chẳng nên khinh dễ người hèn.

2. Miệng tuy niệm Phật, mà trong lòng nghĩ tưởng xằng bậy; vì vậy không được vãng sanh.

Nên biết rằng: trong lúc mình niệm Phật, thì phải dẹp bỏ các sự tư tưởng, giữ cho sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật phân minh, một lòng an định, thường nghĩ như thân mình ở tại cõi Tịnh độ, mặt mình đối với đức Phật A Di Đà, không dám chút nào tán loạn. Như vậy mới thật là niệm Phật, mà chắc được thành Phật.

3. Miệng tuy niệm Phật mà trong lòng quyến luyến cõi nhân gian và tham cầu sự phú quý; vì vậy nên không được vãng sanh.

Nên biết rằng: sự phước lạc ở các tầng trời là cực điểm, đến khi hết rồi, còn phải đọa thay, huống gì sự phú quý cõi nhân gian là giả tạm mà tham cầu làm gì cho mệt. Vậy phải nghĩ: “thân người khó được, pháp Phật khó nghe”, ngày nay được dự vào hàng nhân luân và được nghe lấy pháp môn Tịnh độ, thì hạnh phúc cho ta biết bao!


Nếu biết cố động tinh thần cho đồng mãnh, rèn đức trí nguyện cho kiên cố, rồi đem sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” in vào trong tâm trí, thì làm sao cho được vãng sanh, được thấy Phật và chứng cho được quả Vô Sanh Pháp Nhẫn mới mãn nguyện. Như vậy mới thật là người niệm Phật chắc được thành Phật.

17/ Hỏi: Niệm Phật mà được chuyên nhất vẫn là lợi ích rồi, ai lại không muốn! Nhưng ngặt vì định lực chưa thành, niệm tâm không chủ, hoặc bị cảnh duyên xúc tới mà nhẩn nại không rồi, hoặc bị tình tưởng nổi lên mà đè ép không lại, đến nỗi nghĩ sự này tính sự nọ, trong một giây một phút mà ý thức đã đi đến ngàn trùng muôn một chút ân hay là một chút oán gì, thì đến ngày kia tháng nọ, bỏ cũng không quên, dứt cũng không dứt. Như vậy thì làm cách nào trừ cái bệnh ấy cho được?

Đáp: Ôi! Đó là cái thông bệnh của người tu hành từ xưa đến nay không ai tránh khỏi.

Nhưng trong lúc niệm Phật, ta để cho nó làm gián đoạn như vậy, thì cái công phu tịnh nghiệp chắc không thể gì thành tựu được. Vậy nên có 3 điều rất đau đớn và rất quan trọng buộc mình phải nghĩ như dưới đây:

1. Phải nghĩ sự đền ơn.
2. Phải nghĩ sự quyết chí.
3. Phải nghĩ sự linh nghiệm.

 **Nói về sự đền ơn:** nghĩa là, ta đã chuyên tu theo môn Tịnh độ, phải nghĩ đền ơn Phật và ơn nước; nhưng sự đó chưa có thể bàn đến. Nay chỉ nói về: “ơn cha mẹ nuôi nấng, ơn thầy dạy bảo và ơn thí chủ” mà thôi.

+ Vì có nuôi nấng, nên chúng ta mới nên vóc nên hình, vì có dạy bảo, nên chúng ta mới biết phải biết quấy; vậy thì hai cái ơn ấy có phải là trọng hay không? Thế mà cha mẹ hay là sư trưởng ta rủi trong khi thường ngày có vương lấy tội ác gì, sau lúc mạng chung, phải bị quả báo thống khổ ở nơi tam đồ, thì chắc cũng ngày đêm trông nhờ vào cái đạo lực tu hành của ta để cứu độ cho thoát khỏi, chớ lẽ nào không? Nếu ngày nay ta niệm Phật để cho gián đoạn như vậy, chắc là Tịnh nghiệp không thành. Nếu Tịnh nghiệp đã không thành, thì ta cứu lấy phần ta chưa rồi, có đâu cứu đến cha mẹ và sư trưởng cho được. Nếu ta đã không cứu được nhau thì tức là người bất hiếu, vong ân và bội nghĩa rồi.

Kinh có dạy rằng: “Tội bất hiếu phải đọa vào địa ngục”. Vậy tâm niệm Phật gián đoạn đó, có phải là nghiệp địa ngục hay không?

+ Lại nữa: phần xuất gia của ta đủ điều sung sướng, không nuôi tầm mà có áo mặc, không cày ruộng mà có cơm ăn, cho đến nổi nhà cửa không làm mà có ở, giường phản không sắm mà có nằm; trăm ban vạn sự thọ dụng không thiếu món gì, vậy thì cái ơn thí chủ đối với chúng ta có phải là lớn hay không?

Tổ sư xưa nói rằng: “Những cửa mà người thí chủ cúng cho ông thầy thọ đó, tức là tiền giảm ăn giảm mặc của vợ con người chắt mót đem tới. Nếu làm ông thầy đạo nhân chưa rõ được, thì dầu cho họ thọ dụng một chút nước hay là một sợi tơ của người, rồi thân sau cũng làm loài trâu bò mà trả nợ, chớ không dễ gì tránh được”.

Thế mà ngày nay ta niệm Phật để cho gián đoạn như vậy, chắc là Tịnh nghiệp không thành. Nếu Tịnh nghiệp không thành chắc phải làm loài mang bừa vác ách để đền công trả nợ cho người. Vậy tâm niệm Phật gián đoạn ấy có phải cái nghiệp súc sanh không?

✚ Nói về sự quyết chí: Nghĩa là tu theo môn Tịnh độ, thì phải quyết định.

Ta nên nghĩ như vậy: “Ta thần nhiên rồi mà thiên lý chưa tỏ; ta coi kinh rồi mà kinh giáo chưa minh; lời thôi cho đến ngày nay, còn lo nói thiên, luận giáo, viết sách, làm thơ, tình rã hai đảng, niệm chia bốn ngõ. Như vậy sao phải?”

Tổ sư có nói rằng: “Nếu con hệ niệm một chút đỉnh, tức là tạo nghiệp thống khổ trong ba đường; nếu sanh tình một mảy may, tức là tạo nghiệp dâm khớp cho muôn kiếp”.

Thế mà chí khôn quyết định, tình niệm nhiều đảng, làm cho xen hở cái công phu tịnh nghiệp, vậy tâm gián đoạn ấy có phải là nghiệp “ba đường” và nghiệp “dâm khớp” đó hay không?

+ Còn như sự giữ gìn giới luật mà chỉ không quyết định, thì nhân cái thân và lỗ miệng của mình mà tham cầu lắm sự trái lẽ.


Trong kinh giáo nói: “Thà lấy nước đồng sôi đổ vào miệng, chớ không nên đem cái miệng phá giới mà thọ dụng đồ ăn uống của kẻ đàn na, thà lấy dây sắt nóng buộc mình chớ chẳng nên đem cái thân phá giới mà thọ dụng đồ y phục của người thí chủ”.

Huông chi giới chẳng tin nghiêm thì tâm càng vọng động, rồi do đó làm hỏng sự chuyên tu. Vậy tâm gián đoạn ấy có phải là cái nghiệp đồng sôi sắt nóng đó hay không?

+ Nhưng chẳng phải vậy mà thôi; lại còn sự thương sự ghét, muốn đoạn trừ mà chỉ không quyết định thì hoặc nhân cái danh lợi giả dối khám phá không ra, rồi phân biệt cái danh lợi này thuộc về ta mà sanh lòng ham muốn, cái danh lợi kia thuộc về người mà sanh lòng ghen ghét.

Cổ nhân có nói rằng: “Ham mỗi danh lợi thì đọa vào loài ngựa quý; giữ thói ghen ghét sân hận thì đọa vào chốn địa ngục hỏa khanh”.

Thế mà ngày nay, nhân sự thương ghét làm cho gián đoạn công phu Tịnh nghiệp. Vậy tâm niệm Phật gián đoạn ấy, có phải là cái nghiệp “ngựa quý và hỏa khanh” đó hay không?

 **Nói về sự linh nghiệm:** nghĩa là ta chuyên tu theo môn Tịnh độ, thì ta phải cầu sự linh nghiệm rồi mới biết.

Coi như thưở xưa Ngài Lô Sơn Huệ Viễn đại sư trong mười năm mà 3 lần thấy Phật rờ đầu. Ngài Hoài Cảm pháp sư kể khi niệm Phật thì được thấy Phật, còn Ngài Thiều Khang pháp sư hễ sớ một tiếng Phật thì đại chúng đều thấy một vị Phật ở trong miệng đi ra, Ngài sớ luôn 10 tiếng, thì cũng đều thấy đủ 10 vị Phật ở trong miệng đi ra liên tiếp như vậy.

Xét đó thì đủ biết những sự linh nghiệm đã hiển hiện ở trên mặt kính sách, không biết muôn ngàn nào mà kể xiết. Vậy chúng ta niệm Phật chuyên chú một lòng, không điều tạp niệm, thì chắc được thấy Phật, chớ không khó gì.

Nếu tâm ta còn gián đoạn thì quyết không thấy Phật. Nếu đã không thấy Phật thì ta không có duyên với Phật, nếu ta không có duyên với Phật, không sanh được về Tịnh độ và nếu không sanh về Tịnh độ thì phải chịu sanh tử luân hồi.

Chúng ta phải biết rằng: ba điều rất đau đớn và rất quan trọng buộc phải tự nghĩ như đã kể trên đây, là khiến cho tâm không rời Phật, Phật chẳng rời tâm, đạo cảm ứng giao thông, tức là hiện tiền thấy Phật.

Nếu đã thấy được Phật ở cõi Cực Lạc, tức là thấy được chư Phật ở trong mười phương. Nếu đã thấy được chư Phật trong mười phương tức là thấy được Phật “Thiên chân tự tánh” của ta rồi, tức là được diệu dụng thần thông vô lượng vô biên.

Đến khi ấy con ma nghiệp thức trôn chẳng thấy hình; ông Phật bỗng lai nhìn đã rõ mặt, thì còn cái gì là cảnh, là duyên, là tình, là tướng, là ân, là oán, là nhớ, là quên, mà làm cho ta gián đoạn được nữa.

18/Hỏi: Những môn nhập đạo cũng nhiều, duy có Thiên tông và Tịnh độ tông, tuy khác đường đồng về một ngõ.

Nhưng tham thiền lấy sự “tổ ngộ” làm kỳ hạn; hễ công phu thấu đáo thì trong lúc hiện sanh đã tổ ngộ được. Còn tu Tịnh độ thì lấy sự vãng sanh làm nhất định, mà dầu có niệm Phật cho tinh chuyên đi nữa, cũng đợi đến lúc lâm chung mới được vãng sanh. Vậy hai pháp ấy cũng có trước có sau, có mau, có chậm như thế là sao?

Vả lại tu môn Tịnh độ quán sát những câu: “Người niệm Phật là ai” và câu “thế nào gọi là bản tánh Di Đà v.v...”, đó là nói về công phu tham cứu chứ không phải kẻ bặc hạ căn làm được.

Vậy cứ giữ niệm Phật hiệu, mà muốn cho lúc sanh tiền được ngộ đạo và khi tử hậu được vãng sanh, nên làm như thế nào?

Đáp: Tham thiền với niệm Phật, đều là phương tiện của Phật Tổ dắt người nhập đạo, chứ nguyên lai không phải là hai pháp, chỉ tùy theo căn khí của người lấy môn nào cũng được.

Chí như sự trước với sự sau và sự mau với sự chậm, đó là tùy theo căn lượng của người, chứ hai pháp ấy có hơn thua và khác nhau như vậy đâu!

+ Cõi như tham thiền: cũng có kẻ do trong một cái bè, một tiếng hét, một lời nói, hay là một câu chuyện mà ngộ đạo được liền; lại cũng có người suốt một đời không ngộ, đến nỗi chờ tới hai ba đời mới ngộ được.

Cổ nhân có nói rằng: “Giả như tham cứu chưa suốt, hoặc hỏi chưa thành, dầu nghe lọt vào tai, thành hạt giống đạo hoài hoài; đời sau có sanh ra, chắc cũng một nghe ngàn tỏ, được phép “Tông trì”.

Xem như vậy, biết những người tham thiền cũng không nhất định là trong lúc hiện tại đều tổ ngộ được hết.

+ Còn như niệm Phật vãng sanh: tuy là nói về việc thân sau, song những người trong lúc hiện sanh được tổ ngộ còn ghi chép trong chuyện sử cũng nhiều.

Nên bài “Đại Thế Chí niệm Phật” trong kinh *Lăng Nghiêm*, có nói rằng: “Nhớ Phật niệm Phật, thì lúc hiện tiền hay là qua đời sau, cũng chắc nhất định thấy Phật”.

Xem như vậy biết những người niệm Phật có phải là trong lúc tại thế không được tỏ ngộ và không được thấy Phật đâu!

Chúng ta nên biết rằng: hiện nay đây không luận có tỏ ngộ, hay không tỏ ngộ, chủ yếu ngày đêm sáu thời, nhất tâm niệm Phật, đừng có một khắc nào quên, nếu có quên thì phải nhớ lại liền, rồi phát lòng đại nguyện, ra sức đồng mãnh, quyết định vãng sanh. Nếu đã được vãng sanh, thì tất nhiên tỏ ngộ.

Ngài Vĩnh Minh Thiền sư nói rằng: “Thấy được Phật Di Đà, lo gì không tỏ ngộ!”

19/Hỏi: Mỗi bữa niệm danh hiệu Phật lại kiêm đọc các kinh đại thừa nữa, pháp ấy vẫn là trăm phần chánh đáng rồi. Nhưng ngặt vì những người ở trong cuộc trần lao, khi tuổi lớn mới biết sự học đạo, vốn dĩ việc nhà rộn rục, lúc rảnh không được bao nhiêu, nếu trong một ngày mà có coi đến kinh điển, thì cũng như tính cát ở dưới biển đã vô ích mà lòng niệm Phật không được tinh chuyên. Còn cứ giữ một niệm Phật luôn luôn, thì cũng như gục mặt vào tường bị ngăn ngại, mà chỗ thấy biết không được thông suốt. Vậy ngày nay phải niệm tụng kiêm tu, hay là chỉ chuyên trì danh hiệu cũng được?

Đáp: Những người tu tịnh nghiệp, đọc tụng các kinh đại thừa, là để tỏ rõ cái tông chỉ của Phật, mở mang lý tánh và giữ lòng chánh tín cho bền, chớ chấp trệ theo câu văn nghĩa chữ làm gì, đến nỗi nhọc công tính cát vô ích như vậy.

Nay chúng ta bắt tất lựa chọn, cứ tùy theo chỗ tiện lợi của mình mà làm. Nếu ai muốn tụng kinh, thì nhân lúc niệm Phật rồi, đọc tụng nhiều ít, rồi hồi hướng về Tây Phương cũng tốt.

Còn như ai muốn chuyên trì danh hiệu mà thôi, thì cứ lo nhất tâm niệm Phật cho thường cũng được, chủ yếu làm sao chánh niệm của ta được lên đến địa vị thuần nhất đừng cho những điều tà tư tạo tướng xen lộn vào, có ngày trông thấy được hiệu quả.

20/Hỏi: “Tiên đức xưa dạy: người niệm Phật phải làm cho: “niệm mà không niệm, không niệm mà niệm”, đến khi cái “niệm” cùng cái “không niệm” trở thành một khối mới thật là chỗ công phu cứu cánh”.

Thế mà những kẻ sơ học ngày nay, đang lúc vô sự thì hoặc là chuyên niệm không, còn gặp khi rộn việc thì đã quên đi hồi nào không biết. Vậy tức là lúc

niệm mà có cái “chẳng niệm” kia đã chia làm hai rồi, làm sao trở thành một khối cho được.

Nếu nay muốn đang hồi vô sự mà cái tâm “tâm sai biệt” đừng mê, gặp lúc rộ ràng mà cái “niệm giữ gìn” còn vững, như vậy làm cách nào cho được?

Đáp: Trong pháp niệm Phật có hàm đủ: 1/ Sự niệm. 2/ Lý niệm.

1. “Sự niệm”: là nói cứ nhất tâm niệm suốt, làm cho chữ nào chữ nấy được phân minh, câu trước câu sau được tiếp tục. Hễ phân minh thì tâm không hôn mê; còn tiếp tục thì tâm không tán loạn. Nếu ta đã không hôn mê và tâm không tán loạn thì tự nhiên lâu lâu rồi thành tựu được pháp “Niệm Phật tam muội”.

2. “Lý niệm”: là một mình rõ thấu cái tâm “năng niệm” và ông Phật “Sở niệm” trong lúc hiện tiền đó, là do nhân duyên **hợp thành**, chứ nguyên chẳng phải có, đương thể vốn thật tánh không. Ấy gọi là “niệm mà không niệm” song tuy tánh là không có cái tâm “năng niệm” và ông Phật “sở niệm” hiển hiện ở trước rõ ràng, ấy gọi là “không niệm mà niệm, niệm mà không niệm”.

Nhưng nên biết rằng:

+ Niệm mà không niệm, tức là “không quán”.

+ Không niệm mà niệm, tức là “giả quán”.

Không với giả chẳng phải là hai, pháp thân hiển hiện, tức là “Trung đạo quán”.

Nếu người niệm Phật mà hợp được với quán hành ấy, thì biết Ta Bà với Tịnh Độ cũng ở một chỗ, Di Đà với Ta không phải là hai người. Hễ niệm Phật như thế, thì chắc sanh về thượng phẩm, nên tiên đức nói rằng: “Sanh thì quyết định sanh, mà đi thì thật không đi đâu cả”, là vậy đó.

Bằng như chỗ lý tính chưa rõ, mà cứ chấp trước về một bên có, thì đâu biết tới cái đạo lý “niệm mà không niệm, không niệm mà niệm” kia được. Nay chúng ta chẳng luận là “sự” hay “lý” chỉ cứ đem một câu “Phật hiệu” nhất tâm niệm hoài, thì tốt hơn.

Nên ông Bạch Hương Sơn có nói rằng: “Đi cũng A Di Đà, ngồi cũng A Di Đà, dẫu rộ như tên bắn, chẳng rời A Di Đà”.

Nếu niệm Phật được như vậy thì lâu ngày thuần thực, chánh định hiện thành, rồi tự nhiên trong thì vô sự, tâm linh cũng chẳng đến nỗi hôn mê, mà dẫu lúc rộ ràng, chánh niệm cũng không đến nỗi quên mất.

21/Hỏi: Trì giới có cái cơ sở tu hành, mà bất sát là cái căn bản của đại giới. Bởi vì nhân giới mà sanh định, nhân định mà phát huệ, cho nên giới là một món

quan trọng thứ nhất. Thế mà những người tại gia, nhiễm đã sâu, nghiệp đã nặng, bệnh tập quán vốn cũng khó trừ, vốn dĩ tuổi tác lại lớn, thân thì yếu, bệnh thì nhiều, phần nhục thật là khó dứt. Vậy lòng từ bi của Phật có tiếp dẫn được đời nghiệp vãng sanh hay không? Hay là bị nhân quả đền bù mà khó nổi thoát ra chốn tam đồ ác đạo?

Đáp: Không trì trai giới là một cái bệnh chung của người giàu sang.

Xưa Tô Đông Pha là bậc thông minh quán đời, lại thêm thông suốt Phật lý, mà còn không khỏi ăn thịt, nên Ngài Hoàng Sơn Cốc có làm bài kệ khuyên răn ông rằng: “Thịt ta thịt chúng sanh, hình khác thể khác đâu, nguyên đồng một giống tánh, vì bởi cách hình xu, đau đớn đành kia chịu, ngon béo mặt ta nhu, đừng để Diêm vương xử, mình xét coi thế nào”.

Xem như bài kệ nói trên đó, thì biết chỗ khuyên người về sự sát sanh thật là khẩn thiết.

Vậy nên những người tu Tịnh nghiệp nên tự nghĩ rằng: “Nếu ta ăn một miếng thịt, thì chúng sanh chịu không biết bao nhiêu sự thống khổ”. Vì nghĩ như vậy, nên chẳng nỡ ăn.

Chí như sự đời nghiệp vãng sanh thì chắc được, nhưng phẩm độ không cao. Vậy làm người đại trượng phu cũng không nên tự kỳ cho lên được cái địa vị “thượng phẩm thượng sanh” chứ chẳng lẽ lấy sự đời nghiệp ấy mà tự hạn con đường tiến bộ.

22/Hỏi: Sự niệm Phật trong ban ngày tuy chưa được bậc nhất tâm, mà cũng không đến nỗi thập phần quên mất; chỉ ngại vì trong lúc chiêm bao còn thấy những tập khí thời xưa hiện ra đủ thứ, thì biết cái công phu tạm thời, không thể gì thắng nổi cái nghiệp tập khí nhiều kiếp. Nhưng khi ngủ chiêm bao mà mình còn không làm chủ được, thì sự sanh tử đâu khỏi lẽ tùy nghiệp mà chìm nổi trong biển luân hồi.

Ngày nay nếu muốn bắt chước như cổ nhân ngồi hoài không nằm cho khỏi mê, thì lại sức lực yếu gầy làm theo không được. Còn nếu muốn bắt chước như người thường, ngày ăn đêm ngủ cho thông thả, lại e mê với tỉnh chia ra, khó bề hợp nhất. Vậy thì làm cách nào cho khi thức hay khi ngủ mà ông chủ nhân ta cũng thường soi tỉnh cho được?

Đáp: Ôi! Đang lúc thanh thiên bạch nhật, những người tu Tịnh nghiệp đối với cái hoàn cảnh phải thương ghét lưỡng lưỡng kia, còn phải bị tâm theo cảnh chuyển mà quên mất chánh niệm luôn luôn, huống chi lúc đêm ngủ chiêm bao, làm sao nhớ cho được.

Nhưng nên biết rằng: cũng bởi cái tính quyến luyến của chúng ta ở cõi Ta Bà rất nặng, mà cái niệm tưởng nhớ về Tịnh Độ quá yếu; nếu lấy đòn cân “tâm” nhắc thử hai bên mà coi, thì chắc là bên voi bên chìm, quả nhiên như vậy.

Nếu chúng ta đã có lòng nghiên cứu về vấn đề sanh tử, thì nên đem sự thật mà quán sát cho kỹ, coi thử những việc trên thế gian này, có cái gì thật mà chẳng phải giả, và có cái gì vui mà chẳng phải khổ hay không?

+ Nếu đã biết là giả, thì cái giả ấy cũng như trong giấc chiêm bao, có lẽ đâu ta trước nhiệm theo cảnh ngộ xem thấy đó mà chắc làm khoái lạc được.

+ Còn nếu đã biết là khổ thì cái khổ ấy cũng như ở trong nhà lửa, có lẽ nào ta cứ an trụ nơi đó mà mưu phần sanh hoạt được.

Vậy thì nên ném xa thế sự, dẹp sạch trần duyên, mà quán cảnh Tây Phương nhất tâm niệm Phật.

Nếu khi ban ngày, ta mở con mắt ra mà không mất chánh niệm, thì tự nhiên trong lúc ban đêm ngủ chiêm bao cũng được như vậy, thì chắc là trong lúc chết, cũng không thể làm cho mất chánh niệm được.

Nên Ngài Thiên Thai Trí Giả nói rằng: “Cái tâm tại định trong lúc lâm chung, tức là lúc vắng sanh Tịnh độ”.

Nếu biết như vậy, thì cái cảnh giới “thức ngủ như nhau” đến đó là hy vọng được.

23/Hỏi: Cổ nhân nói là chưa rõ được việc “sanh tử đại sự”, thì cần phải thân cận với thầy mai thăm chiều hỏi, cầu cho “tổ ngộ” mới thôi. Thế mà ngày nay mấy người tại gia tu Tịnh độ, đã không gần thầy gần bạn, lại những cảnh tương đối trong hàng ngày, toàn là vợ con quyến thuộc, tai nghe mắt thấy, việc gì cũng làm cho ngăn ngại đường đạo, ràng buộc dây duyên, không có chút gì là thanh tịnh cả. Vậy phải xuất gia ly tục cho thoát khỏi lưới trần, hay là ở nhà cũng có cách phương tiện mà trừ dứt được?

Đáp: Những người tu Thiền hay tu Tịnh độ, chẳng luận là tại gia hay xuất gia, chỉ coi chỗ nhân địa phát tâm có chân thật hay không mà thôi.

+ Nếu quả như phát tâm chân thật thì tuy ở nhà hằng ngày đoàn tụ với vợ con quyến thuộc đi nữa, cũng không thể gì làm ngăn ngại con mắt “tri nhãn tinh minh” kia được. Cho nên từ xưa đến nay, những kẻ tại gia đắc đạo mà “tai ta nghe, mắt ta thấy” nhiều biết bao nhiêu, chứ đâu chỉ xuất gia mới là tu được.

Trong phẩm “Tịnh hạnh” kinh Hoa Nghiêm dạy người tu hành dụng tâm cho khéo; nếu có xúc ngộ duyên cảnh gì, thì phát một trăm bốn mươi lời nguyện, mà lời

nguyện đầu hết có nói rằng: “Bạc Bồ tát tại gia, phải nguyện cho chúng sanh, biết gia tánh vẫn không, khỏi bị sự bức bách”.

Nếu quả biết được tâm tánh vẫn không, tất cả việc gì cũng tùy duyên, chẳng sanh lòng tham luyến chấp trước, dầu cho lúc nào có bông con giỡn cháu, cũng đều có thể mở mang được cõi tánh thiên và giúp ích được phần chánh quán.

+ Còn như chỗ phát tâm không chân thật thì chẳng những tại gia không đắc đạo, mà dầu có xuất gia đi nữa thì cũng là một người giữ Phật coi chùa chớ chẳng ích gì cho bản phận cả.

24/Hỏi: Chuyên niệm danh hiệu Phật, hiệu lực so với trì chú thể nào?

Đáp: Phật hiệu cùng trì chú công đức bằng nhau, duy cần phải **chí thành** mới được cảm ứng. Nếu trong tâm trước có một niệm xem khinh Phật hiệu thì sẽ không được lợi ích chân thật. Lỗi ấy do tâm không chí thiết, nghi ngờ.

25/Hỏi: Phật A Di Đà tự tánh, cõi Tịnh độ duy tâm, cùng với cõi Tịnh độ Và Phật ở Tây phương là hai hay là một?

Đáp: Có Tịnh độ duy tâm mới sanh về Tây phương Tịnh độ. Nếu tâm mình không tịnh thì đâu có thể vãng sanh. Dù cho kẻ nghịch ác dùng mười niệm cũng được vãng sanh, cũng phải do **tịnh tâm niệm Phật** mới cảm sanh về cõi Tây phương. Người đời phần nhiều cho rằng: đã duy tâm thì không Tịnh độ. Đó là sự hiểu biết của hàng ngoại đạo. Thứ tà kiến tợ phải quấy ấy chiếm hơn phân nửa, khiến cho người niệm Phật không được thật ích.

Do đức Di Đà tự tánh, nên hành giả cần phải niệm Phật A Di Đà Tây Phương, cầu được vãng sanh, để lần lượt tiến tu thân chứng Di Đà tự tánh. Nếu chỉ chấp riêng Phật A Di Đà tự tánh mà không niệm đức Di Đà Tây Phương, dù cho được chân thật tỏ ngộ chưa thể thoát ngay đường sanh tử, huống chi kẻ thốt ra lời ấy phần nhiều là hàng tự thị nói suông ư? Đến vấn đề đồng dị (giống nhau và khác nhau) một mà hai là trước khi chưa thành Phật, hai mà một là sau khi đã thành Phật.

26/Hỏi: Câu “Sanh thì quyết định sanh, về thì thật không về” nghĩa là gì?

Đáp: “Sanh thì quyết định sanh” là nói ước về sự.

“Về thì thật không về” thì nói ước về lý.

Nhưng kẻ chưa thông sự, chỉ y theo sự tướng mà niệm Phật cho già già là được. Chẳng thế thì thành ra lỗi chấp lý bỏ sự của hàng tà ma ngoại đạo.

27/Hỏi: Lúc ngồi thì tu quán, còn các thời khác thì trì danh, sự kiêm tu như thế so với sự chuyên tu một pháp bên nào hơn kém?

Đáp: Những tâm trầm tịch thuần túy, muốn kiêm hay chuyên tu về quán tưởng hoặc trì danh, cũng đều tốt. Nhưng chẳng thế thì chuyên trì danh có phần ổn hơn, vì người tâm trí phụ bạc rộn ràng mà tu quán sẽ sanh nhiều ma chướng.

28/Hỏi: Khi quán tưởng thấy cõi Cực Lạc, đó là cảnh thật hay hiện tượng giả?

Đáp: Quán tưởng mà thấy cõi Cực Lạc là duy tâm hiện ra, nếu cho rằng giả đó là kẻ ngoài cửa.

29/Hỏi: Quán thấy cõi Cực Lạc lại có thể nghe pháp, đó có phải thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông chăng?

Đáp: Đó là do sức quán xui khiến, nếu thiên nhãn, thiên nhĩ dù không quán cũng có thể thấy nghe.

30/Hỏi: Có kẻ nói: “Thấy Phật là Phật tự tâm, không phải là Phật Tây phương”. Thế thì khi vãng sanh, Phật tự tâm hiện hay là đức Di Đà ở Tây phương đến tiếp dẫn?

Đáp: Khi lâm chung thấy Phật là do tự tâm chiêu cảm, không nên đem về tự tâm mà cho rằng không có Phật A Di Đà đến tiếp dẫn.

31/Hỏi: Tọa niệm từ đâu sanh ?

Đáp: Tâm ta chỉ có một niệm, niệm Phật tức là nó, tọa niệm cũng là nó. Chỉ nhân ta niệm Phật chưa tinh chuyên, nên niệm trần còn vẫn vướng đó thôi.

32/Hỏi: Làm sao trừ được tạp niệm kia?

Đáp: Không cần phải trừ, chỉ đem tâm niệm hoàn toàn để lên danh hiệu Phật, tạp niệm lần lần tan biến.

33/Hỏi: Nhưng rũi tinh lực yếu kém suy mỗi, không thể khiến cho nó tiêu mất, phải làm sao?

Đáp: Người đạo lực chưa thuần thực nên tán loạn nhiều, phải thâm nhiếp sáu căn lần lần sẽ được thanh tịnh. Nếu chưa làm được như thế, thì mở mắt nhìn chăm chú tượng Phật mà niệm hoặc nhắm mắt chuyên tưởng chân dung mà niệm, tạp niệm sẽ tiêu.

34/Hỏi: Cách ấy cũng hay, nhưng sợ e lần lần mỗi một tạp niệm lại nổi lên thì sao?

Đáp: Trong tâm mờ tối, nên bị ngoại cảnh kéo lôi, niệm Phật không đắc lực, thậm chí vọng niệm dày đặc không tan. Nhưng đừng vội vàng nóng nảy, phải lắng định tâm tư, niệm chậm rãi, Phật hiệu phát ra từ nơi tâm, phát thành tiếng nơi miệng, rồi lại

vào nơi tai, tự tâm nghĩ, miệng niệm, tai nghe tiếng niệm. Cứ tuần tự như thế vọng niệm sẽ lần lần tiêu mất.

35/Hỏi: Phương pháp trên quá hay, chỉ e người căn tánh quá tối, không làm được lại phải làm sao?

Đáp: Nên đem sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” mà niệm. Khi niệm ghi nhớ rành rẽ tiếng thứ nhất là Nam, tiếng thứ hai là Mô, tiếng thứ ba là A, tiếng thứ tư là Di, như thế đủ sáu chữ, liên tục không dứt thì vọng niệm không còn chỗ **sanh ra**. Đây là phương cách tuyệt diệu nên ghi nhớ rõ.

36/Hỏi: Dụng tâm thế nào mà không bị tán loạn?

Đáp: Nên vận dụng “thân, miệng, ý” mà niệm, không đề ý đến “tán” hay “định”, chỉ làm sao cho câu niệm Phật không ngưng dứt, tự sẽ được nhất tâm, hoặc cũng có thể gọi chính nó là nhất tâm. Nhưng phải niệm mãi không thôi, giống như mẹ lạc con thơ, rông mắt trái châu bốn mạng, thì không còn lo gì tán loạn, không cầu nhất tâm mà tự được nhất tâm.

Chẳng nên cưỡng ép cho quy nhất, vì dù cưỡng ép cũng không thể được, thật ra chỉ do người tu siêng năng hay biếng trễ mà thôi! Nghĩ thương cho người đời nay, phần nhiều tu mà không hiệu nghiệm, ấy cũng bởi lòng tin còn cạn cợt, nhân hạnh không chân.

Lắm kẻ chưa từng lập hạnh, đã muốn cho người biết trước, trong thì tự phụ, ngoài lại khoe khoang, tỏ ý chỗ sở đắc, để được mọi người cung kính, thậm chí có kẻ nói dối là mình đã trông thấy tịnh cảnh, hoặc thấy được cảnh giới nhỏ, hay những tướng tốt trong giấc chiêm bao. Thật ra chính họ cũng không phân biệt đó là chân hay vọng, nhưng cũng cứ khoe khoang bừa ra. Những kẻ tâm hạnh kém ấy, sẽ bị ma làm mê hoặc, nguyện hạnh lần lần lui sụt, trôi theo dòng sanh tử luân hồi. Như thế há chẳng nên dè dặt ư?

37/Hỏi: Niệm hồng danh đức A Di Đà Phật, có thể tiêu trừ nghiệp vô minh tăm tối và được vãng sanh, sao có người xưng niệm mà vô minh vẫn còn, lại không mãn nguyện là duyên có gì?

Đáp: Do không như thật tu hành, cùng với danh nghĩa không hợp nhau, ấy chẳng biết Như Lai là chân thật tướng. Lại có 3 thứ không tương ưng:

1. Là lòng tin không thuần, khi còn khi mất.
2. Là lòng tin không quy nhất, thường đổi thay không quyết định.
3. Là lòng tin không được tương tục hằng bị tạp niệm làm cho gián đoạn.

Cho nên khi niệm Phật phải nhiếp tâm đừng cho tán loạn, nếu niệm được tương tục tức là tín tâm, là nhất tâm, là thuần tâm. Niệm như vậy mà không được vãng sanh là vô lý.

Ngày 01-01-2001

Sưu tập: Tỳ Kheo Thích Giác Nhiên

MƯỜI CÔNG ĐỨC ÁN TỔNG KINH, TƯỢNG PHẬT

1. Một là, những tội đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ
2. Hai là, thường được thiên thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương, hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.
3. Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.
4. Bốn là, các vị Hộ Pháp, Thiện Thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa, ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.
5. Năm là, tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiện sang, mạnh khỏe, an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
6. Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.
7. Bảy là, lời nói, việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến, ngợi khen.
8. Tám là, ngu chuyển thành trí, bệnh lành, mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nếu nhàm chán thân nữ, mệnh chung liền được nam thân.
9. Chín là vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh về cõi thiên, tướng mạo, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.
10. Mười là hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm phước điền cho mình. Nhờ được công đức ấy đạt được vô lượng phước thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe Pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

ẤN QUANG TỔ SƯ DẠY:

Ấn tổng Kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên khi gặp chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề ấn tổng để trồng cội phước đức cho mình và thân bằng quyến thuộc.

